

SỐ 21 NGÀY 15 - 11 - 1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO vụ thử sức tại Rhodésie * LÊ VĂN HẢO dân
tộc học * VƯƠNG HỒNG SẼN một biến thể lạ lùng
của chén trà Nhật * ĐOÀN THỀM quan niệm ứng
dụng trong kiến trúc hiện đại * NGỌC VÂN Albert
Einstein và thuyết tương đối * VÕ HỒNG con
đường gai * THANH TÂM TUYỀN cát lầy * ĐÀO
ĐĂNG VỸ Cholokhov và văn chương hiện đại của
Nga Sô Viết * VÕ QUANG YẾN Nobel Khoa học
1965 * THANH THUYỀN sương mù * **SINH HOẠT**
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ * Đ. T. văn nghệ
thề thao với ngoại giao * V. P. Phạm-Duy, tâm ca
và tuổi trẻ * NGÊ BÁ LÍ
thiếu nhi lâm nguy * P.T.
phát huy văn hóa dân tộc.

213



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S.F. DES DISTILLERIES DE L'ÉTOILE

DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vụn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DIC

AIP

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 213 ngày 15 - 11 - 1965

VŨ-BẢO vụ thử sức tại Rhodésie	3
LÊ-VĂN-HẢO dân tộc học	11
VƯƠNG-HỒNG-SẼN một biến thể lạ lùng của chén trà Nhật	19
ĐOÀN-THÊM quan-niệm ứng-dụng trong kiến-trúc hiện-đại	31
NGỌC VÂN A. Einstein và thuyết tương đối	39
VÕ-HỒNG con đường gai (truyện ngắn)	49
ĐÀO-ĐĂNG-VỸ Cholókhov và văn chương hiện-đại của Nga-sô-viết	61
VÕ-QUANG-YẾN giải Nobel Khoa học 1965	65
THANH-THUYỀN khởi sương (thơ)	71
THANH TÂM TUYỀN cát lầy (truyện dài)	73
SINH HOẠT	
TRĂNG-THIÊN thời sự văn nghệ	77
Đ.T. văn nghệ, thể thao, với ngoại giao	80
V.D. Phạm-Duy tâm ca và tuổi trẻ	82
NGÊ-BÁ-LÍ thiếu nhi làm nguy	83
P.T. phát huy văn hóa dân tộc và chống văn hóa đồi trụy	84

BÁCH-KHOA THỜI - ĐẠI

trong những số tốt

Thái độ của Nhật-bản tại Hội-nghị Á-phi

VŨ-BẢO

Thẳng và cong trong kiến-trúc hiện-dại

ĐOÀN THÊM

Đối-tượng và mục-đích dân tộc học

LÊ-VĂN-HẢO

Máy tính điện-tử trong đời sống ngày nay

BŨU-CHÁNH

Vài điều nên lưu ý về Thời-biêu

NGUYỄN-PHƯƠNG

Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt-văn

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Nỗi hoài nghi của Cézanne (dịch Merleau-Ponty)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Nhạc Jazz

TRẦN-VĂN-KHÊ

Hôn nhân dị chủng (lá thư Ba Lê)

MỘNG-TRUNG

Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê

NGUYỄN-NGU-Í

Những khung trời ngỏ (ký sự)

VŨ-DZŨNG

Chiều trong làng (truyện ngắn)

Y-UYÊN

Mèo đêm (truyện ngắn)

NG.-THỊ-THỤY-VŨ

Hoạt cảnh II (truyện ngắn)

VŨ-PHIỂN

BI KỊCH PHI-CHÂU CỦA
THỦ-TƯỚNG ANH H. WILSON

• VŨ - BẢO

Độc - lập Đen

Độc-lập Trắng

Vụ thử sức tại RHODÉSIE (*)

Chuyến đi thật là vất vả. Thủ tướng nước Anh, ông Harold Wilson đã phải bỏ ra cả một tuần lễ để viếng thăm xứ Rhodésie, đặt chân trên mảnh đất các thần dân của Nữ Hoàng mà tưởng chừng như lạc lõng vào một mặt khu đối nghịch. Quân thù, lại chẳng phải là dân da đen bản xứ, quân thù lại là bọn da trắng đồng hương với Thủ tướng Wilson. Ông ta cũng thấy rõ những chông gai hiểm trở của cuộc hành trình nên đã mang đi theo cả một lực lượng hùng hậu. Ngoài ông Bottomley, bộ trưởng phụ trách liên lạc với khối Liên Hiệp Anh, đoàn tùy tùng còn gồm 55 người, phần lớn là những chuyên gia thượng thặng về các vấn đề Phi châu. Đặc biệt hơn nữa là một ngày trước khi ông tới Rhodésie,

một chuyến máy bay riêng đã chở đến 3 tấn tài liệu cho phái đoàn tiện tra cứu hay xử dụng mỗi khi cần.

Quang cảnh chờ đợi ông Wilson ở phi trường Salisbury cũng chẳng có chi là khích lệ. Lơ thơ vài người da trắng, có người huyết sáo hay thối còi khi thấy Thủ tướng Wilson. Dân da đen ra đông nhưng trong khi xe của ông Wilson chạy theo con đường bên phải, thì cảnh sát đã buộc họ phải xếp hàng theo dọc con đường bên trái. Một thiếu nữ da trắng đứng lẫn vào nhóm da đen đã được một toán thanh niên da trắng lôi ra, trở vào mặt: "Muốn tốt trở về chỗ cũ ngay."

Khi ông thực dân đòi độc lập cho thuộc địa

Đối với người ngoại cuộc, thật là một

(*) **TIN CUỐI CÙNG**: Khi báo đã lên khuôn thì được tin Rhodésie đã thu
phương tuyên bố độc lập (L.T.S.)

điều khó hiểu. Rhodésie là một (11): địa của Anh. Nay có ông Thủ tướng từ mẫu quốc sang chơi, thì kẻ hân hoan phải là người da trắng, và dân Phi Châu có đi đón chằng nữa thì cũng chỉ là miễn cưỡng mới đúng nhẽ. Đảng này không! Ông Wilson đã bị chính người da trắng tại Rhodésie tẩy chay trong khi dân bản xứ lại hoan hô ông nồng nhiệt.

Lý do là người da trắng đã muốn đòi cho Rhodésie được độc lập mà Thủ tướng Wilson đã không thể chấp nhận được lời yêu cầu của họ.

Mới coi thì dường như người da trắng chẳng cần gì mà phải tranh đấu đòi độc lập cho Rhodésie. Họ đang sống một cuộc đời đầy đủ: khí hậu ôn hòa, đất cát thật phì nhiêu, kinh-doanh dễ dàng, trong nhà lại sẵn kẻ hầu người hạ. Hơn nữa từ năm 1923, họ đã được Anh quốc để cho tự do tổ chức lấy chính quyền, quân đội, và hiện nay 219.000 người da trắng đã kiểm soát chặt chẽ mọi cơ cấu của một thuộc địa gồm 4 triệu dân da đen.

Như vậy đáng lý người da trắng phải tự lấy làm thỏa mãn không cần khải đòi hỏi chi thêm. Mà dù họ có đòi cho Rhodésie được độc lập đi chằng nữa, thì với trào lưu hiện nay, dưới một chính phủ do đảng Xã-Hội của ông Wilson lãnh đạo người ta cũng không thấy một lý gì khiến cho Anh quốc cứ nằng nặc chối từ. Thứ nhất là Rhodésie trước đây nằm trong cùng một liên bang với hai xứ khác nữa và hai xứ này đã được Anh quốc trả độc lập vào ngày 31 tháng 12 năm 1963: đó là Zambia và Malawi.

Nay có đến lượt Rhodésie đòi độc lập, tương cũng là một chuyện dĩ nhiên mà Anh quốc vẫn hăng chờ đợi mới là phải.

Một điểm đáng chú ý nữa là trong khi dân da trắng phát sốt lên về chuyện đòi độc lập thì dân bản xứ nếu không phản đối cũng vẫn lạnh lùng. Bởi vì thực ra có nhiều thứ độc-lập. Thứ độc lập của người da trắng không phải là thứ độc lập người da đen thêm muốn. Người da trắng muốn cho Rhodésie độc lập để củng cố và duy trì những quyền lợi của họ, để mãi mãi làm người da trắng trên đất của người da đen. Trong khi đó, người da đen muốn Rhodésie độc lập để cho người da trắng hết còn là giai cấp nắm độc-quyền.

Hiến pháp năm 1961

Quan điểm của người da trắng đã được Thủ Tướng Rhodésie, ông Ian Smith tới Luân Đôn để bênh vực trước Chính Phủ Anh vào đầu tháng 10 vừa qua: Anh quốc sẽ trao trả ngay độc lập cho Rhodésie và xứ này sẽ giữ nguyên những định chế được trù liệu trong Hiến-pháp năm 1961.

Theo Hiến-pháp này thì không phải người công dân Rhodésie nào cũng có quyền bầu cử. Muốn được ghi tên trên danh sách cử tri phải hội đủ những điều kiện về lợi-tức và học-vấn. Trong một khung cảnh xã-hội nhiều chênh-lệch như Rhodésie và với trình độ phát-triển của người bản xứ, Hiến-pháp đó đã gần như chỉ cho có một dúm người da đen quyền đi bỏ phiếu. Đã thế ngay những người

da đen đủ điều kiện cũng hưởng ứng lời kêu gọi của các lãnh tụ chính trị của họ mà từ chối không đi ghi tên vào danh sách cử tri. Thành ra dân da đen đông tới 4 triệu người mà chỉ có 150.000 người có quyền đi bầu và chiếm được có 15 ghế trong một quốc hội gồm 65 đại biểu, 50 ghế kia do người da trắng nắm giữ hết mặc dầu tỷ lệ người da trắng chỉ được 5 phần 100 tổng số người da đen.

Đã thế lại còn có những đạo luật rất là thiên lệch, thí dụ như Land Apportionment Act, luật về phân phối ruộng đất. Theo đạo luật này thì diện tích dành cho người da trắng khai khẩn vào khoảng 36 triệu acres, và người da đen còn lại 44 triệu acres, tính đồ đồng một người da trắng có thể được hưởng 163 acres trong khi mỗi đầu người da đen chỉ được 11 acres (1)

Ngoài Hiến-pháp và luật lệ lại còn những sự đãi ngộ khác biệt do tập-quán tuy có mờ phai dần với thời gian nhưng cũng còn đủ để chia rẽ hai sắc dân. Ngày nay vào nhà bưu điện ở Rhodésie người ta không còn thấy những guichets bán tem riêng biệt cho người da trắng và người da đen như 10 năm về trước, nhưng tại các nơi công cộng, khách sạn, rạp hát, trường học v.v.. người ta vẫn còn được chứng kiến những cố gắng của hai bên để tránh những gán gù không cần thiết.

(1) Mỗi acre rộng trên 4000 thước vuông. Mỗi mẫu tây (hectare) rộng gần 2,5 acres.

Mỗi bên một nửa

Lẽ dĩ nhiên người da trắng đã tìm ra nhiều lý lẽ để biện minh cho thái độ của họ. Đất Rhodésie của người Phi mà bây giờ có bộ mặt như thế này là nhờ bao nhiêu «mồ hôi vun sỏi» của người da trắng. Ông Smith, vị thủ tướng đầu tiên sinh trưởng ở Rhodésie thường nói với mọi người: «Cha tôi luôn luôn nhắc nhở tôi rằng người da trắng chúng ta có quyền trên nửa đất này cũng như họ có quyền trên phần đất của họ.»

Người có của, kẻ góp công như vậy là công bằng lắm rồi, còn gì nữa. Ngay đến luật đi bầu cũng là «công bằng». Đã đành rằng luật đòi phải có đủ điều kiện về học vấn và lợi tức, nhưng là đòi chung tất cả mọi người chứ đâu có đòi riêng người da đen. Ai bảo họ ít lợi tức và ít học!

Rồi lại đến cả đạo-luật về phân phối ruộng đất cũng là cốt để «bảo vệ» người da đen. Không có đạo luật đó thì những điền chủ da trắng tham lam sẽ không còn bị giới hạn gì nữa, và sẽ mặc sức khai khẩn còn chi là phần của người bản xứ?

Khi kẻ đối thoại mà đã lý luận đến như vậy thì thật là khó nói chuyện. Trước yêu sách của ông Ian Smith, thủ tướng Anh Harold Wilson đã cương quyết trả lời không. Không thể nào nói chuyện trao trả độc lập cho Rhodésie nếu không có một bảo đảm là quyền hành sẽ được chuyển giao lần lần cho đại đa số dân chúng nghĩa là cho người châu Phi.



Ian Smith

Đi tới U.D.I.

Sự cương quyết của Thủ tướng Wilson đã làm cho ông Ian Smith cứng rắn hơn. Cách đây 18 tháng, khi ra ứng cử ông Smith đã tóm tắt chương trình của mình trong một khẩu hiệu: « Trong đời tôi, sẽ không có người Phi cầm quyền ». Nay trước sự từ chối của Thủ Tướng Wilson, ông Smith đã bỏ ra về và cho biết là thương thuyết độc lập mà không được thì Rhodesie sẽ chủ trương U.D.I (Unilateral Declaration of Independence) tức là sẽ đơn phương tuyên bố độc-lập.

Mà U.D.I thì không còn ai lường hết được hậu quả. Nền tảng của khối Liên Hiệp Anh có thể bị lung lay vì nhiều nước Phi-châu sẽ phản đối bằng cách rút ra khỏi khối Thịnh Vượng chung. Bác sĩ Nyerere đã có lần ngỏ ý công khai muốn để cho liên bang Tanzanie dẫn đầu phong trào ly - khai đó. Giữa đa số người da đen và thiểu số da trắng có thể có những cuộc đụng độ đẫm máu và những xung đột này có thể lan tràn khắp Châu Phi như một phản ứng

dây chuyền không biết tới bao giờ mới hết. Dù không có chuyện gì xảy ra nữa thì thế giới cũng sẽ nhìn Anh Quốc như là một nước đã đang tụt nếu không nói là đồng lõa với một chính sách kỳ thị chủng tộc và tất cả những lời đẹp đẽ mà Anh Quốc đã từng phát biểu về bình đẳng, tự quyết, dân chủ, công quyền từ nay sẽ chỉ còn được coi như là những lời nói dối. Và không còn có món quà nào được Nga-Sô và Trung Cộng đón nhận một cách hoan hỉ hơn trong khi hai nước này đang vận dụng mọi cố gắng tuyên truyền để gây ảnh hưởng tại Phi Châu.

Nhưng hậu quả gần gụi hơn hết sẽ là ở ngay trong hàng ngũ đảng Xã Hội của ông Wilson. Hiện nay thủ tướng Anh nắm quyền binh với một đa số hết sức mỏng manh là 3 phiếu, nếu Rhodesie lại còn đi tới U.D.I., chắc chắn sẽ có nhiều nghị sĩ trong đảng ông phản đối và Nội các của ông Wilson khi đó sẽ khó tránh khỏi bị lật nhào.

Lá thư riêng của Nữ Hoàng

Vì những lẽ trên ông Wilson đã phải làm đủ mọi cách để trì hoãn việc xúi Rhodesie đi tới U.D.I. Ông lên đại vô tuyến truyền hình phân tích những ảnh hưởng nghiêm trọng của việc đó và kêu gọi thống thiết: « I say to Mr Smith: Prime Minister, think again » (Tôi xin nói với ông Smith: Xin Thủ Tướng hãy nghĩ lại).

Sau đó ông Wilson đã có một quyết định chưa bao giờ từng thấy trong lịch sử nước Anh là bay một vạn cây số đến

tận đất của bọn đồng hương « phiến loạn » - đề mà cố gắng thương thuyết một lần chót. Ông cũng mang theo cả một khí giới mạnh mẽ, đó là lá thư riêng của Nữ Hoàng Elizabeth gửi Thủ Tướng Ian Smith. Người da trắng ở Rhodésie vẫn được tiếng là thiết tha với nền quân chủ và ông Wilson đã hi vọng rằng những nét chữ ưu nhã và mềm mại của bà hoàng sẽ làm lay chuyển được phần nào anh chàng Smith cứng đầu kia chăng ?

Lập trường rõ rệt.

Ông Wilson cũng yêu cầu được gặp tại Salisbury những lãnh tụ chính trị da đen của Rhodésie. Phần đông những người này đều được nhà cầm quyền da trắng chiếu cố và được nằm trong bóng rợp của các nhà giam. Có hai nhân vật có uy tín hơn hết : đó là Nkomo, lãnh tụ đảng ZAPU (Zimbabwe African People Union) và Sithole, lãnh tụ đảng ZANU (Zimbabwe African National Union).

Thủ Tướng Rhodésie, ông Smith đã chấp thuận đề nghị này : « Chúng tôi chẳng có gì phải dấu diếm cả : Lập trường của chúng tôi thật rõ rệt, ông Wilson muốn gặp ai cũng được ». Và Smith đã cho phi cơ trực thăng chở Nkomo và Sithole từ trại an trí Zoodeyie về thủ đô để gặp Thủ Tướng Anh.

Và muốn chứng tỏ rằng lập trường của mình thật rõ rệt, ông Smith cho đóng cửa luôn tờ Daily News có luận điệu bênh vực dân bản xứ cùng

ta lệnh cho cựu Thủ-Tướng người da trắng Garfield Todd phải cư trú bắt buộc trong một năm liền tại một nông trại cách Salisbury 400 cây số, không được đi đâu hết vì ông này đã yêu cầu chánh phủ phải có những biện pháp giúp cho người da đen bình đẳng và tiến bộ.

Thái độ của ông Smith đã gây ra nhiều phản ứng. Ủy-ban Nhân-quyền của Liên-Hiệp-Quốc đã long trọng lên án kỳ thị chủng-tộc tại Rhodésie. Các Quốc-Trưởng các nước trong tổ chức Phi-Châu Thống-nhất O. U. A. họp tại Accra (thủ đô xứ Ghana) gần đây đã công bố một quyết nghị đòi Rhodésie 4 khoản :

- Đình chỉ hiến-pháp năm 1961.
- Thả hết các lãnh tụ da đen;
- Thiết lập phổ thông đầu-phiếu;
- Soạn thảo một hiến-pháp mới để đi tới độc lập.

Bọn Cao-Bồi

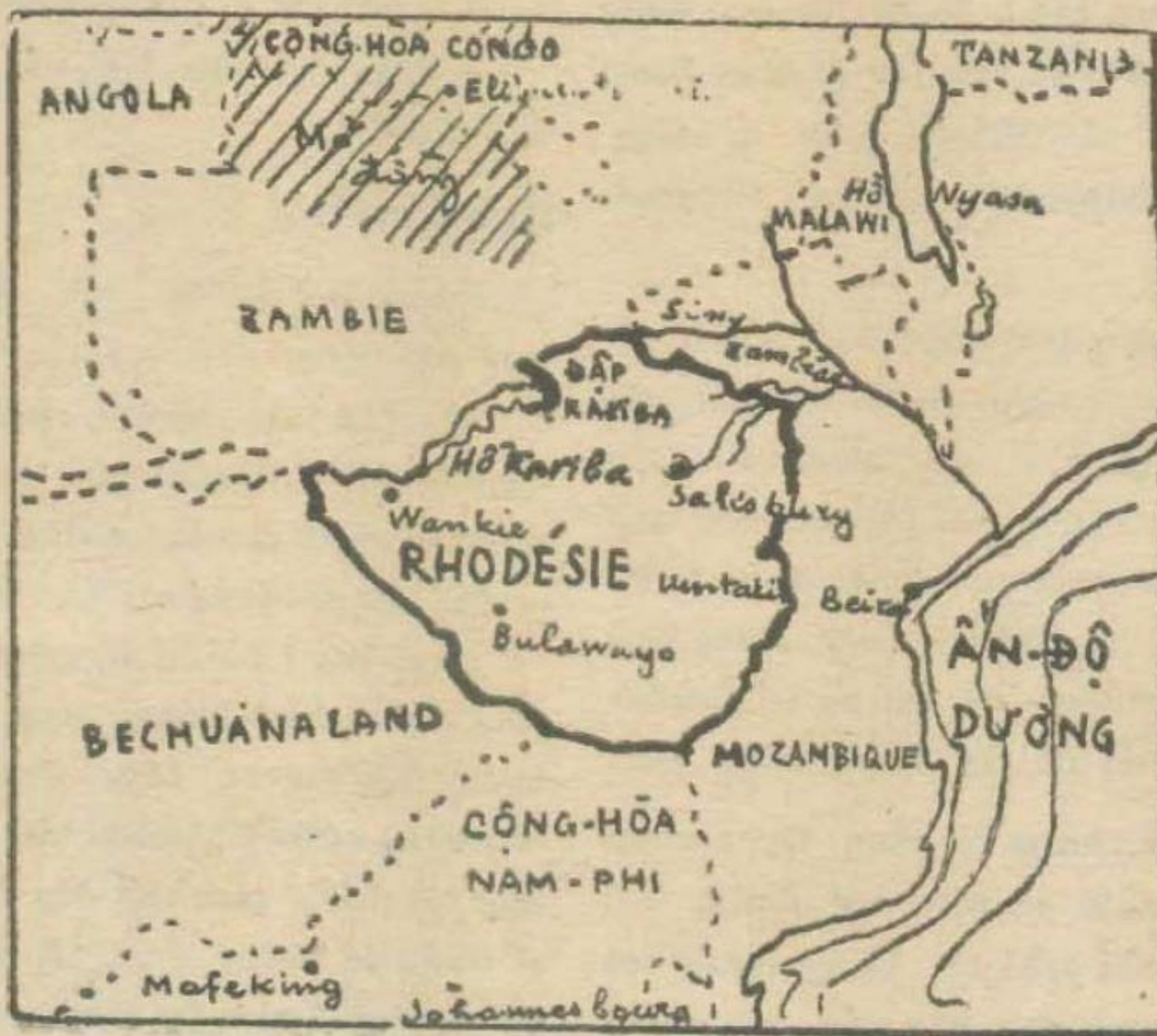
Nhưng Ian Smith, vẫn không một chút nao núng. Trước hết là vì trong nội các của ông toàn những người nhất-quyết đi tới cùng với chủ trương phát triển riêng rẽ cho hai chủng tộc. Người ta đặt cho nhóm người này biệt hiệu là : « bọn cao bồi » bởi vì họ cũng gan lì và liều lĩnh như những tay chăn bò miền Tây nước Mỹ. Ngoài ra vẫn có những nước Châu-Phi tán thành hay ủng hộ chánh sách của ông Smith. Tuy số nước đó không nhiều nhưng cũng đủ để cho ông Smith ấm lòng hay phần khởi

trong khi đương đầu với một dư-luận thế giới ngày một khắc-nghiệt. Đó là các xứ Angola và Mojambyque, hai thuộc địa của Bồ-đào-Nha mà nhà cầm quyền da trắng có lợi hiển nhiên trong việc hỗ-trợ chính-sách của ông Smith tại Rhodésie. Đó cũng là trường hợp của Malawi, một nước độc-lập nhưng lại lệ thuộc Rhodésie về vấn đề tiếp tế và thường cho dân chúng sang Rhodesie kiếm công ăn việc làm. Nhưng quốc gia ủng hộ chủ trương của ông Smith một cách nồng nhiệt hơn hết vẫn là Cộng-Hòa Nam-Phi. Xứ này độc lập từ 1910 và từ đó tới nay hiện ra trên bản đồ thế giới như một bằng chứng vừa hùng hồn vừa hỗn sược về sự « thành công » của chính sách « apartheid », theo đó thì dân da trắng và dân da đen phải sống riêng rẽ và phát triển riêng rẽ. mười năm gần đây Cộng-Hòa

Nam-Phi lại càng như là một thách đố với trào lưu tư tưởng tiến bộ vì mặc dầu có chủ trương lạc hậu như vậy Nam Phi vẫn kỹ nghệ hóa một cách mạnh mẽ. Lợi tức đầu người tăng mỗi năm trên 5 phần trăm và lợi tức quốc gia 7,5 phần trăm. Sự thịnh vượng chung đã làm cho đời sống : người dân da đen cải thiện rất nhiều lương bổng của họ mỗi ngày mỗi cao và

trên 100.000 người da đen xứ Nam-Phi có xe hơi riêng, nghĩa là còn nhiều hơn tổng số người có xe riêng của Liên Xô, quê hương của xã - hội chủ - nghĩa.

Cho nên mặc cho Liên-Hiệp-Anh tẩy chay và thế giới phi nhò, thủ tướng của Nam-Phi, ông Verwoerd vẫn không có lý gì để mà phải thay đổi đường lối của chính phủ ông.



Và lẽ tất nhiên tấm gương của ông láng giềng sát vách đó đã có nhiều quyền rũ đối với ~~anh~~ anh tướng Ian Smith xứ Rhodesie.

Ủy ban 3 người

Trong một khung cảnh bất lợi như vậy người ta thấy trước chuyến công du của ông Wilson sẽ chỉ là một chuyến đi tuyệt vọng. Nhưng, như mọi cử chỉ tuyệt vọng nó mang vẻ đẹp riêng của những người biết là đi đến thất bại mà vẫn hành động vì một nguyên tắc.

Tất cả kết quả mà ông Wilson thu hoạch được sau 7 ngày thảo luận với các nhân viên chính phủ Rhodesie và 120 lãnh tụ quốc gia người da đen là đi tới việc thành lập một Ủy ban 3 người để xét xem Hiến-pháp năm 1961, tu chỉnh lại để làm thế chế căn bản cho một nước Rhodesie độc lập, có được toàn thể dân chúng tán thành hay không.

Nhìn vào thành phần Ủy Ban, người ta cũng chưa thấy hết bi quan. Chủ tịch Ủy Ban là Sir Hugh Beadle, Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm Rhodesie, còn 2 Ủy Viên thì một do chính phủ Rhodesie cử, một do chính phủ Anh cử. Với một đa số là người của ông Smith, tất cả công việc mà Ủy-Ban có thể làm được chắc chắn chỉ là trì hoãn vấn đề hơn là giải quyết vấn đề.

Và ông Smith với rất nhiều tự tin đã tuyên bố với dân chúng "hãy nán chờ một tháng nữa để được thấy Rhodesie độc lập qua đường lối thương thuyết". Dân chúng (người da trắng) đã hoan hô ầm ĩ khi ông Smith nói thêm "Còn nếu thương thuyết mà không thành, chúng ta sẽ phải đi tới việc không thể nào tránh được". Nghĩa là đi tới UDI.

Khi Mẫu quốc trừng phạt

Nếu Rhodesie nhất định đơn phương tuyên bố độc lập thì Anh-quốc cũng chẳng có thể làm gì khác hơn là áp dụng một số biện pháp chế tài.

Trước hết là về phương diện chính trị và ngoại giao, Anh quốc có thể khai trừ Rhodesie ra khỏi khối Liên-Hiệp-Anh, không kiểm nhận các giấy thông hành của Rhodesie hay yêu cầu các nước bạn hữu không công nhận quốc gia vừa "đơn phương tuyên bố độc lập". Hoa-Kỳ và Tây-Đức đã sẵn sàng hưởng ứng lời yêu cầu của Anh và đã cho đại sứ của mình tới gặp ông Smith khi ông tới Luân đôn để cho biết rằng hai nước đó khó lòng có thể trao đổi ngoại giao với chính phủ người da trắng tại Rhodesie. Nhưng lịch sử thế giới đã nhiều lần chứng tỏ sự vô hiệu quả của những trừng phạt về chính trị và người ta chưa từng nghe nói thấy có nước nào khốn đốn vì không được một nước khác công nhận.

Sau đó là những trừng phạt về kinh tế. Anh quốc có thể phong tỏa những số tiền Rhodesie gửi tại các ngân hàng, không bán các nguyên liệu và máy móc cho các xưởng kỹ nghệ Rhodesie, và nhất là đình chỉ việc mua thuốc lá, sản phẩm xuất cảng chính của Rhodesie mà từ trước tới nay Anh quốc vẫn mua hết số sản xuất trị giá 50 triệu Mỹ kim mỗi năm.

Đối với các thương gia hay kỹ nghệ gia chỉ có mỗi một thứ chính trị là kiểm tiền thì các biện pháp kinh tế có thể khiến cho họ nao núng. Nhưng chính phủ người da trắng ở Rhodesie cũng không lấy thế làm quan ngại. Đã đành

rằng họ sẽ phải thắt lưng buộc bụng nhưng họ vẫn có thể trông cậy vào sự giúp đỡ của Angola, Mozambique, Malawi, Cộng hòa Nam Phi và thứ nhất là họ cũng nắm trong tay một vài lá bài đề khi cần thì trả đũa Anh - Quốc ngay về phương diện kinh-tế. Họ có thể bóp nghẹt xứ Zambie bằng cách cắt đứt đường xe lửa duy nhất nối liền xứ này ra biển, ngưng không cung cấp điện lực từ đập Kariba và than từ mỏ Wankie cho kỹ nghệ khai thác quặng đồng của Zambie. Mà xứ này sản xuất tới gần 30 phần trăm quặng đồng của thế giới. Tất cả số đồng cần thiết cho kỹ nghệ của mình, Anh Quốc đều trông cậy vào Zambie, nếu Rhodéne trả đũa như vậy thì chính nền kinh tế của Anh Quốc mới bị nguy khốn và số phận đồng bằng Anh đã nhiều lao đao trong năm qua chắc hẳn sẽ còn nhiều thử thách hơn nữa.

Khi mà các biện pháp chính trị và kinh tế đều tỏ ra vô hiệu thì chỉ còn một cách là *trực tiếp can thiệp bằng quân sự* cho quân đội Anh nhẩy dù xuống Rhodésie chẳng hạn, bắt sống Ian Smith và đồng bọn rồi đem treo cổ chúng lên vì tội phản loạn. Giải pháp này được một số người tán thành, đặc biệt là có những vị đại diện tôn-giáo như Tổng Giám Mục Canterbury, cho rằng việc dùng võ lực là cần thiết nếu phải bảo vệ bình đẳng và nhân quyền.

Nhưng đa số người Anh đã ngại ngưng với giải pháp trên Sự tiến bộ của dân da đen tuy là một mục tiêu cao quý nhưng người Anh cũng chưa tìm thấy

ở đó đủ niềm hứng khởi để mà cho con em của họ sang Rhodésie chết tại núi Inyanga hay bỏ thây bên triền sông Zambéze, cho người da đen được phổ thông bầu phiếu. Ấy là chưa kể sự chuyển vận và tiếp tế vào giữa lòng Phi-Châu đặt ra những vấn đề nan giải và người da trắng Rhodésie với một đạo quân 3 500 chính quy 13.000 trừ bị, 7.000 cảnh sát, 6 phi đội không quân cũng sẵn sàng chờ đón ăn thua đủ với những người anh em ruột thịt do mẫu quốc gởi tới. Trở lại lịch sử thì năm 1776, Anh quốc cũng đã một lần phái quân sang trừng trị một bọn phản loạn da trắng đơn phương tuyên bố độc lập và đã bị tướng Washington đánh bại để cho Hoa-Kỳ từ ngày đó lấy lại đầy đủ chủ quyền.

Có thể nói là giải pháp quân sự, dù thực hiện trực tiếp do quân đội Anh, dù gián tiếp qua một lực lượng Liên-Hiệp-Quốc, cũng không phải là giải pháp của tình thế.

oOo

Vấn đề Rhodésie cần phải nhiều thời gian mới giải quyết được, mà thời gian về phía người da trắng hay về phía người da đen cũng đều là gấp bách Thế giới chúng ta đang sống là một thế giới sốt ruột. Những việc xảy ra trong những ngày sắp tới sẽ tùy thuộc những kẻ đối thoại về vụ Rhodésie. Nhưng làm sao mà lạc quan được khi một trong những kẻ đối thoại đó lại thuộc một bộ lạc ngoan cố nhất, lạc hậu nhất : bộ lạc những người da trắng ở Châu Phi ?

Vũ - Bảo

• LÊ-VĂN-HẢO

DÂN TỘC HỌC

Cái mà chúng tôi tùy nghi gọi là *dân tộc học*, thay vì nhân chủng học bởi những lý do sẽ nói sau, là một ngành trong môn *nhân học*, bên cạnh sử học, xã hội học, tâm lý học, dân số học, địa lý nhân văn mà đối tượng nghiên cứu chung là con người sống và tiến hóa trong không gian thời gian.

Dân tộc học không hẳn là ngành học về các xã hội cổ sơ và cổ truyền trên thế giới, không bắt buộc dính liền với trống đồng, với hội mùa hay chế độ mẫu hệ. Ở đâu có con người sống kết cấu thành đoàn thể, ở đó nhà dân tộc học có thể đến quan sát nghiên cứu ngõ hầu khám phá một số đặc tính của bản chất nhân loại và của đời sống xã hội nói chung. Phương pháp khảo tằm của dân tộc học không khác xa phương pháp

các ngành nhân học láng giềng ; và lại đối tượng nghiên cứu phức tạp thiên hình vạn trạng như con người đòi hỏi sự vay mượn, bổ túc, hỗ tương giữa mọi ngành trong giai đoạn miêu thuật cũng như trong giai đoạn giải thích, lý luận và tổng hợp.

Hãy tạm nói rằng nhân tộc học có khác chẳng các ngành nhân học là bởi đã cố gắng áp dụng vào nếp sống, nếp nghĩ của con người cổ sơ, cổ truyền hay hiện tại một quan niệm nào đó về cuộc đời, một sở kiến nào đó về vấn đề tương giao nhân loại, một cái nhìn độc đáo hết sức thông cảm đồng thời phê phán các duyên do sâu xa chi phối những ý tưởng, những hành vi thường còn của con người sống giữa thiên nhiên và trong xã hội.

Trước khi đề cập đến đối tượng cứu cánh và ý nghĩa của ngành học, thiết tưởng nên đặt vấn đề san định thuật ngữ và hợp lý hóa cách sử dụng các danh từ dân tộc học cốt yếu.

Nhân-chủng-học hay là Dân tộc học ?

Trong học giới miền Nam nước ta thuật ngữ *dân tộc học* chưa được thông dụng như danh từ nhân chủng học chính thức có mặt trong chương trình Đại học (1). Nhưng mới đây trong một vài sách vở nghiên cứu và văn kiện hành chánh thấy xuất hiện từ ngữ dân tộc học (2). Vậy nên dùng danh từ nào cho hợp lý ?

Các tự điển Pháp Việt kể từ Đào Duy Anh dịch *ethnologie* ra nhân chủng học ; cho đến nay danh từ vẫn được dùng theo thói quen mà không được minh giải kể cả trong những bài báo của các học giả đã từng bàn luận đến ngành học này (3).

Về mặt từ nguyên, nhân chủng học là bộ môn học về các chủng tộc người ; nhưng ngay trong trường hợp này dùng danh từ như vậy có ổn chăng ?

Ta nên nhớ rằng *chủng tộc* không phải là một danh từ của văn hóa sử và xã hội học mà chỉ là một danh từ đơn thuần sinh vật học. Khái niệm chủng tộc chỉ định "những đoàn thể người tự nhiên kết hợp, cùng có một số đặc tính chung về thể chất di truyền, dù có thể khác nhau về ngữ ngôn, tập tục hay quốc tịch" (4).

Trong định nghĩa này, danh từ *thể chất* đáng chú ý. Thể chất đây là màu mắt, màu da, loại tóc, ~~loại~~ máu, bề cao của thân thể, chiều dài của chân tay v.v... Học về chủng tộc là nghiên cứu những đặc tính di truyền giải phẫu học, sinh lý học và bệnh lý học của các tập đoàn người khác nhau về thể chất. Đó là phạm trù của một ngành học trung gian của môn sinh vật học và môn nhân học mà Tây phương gọi là nhân loại thể chất học, có khi gọi tắt nhân thể học, cũng gọi là *chủng tộc học* (5).

Chủng tộc học đã chứng minh đời bây giờ không còn có những chủng tộc cô lập và thuần túy nữa. Điều kiện sử

(1) Chứng chỉ nhân chủng học, một trong những chứng chỉ của bằng cử nhân chuyên khoa, đã được mở tại Đại học văn khoa Saigon từ 1960-61 và mới được mở tại Đại học Văn khoa Huế kể từ 1961-66.

(2) Xem Chương trình Đại học Văn khoa Huế, 1964-65, trang 8. Việt Nam thời khai sinh của Nguyễn Phương, Huế 1965 và Dự thảo Chương trình Trung tâm Nghiên cứu Hán học tại Huế (kèm theo nghị định của Bộ Giáo dục cải tổ Viện Hán học Huế thành Trung tâm Nghiên cứu Hán học) 1995 tr.2.

(3) X. chẳng hạn Lời kêu gọi của một nhà nhân chủng học của Nghiêm Thâm trong Văn Hóa Nguyệt San.

(4) Henri-V. Vallois, *Les Races humaines*, Coll. Que Sais-je, P.U.F. Paris 1957. tr. 6 : « groupements naturels d'hommes présentant un ensemble de caractères physiques héréditaires communs quelles que soient par ailleurs leurs langues, leurs mœurs et leurs nationalités ».

(5) X. bảng kê danh từ dân tộc học và phần đối chiếu Việt Pháp ở cuối bài này.

địa của cuộc phân phối loài người trên mặt đất đã làm các chủng tộc hỗn hợp nhau ít nhiều để hình thành những đoàn thể cùng có một số đặc tính xã hội và văn hóa chung gọi là *những dân tộc*, dù đó là bộ tộc (bộ lạc, thị tộc), thiểu tộc (dân tộc thiểu số) hay dân tộc của một nước lớn. Ví dụ dân tộc Tàu có một văn hóa thuần nhất nhưng được hình thành với ít nhất là ba yếu tố chủng tộc : yếu tố trung mông-gô-líc là chính yếu, hai yếu tố phụ là bắc mông-gô-lích và nam mông-gô-líc ; trong lúc ấy yếu tố nam mông-gô-líc là chính yếu trong thành phần chủng tộc của các dân tộc sống ở miền Nam Trung-Hoa bên bờ sông Dương Tử bị Hán tộc từ lưu vực sông Hoàng Hồ bành trướng xuống rồi thôn tính hay đánh đuổi đi, trong số này có một phần tổ tiên người Việt. Do đó Việt tộc gồm có hai thành phần chủng tộc : yếu tố anh-đô-nê-ziên là thành phần thổ trước cổ sơ và thiểu số kết hợp với yếu tố nam mông-gô-líc từ miền Hoa Nam di cư sang ; cả hai yếu tố này sẽ hỗn hợp với yếu tố trung mông-gô-líc trong quá trình thực dân chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa của Hán tộc ở phía Nam trong thiên kỷ I của công-nguyên (6).

Có lẽ sự khác nhau về chủng tộc và sự hỗn hợp cưỡng bách giữa Hán tộc và Việt tộc giảng giải tại sao văn hóa Việt Nam — chủ yếu là văn hóa dân gian — vốn có một căn bản phi Trung Hoa và gần gũi hệ thống văn hóa Đông Nam Á (Cao Miên, Ai Lao, Miến Điện)

hơn là văn hóa nước Tàu (7) mặc dù tư tưởng, văn tự và định chế Trung Hoa đã chi phối toàn bộ cổ sử, trung sử và cận sử Việt Nam.

Ví dụ hơi dài dòng trên đây cho thấy sự khác biệt giữa hai khái niệm *chủng tộc* và *dân tộc*.

Trở lại vấn đề san định danh từ, chúng tôi đề nghị dùng thuật ngữ *dân tộc học* để chỉ định ngành học lấy văn hóa vật chất và tinh thần của các dân tộc làm đối tượng nghiên cứu. Còn danh từ *nhân chủng học* tựu trung có thể gây nhầm lẫn giữa *chủng tộc* và *dân tộc* đáng bị hi sinh không tiếc nuối; nhưng chúng ta nên giữ lại tính từ *nhân chủng* : vì *dân tộc* thường đồng nghĩa với *quốc gia*, nhất là trên bình diện chính trị, nên ta hãy dùng *nhân chủng* khi cần chỉ định *dân tộc* nói chung, bên cạnh hai danh từ *chủng tộc* chỉ định *dân tộc* trên bình diện sinh vật học và *nhân loại* biểu thị tất cả các tộc người.

Từ Dân tộc chí đến Dân tộc học

Mỗi bộ môn của Khoa học, nói chung, phải trải qua hai giai đoạn : giai đoạn đơn thuần quan sát, thí nghiệm và miêu thuật đến trước giai đoạn lý luận

(6) Henri-V. Vallois, *Les Races humaines* sách đã dẫn và G. Coedès *Les Peuples de la Péninsule Indochinoise, Histoire - Civilisation*, éd. Dunod, Paris 1962, tr. 43-46

(7) G. Coedès, *Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie* éd. de Boccard, Paris 1948, tr 23-36 E. Porée Maspéro, *Etude sur les Rites agraires des Cambodgiens*, éd. Mouton, Paris 1962-65 quyển I, II, III.

và cấu tạo những ức thuyết, lý giải và định luật khả dĩ quán xuyên được đối tượng nghiên cứu. Dân tộc học cũng vậy : giai đoạn đầu tiên là xây dựng những công trình dân tộc chí, bao hàm những tài liệu miêu tả thật chính xác.

Dân tộc chí cũng là một thuật ngữ chưa được thông dụng. Thật ra tiếng *chí*, chỉ định loại sách dành riêng cho một chuyên đề và mang tính cách sưu tập hơn là nghiên cứu, vốn có mặt trong thư tịch cổ truyền như *An Nam chí lược*, *An Nam chí nguyên*, dư địa chí. Phan Huy Chú đã dành riêng 10 chí cho lịch sử văn hóa cổ kim Việt-Nam trong bộ *Lịch triều Hiến Chương loại chí*; Quốc sử quán triều Nguyễn có biên tập bộ *Đại Nam nhất thống chí*, v.v... Nhiều học giả xưa cũng đã từng sáng tác những *chí* về phong thổ, nhân vật, thơ văn... của làng mình hay vùng mình : Đặng Xuân Viên có *Thiện đình xã chí*, Phạm nguyên Hợp có *Tiên Hưng phủ chí*, một tác giả khuyết danh có *Tây Hồ chí* (8), v.v...

Những sách này mặc dù có chứa đựng nhiều tài liệu dân tộc học (sử địa phương, phong tục, địa lý nhân văn, địa lý kinh tế) chưa phải là dân tộc chí. Phải đợi đến thế kỷ này mới có những tài liệu thật phong phú như các sách chép tay *Bắc Ninh tỉnh khảo dị*, *Hà đông tỉnh khảo dị* (9) hay những công trình sưu tập và những bước đầu nghiên cứu của một Léopold Cadière về lễ thức và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (10), hay của một Nguyễn văn

Huyền về Hội đền Phù Đồng, Thành hoàng Li phục Man, Nam nữ đối ca tại Việt Nam, Đạo thờ tiên tại Việt Nam (11). Nhìn chung, thấy có rất ít những công trình dân tộc chí nghiêm chỉnh như vừa kể trên, vì vậy nền dân tộc học Việt Nam kể như mới khai sinh.

Dân tộc học Tây phương trái lại được xây dựng trên nền tảng vô số tác phẩm dân tộc chí từ bộ sách *So sánh những phong tục tập quán của thổ dân châu Mỹ* với những phong tục tập quán cổ đại (1724) của Laffite, giáo sĩ người Pháp, đến công trình nổi tiếng của những Malinowski, Margaret Mead, Lévis-Strauss trong nửa đầu thế kỷ của chúng ta (12).

(8) Trần văn Giáp (chủ biên) *Lược sử các tác gia Việt-Nam*, nxb. Sử học, Hà Nội, 1962 tr. 495, 510-11

(9) Hiện tàng trữ tại thư viện của Học hội Á-Đông ở Paris (Société Asiatique de Paris)

(10) L. Cadière, *Pratiques croyances religieuses des Vietnamens* I, II, III, (1942, 1957, 1958.)

(11) Nguyễn văn Huyền *Les Fêtes de Phù đồng* (1938); *Contribution à l'étude d'un génie tutélaire : Li phục Man* (1938); *Les chant alternés des Garçons et des Filles en Annam* (1934); *Le culte des Immortels en Annam* (1944);

(12) Malinowski, *Les argonautes du pacifique Occidental* (1922); Margaret Mead, *Mœurs et Sexualité en Océanie* (1963) Cl. Lévis. Strauss. *Tristes Tropiques* (1955) v.v.v...

Dân tộc chí là giai đoạn đầu tiên của công trình nghiên cứu văn hóa dân tộc, giai đoạn đòi hỏi nhà dân tộc học phải quan sát điều tra tại chỗ trước khi ghi chép, thu thập và miêu thuật các tài liệu. Thường thường tác phẩm dân tộc chí là thành quả của kinh nghiệm sống chung giữa nhà dân tộc học và một đoàn thể người có hạn, về mặt dân số cũng như về không gian cư trú, nghĩa là vừa tầm học hỏi của một người trong một thời gian nhất định.

Giai đoạn dân tộc chí bao gồm những phương pháp và kỹ thuật quan sát tại chỗ, miêu tả, phân loại và phân tích các sự kiện văn hóa vật chất (như dụng cụ, khí giới) và các hiện tượng văn hóa tinh thần (như mỹ phẩm, định chế, phong tục). Một số tác phẩm thuộc về văn hóa vật chất có thể được tiếp tục nghiên cứu trong viện bảo tàng dân tộc học : Viện bảo tàng này chẳng khác gì môi trường khảo sát nối dài, và được xem như phòng thí nghiệm của nhà dân tộc học.

Giai đoạn dân tộc học không xung khắc với giai đoạn trước, nhưng công việc chính yếu là dựa trên tài liệu đã thu thập để bắt đầu công cuộc phê phán và đoán giải tài liệu trên cơ sở đối chiếu, lý luận và ức thuyết, để dần dần đi đến tổng hợp.

Sự tổng hợp sẽ theo ba chiều hướng chính :

— *tổng hợp theo chiều hướng không gian* : một tổng hợp có tính cách địa lý, liên kết các kiến thức dân tộc

học về những đoàn thể người sống gần nhau hay cùng sống trong một địa bàn phân phối diện hình ;

— *tổng hợp theo chiều hướng thời gian* : một tổng hợp có tính cách lịch sử nhằm gây dựng lại quá trình hình thành và biến chuyển của một hay nhiều dân tộc ;

— *tổng hợp theo chiều hướng hệ thống* : một tổng hợp có tính cách chuyên nhất bao gồm tất cả chi tiết về một đặc trưng phong tục, định chế hay kỹ thuật (13).

Từ Dân tộc-học đến

Nhân loại-học

Bởi vì dân tộc học là một trong những ngành của môn nhân học, mọi kết luận và tổng hợp của dân tộc học về văn hóa của một hay nhiều dân tộc đều hướng đến một lý giải toàn diện về con người. Quan sát trực tiếp nếp sống thấu nhập sâu xa nếp nghĩ của con người qua kinh nghiệm sống và nỗ lực nghiên cứu của mình giữa lòng một xã hội sinh động, thuần nhất, đó là phần đóng góp của nhà dân tộc học vào kho tàng chân lý nhân loại học.

Nhân loại học “nhằm đến một nhận thức tổng quát về con người, trong tất cả chiều hướng tiến hóa lịch sử và địa lý, một nhận thức khả dĩ áp dụng cho toàn bộ cuộc phát triển của loài người từ những nhân hầu đến các chủng tộc

(13) Cl. Lévi. Strauss, *Anthropologie Structurale*, éd. Plon, Paris 1958, tr. 387.

hiện đại, một nhận thức bao hàm những kết luận tích cực hay tiêu cực nhưng đều hữu hiệu trong việc đánh giá mọi xã hội loài người từ thành phố to lớn tân kỳ cho đến bộ lạc mê-la-nê-ziên bé nhỏ nhất » (14).

Vậy giai đoạn thứ ba sau dân tộc chí và dân tộc học và cũng là giai đoạn cuối cùng của mọi công trình nghiên cứu nhân học là giai đoạn chuẩn bị những lý giải cho các vấn đề trọng yếu mà loài người đã đặt ra kể từ lúc con nhân hầu cuối cùng đạt đến vinh dự làm con người đầu tiên: Thế nào là bản chất nhân loại? Tại sao con người là một sinh vật xã hội? Đây là tiêu chuẩn phân ranh giới giữa loài người và loài vật?

Từ những câu hỏi này đã nảy ra các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa, tư tưởng và kỹ thuật. (15)

(còn nữa)

L. V. H.

(14) Cl. Lévi Strauss, như trên, trang 338. « l'anthropologie vise à une connaissance globale de l'homme, embrassant son sujet dans toute son extension historique et géographique, aspirant à une connaissance applicable à l'ensemble du développement humain depuis, disons les, hominidés jusqu'aux races modernes; et tendant à des conclusions, positives ou négatives mais valables pour toutes les sociétés humaines, depuis la grande ville moderne jusqu'à la plus petite tribu mélanésienne ».

(15) Trích quyển « Hành trình đi vào dân tộc học » sắp xuất bản.

Danh từ Dân tộc học dùng trong bài này

(Phần đối chiếu Việt Pháp)

bản chất con người	ra'ure humaine	dân số học	démographie
bản chất nhân loại	- nt -	dân tộc	peuple, ethnie
bệnh lý học	pathologie	dân tộc học	ethnologie (Anh : social anthropology; Mỹ : cultural anthropology)
bộ lạc, bộ tộc	tribu	dân tộc chí	ethnographie
chế độ mẫu hệ	matriarcat	di truyền học	génétique
chủng tộc	race	dư địa chí	monographie géographique
chủng tộc học	raciologie, anthropologie raciale hay anthropologie physique	đặc trưng	type
chủng tộc bắc mông gô líc	race nord mongolique	địa lý kinh tế	géographie économique
chủng tộc nam mông gô líc	race sud mongolique	địa lý lịch sử	« historique
chủng tộc trung mông gô líc	race centre mongolique hay race sinienne	địa lý nhân văn	« humaine
chủng tộc anh đô nê-ziên	race indonésienne	đoàn thể người	groupe, groupement d'hommes
chủng tộc mê la nê-ziên	race nélamésienne	định chế	institution
		giải phẫu học	anatomie
		hội mùa	fête saisonnière
		mỹ phẩm	œuvre d'art

miêu thuật	description, descriptif	sử địa phương	histoire locale,
nếp nghĩ	mentalité		histoire régionale
nếp sống	genre de vie	tâm lý học	psychologie
nhân chủng	ethnologique	tâm lý xã hội học	psychologie sociale,
nhân hầu	hominidés		sociopsychologie
nhân học (khoa học nhân văn)	sciences humaines	thị tộc	clan
		thiểu tộc (dân tộc thiểu số)	peuplade, peuple minoritaire
nhân loại	humanité, espèce humaine		
nhân loại học	anthropologie, science humaine	trống đồng	tambour de bronze
		văn hoá	culture,
nhân loại thể chất học (chủng tộc học)	anthropologie physique	văn hoá sử	histoire culturelle (d'un pays)
	— nt —	văn minh	civilisation
nhân thể học		văn minh sử	histoire des civilisations
phong tục	mœurs et coutumes	xã hội cổ sơ	société primitive
phong tục học	folklore	xã hội cổ truyền	société traditionnelle
sinh lý học	physiologie	xã hội tính (bản năng xã hội, hợp quần tính hay quần tính)	socialité, sociabilité
sinh vật học	biologie		
sử học	histoire	xã hội học	sociologie

QUY-VỊ BẦY DẪN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY DÀNH CHỦ LÂM TẠI THUYẾT

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ ĐÁN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT.

17 Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.847 — SAIGON

U
i
c
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY

Hasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG - 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÉM-ÁI, MÁT-MỀ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN - ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116, NGUYỄN-HUYE, SAIGON - 21.624-625-626

Một biến thể lạ lùng của chén trà Nhật (*pièces scatologiques*)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Sau trận đại chiến khốc liệt kỳ nhì bên trời Âu, bên nước Nhật Bồn, mộng Đại-Đông-Á chẳng những bất thành, thêm lãnh thổ thiêng liêng bị gót giày ngoại-bang dày đập. Người Nam-tử con cháu Mặt Trời trong lò g lầy lăm cãm tức Mỹ binh chiếm đóng trên đất Phù-Tang một thời gian : khách mới, mặc dù biết điều, mặc dù rất biết tôn-trọng kỷ-luật, nhưng không sao tránh khỏi sự đụng chạm với người bản-xứ : một đảng chủ cũ thì tánh ưa duy trì, thủ-cự, bảo-tồn đến câu-nệ; khách mới lại sẵn tánh hờ hững, vừa rồi quên lưng bỏ mới ngày nào, nên quen phóng-túg, khiến có khi húc vào người, đụng nhau đổ lửa mà bụng vẫn không dè. Từ ngày Nhật-hoàng làm

mất quyền thiêng liêng « bất khả xâm phạm » thì từ ngày ấy thần dân đảo Phù Tang lão-đảo như mất hồn. Về phái yếu lại càng tệ : phụ nữ Nhật thôi phong gấm xú là như hồi trước. Bởi cuộc giải phóng phải đẹp quá mau lẹ, cho nên hương thơm khuê phòng càng mau thoảng mất... Bọn tu mi nan tử, lòng tuy hăm hực nhưng cũng phải nuốt hận chờ thời.

Riêng đối với mỹ thuật Nhật, khó nói rằng sự chung đụng kia có hại hay có lợi. Cứ kéo lê ngay ra bàn thì quả nghệ-thuật cổ truyền có mất mát một cái gì. Mặt khác, nên thẳng-thắn nhìn nhận hai mươi năm gần đây, nếu không có bàn tay ngoại bang nhúng vào, thì tự

người Nhựt chưa dễ gì dứt khoát với những hủ-bại bất hợp thời của mấy ngàn năm « bết quan tòa cẳng » còn sót lại. Kết luận ngay bây giờ e còn quá sớm ; phải chờ thời-gian trả-lời là điều-kế hơn cả. Một điều hiển nhiên dễ nhận là nếu mỹ thuật Nhựt có thay đổi, được khả quan như đã thấy, ấy cũng nhờ ai ?

Nay xin lấy vài tỷ dụ cho dễ hiểu :

Về môn vẽ tranh dầu, quả họa sĩ Nhựt chưa phát minh, vẫn chưa dứt khoát với tánh ham bắt chước, ưa nhại kiểu phương ngoài.

Về ngành xây cất, Nhựt nay có lầu chọc trời, nhà cao mấy tầng, tiến bộ khả quan. Trước kia, thợ Nhựt noi theo cổ-truyền, thích dùng rơm rạ nhồi quét vôi đất sét để làm vách phen, quen dùng lụa vải hoặc giấy nhúng dầu làm cánh cửa, vách phòng, nay họ sử dụng kim-khí cán mỏng thay thế vào, và ciment cốt sắt. Nhờ vậy, kiến-trúc sư Nhựt tha hồ chế-tạo theo ý muốn, vừa tiện lợi vừa khéo hơn xưa. Có thể nói nay người Nhựt đã nhốt được tư tưởng về kiến-trúc-cổ trong vật-liệu tân-thời. Hiểu theo cách này, thì bên trời Âu, nghệ thuật kiến-trúc có lui chớ không tiến, vì bên ấy đã lấy xi măng thay cho đá hoa, đá chạm, và từ đây không còn biết tân tạo theo lối cổ. Những tác phẩm kiến trúc xưa hay tuyệt vời ngày nay còn sót lại sẽ tiêu mất lần. Phương pháp cổ truyền đã mất, phương pháp tân không khéo bằng.

Đối với nghệ-thuật chế-tạo đồ gốm

và đồ đất nung nói đến đây xin cho tôi vài dòng cho thỏa, vì bản tánh đã quen « thiên-vị vi chức vụ » (*déformation professionnelle*).

Nay xét kỹ lại, thì nghệ-thuật tinh-vi, siêu-phàm của cổ Trung-Hoa, thời-dại Minh-triều (1368-1644), Thanh-triều (1644-1912) nay đã thất truyền.

Nhà Nam-Tống(1127-1276) mất đi, bên nước Thái-Lan, hai vùng Sawankhalok và Sukhotai sản-xuất được đồ gốm men nước biển (*celadon*). Đồ *celadon* hai vùng này tương đương khéo không thua đồ *celadon* Việt Nam, vùng Đông Thanh và Thanh Hóa, cũng xuất hiện đồng một thời ấy. Như mở đường xe hỏa xuyên Đông Dương (Trans - Indochinois), trường Bắc-Cô Viễn-Đông tìm được rất nhiều đồ *celadon* trong các ngôi mộ Tàu chôn từ đời Đường Tống, có khi cổ lên đến tận Tây Hán, Đông Hán.

Nhưng vì có sao, khi nhà Nguyên (1279-1368) (Mông-Cổ) bị nhà Minh đánh lui, thì bỗng không, cả hai nước Thái-Lan và Việt-Nam đồng một lúc quên mất nghệ-thuật bí-truyền chế-tạo đồ *celadon* ?

Bấy lâu các học giả trường Bắc Cô định ninh rằng đồ *celadon* Thanh Hóa có từ đời Tống Song (960-1276). Theo tôi, tôi lại định các vật này chỉ có từ đời Nguyên (1279-1368) tức sau lối một trăm năm, vì lẽ khi nhà Nguyên chiếm đất Trung Hoa thì các nghệ sĩ ái quốc Tàu bỏ nước lánh nạn sang Thái-Lan và Việt Nam một thời gian, đến khi Minh Thái

Tổ thống nhứt giang san Trung Quốc (1368),* độc lập trở lại, con cháu các nghệ sĩ Mạt-Tổng lại trở về nước họ cho nên Thái-Lan và Việt-Nam, sẵn người Tàu có tánh giấu nghề, không học được bí mật chế tạo *céladon* để ngày nay dân bản xứ Xiêm và Nam, chỉ còn biết chế tạo lu và kiểu mái, mỹ thuật-chế tạo *céladon* thất truyền thật đáng tiếc.

Duy tại Triều Tiên, nhờ sống chung một cuộc đất với Trung Hoa, nên duy trì được tổ nghiệp đồ gốm. Người thợ Trung Hoa truyền nghề cho thợ Triều Tiên, kể thợ Nhứt bản thụ giáo với thợ Triều Tiên nên cả hai nước này ngày nay nổi đời nghệ thuật bí truyền đời Tống mà trở nên các tay xảo thủ chế tạo đồ gốm men Tống khéo léo vô song, hoàn cầu không bì kịp. Nước Nhứt đời đời tôn sùng nghệ thuật đồ gốm và mãi mãi trau dồi không thôi. Có ý xem chính Phật-Giáo cũng từ Trung-nguyên truyền qua Cao-Ly (Triều-Tiên) rồi mới sang nước Nhứt.

Từ đầu thế kỷ XVI, trên lãnh thổ Nhứt đạo pháp uống trà (Trà đạo) bắt đầu phồn thịnh rất mạnh. Nghề chế tạo từ khi dụng cụ để pha trà (chén, đĩa, bình) cũng tiến theo một đà. Nhưng phái tộc Nhứt, dòng Samourai chưa bỏ tánh dữ, họ quen chặt đầu phân thân kẻ thù không gớm tay. Lần hồi ảnh hưởng Phật-giáo làm họ dịu bớt tánh hung hăng và thuần nết lần. Người Samourai thích gươm, nửa bước không lìa, kiếm là vật bất ly thân. Phần đông giữ đạo

Thiền (Zen). Từ khi học được thuyết Trà đạo, ban đầu họ tập buông gươm để ra đứng chiêm bái trước Phật-đàn. Kế đó họ chịu bỏ gươm để ngồi nghe thuyết pháp. Rồi càng nhiễm đạo Thiền, càng bắt mùi gần đạo Thiền nhiên của Tào-hóa người võ sĩ Nhật tập theo gương Trung-Quốc, cũng sấm sỏi gốc tùng, khóm trúc, tập viết đại tự, học vẽ tranh. Nguyên tắc Thiền-môn dạy chuộng « *thanh khiết* » và trà phòng phải chưng dọn cách nào cho « *thoát ly trần tục* ». Vì thế ngày nay người Nhứt chưng dọn phòng trà chuộng đơn sơ, tránh rườm rà, thích cảnh thôn dã hơn phồn hoa. Trong mắt họ, một miếng gỗ tầm thường nhưng có vân bông khéo lạ, còn quý hơn gỗ sơn son phết vàng. « *Trúc hóa long* », « *mai biến hổ* », đối với họ, ắt có ẩn tàng bí mật của vũ trụ, không thì cũng lạ mắt hơn các vật đắt tiền hơn tạo vẫn chưa tinh khiết tự nhiên bằng Phòng trà phải cho đơn sơ một miếng gỗ đặc biệt đủ tượng trưng sự cao khiết của gia chủ, họa hoàn lắm mới khứng kèm thêm một gốc cò tùng thập kỷ niên hay một bức tranh Tống-đại. Được một cò-vật lạ, đặt đúng chỗ của nó, người Nhật đã tự túc « *ngàn vàng không đòi* ». Tối kỵ chút là trang phẩm nhiều tiền. Người Samourai dấu cao sang bậc nào cũng đặt tên chỉ trong mấy chữ « *Thanh* », « *Tịnh* », « *Khiết* ». Bình sanh lấy đạm bạc thay cho cao nhã, lấy thiên nhiên làm trọng, càng mộc mạc, giản dị, càng thô sơ sẵn đã lại càng hay. Các cao tăng trong thiền-đạo gia-công khuyến dỗ, dạy các thợ khéo chế tạo

chén bát đề dùng trà bằng đất nung đất
hầm, một lẽ vì vấn đề tiết kiệm, lẽ khác
vì chuộng tinh khiết của sự hỏa biến :
« vật lạ trong lửa đỏ tạo thành ». Dưới
mắt các nhà chơn tu tao nhã này, chưa
chắc be vàng chén ngọc là quý, chỉ đất
tiền thì có, chứ chưa ắt trong sạch bằng
đồ đất nung trong lửa lò, và đồ đất
nung kia mới quả là tượng trưng cho
các bậc chơn tu khỗ hạnh, vì người ta
đắc đạo, có khác gì một cái chén lâu đời
còn giữ được nguyên, chén càng đạt tinh
(usé, patiné) càng như ẩn tàng một nhiệm
mầu nan giải của một đời bền vững
khỗ luyện, công phu. Nhà tu hành, nghĩ
ra, không khác một chén thô hình thù
cái chén từ cục đất biến ra cũng không
khác nhà tu sĩ từ thứ dân đỏ tạo nên.
Đất biến sắc nhờ lửa lò tô điểm, như nhà
tu luyện tâm chí, không đề nhiễm vương
bụi trần. Tự cổ chí kim, nghiệm ra bất
cứ món gì vào lửa cũng tiêu ra tro, duy
đất sét, vào lửa bền ra « ngọc », và có
thể nói tự mấy ngàn đời chế tạo không
món nào chế ra giống y món nào, và kể
về đồ đất nung, tịnh không có lấy một
chén thứ hai giống y hay trùng bản chén
làm trước ; chén càng quái dị, càng
được xem có như vậy mới đáng gọi là

« tử công phu ».

Đạo Zen của Nhật Bản có chịu nhiều
ảnh hưởng của học thuyết Lão Trang,
pha thêm thần giáo sẵn có của Nhật.
Zen thọ lãnh bao nhiêu mẫu nhiệm bí ẩn
của các vị cao tăng, các di thần, ẩn sĩ
triều Nam Tống. Bắc Phiên đẩy binh
chiếm đoạt miền Bắc Trung Hoa, nhị
đế mộng trần, bao nhiêu tinh thần nước
Tống cũ đều dồn hết xuống miền Nam.
Triều Nam Tống sống thêm một khoảng
khá dài từ 1127 đến 1279. Binh tàn lực
yếu, họ thu hình giấu vúc, dồn ép học
thuật vào chung trà an ủi. Càng về sau,
họ càng say mùi đạo lý của chén « Trà
đạo vô ưu ». Sĩ phu ở đời ấy, người nào
cao khiết thì làm ra ý tĩnh-tu mà chuông
mở ; người nào cảm khái thì làm ra mặt
khoáng đạt mà chén nhẹ, người nào có
tâm hồn nghệ sĩ thì chăm tập chữ cho
tốt, vẽ tranh, làm thơ. Rồi trong nước
sinh ra một cái tục xét ra rất hại về sau
là cái tục thanh đàm. Thanh đàm, nghĩa
là chỉ bàn cái lý hão, cái lý khô, mà
không thiết với sự thực. Tự ông cự vãn
quang trong triều, đến ông võ quan ngoài
trấn, cho đến các cư sĩ nhàn tản ở chốn
núi rừng thường tụ hội với nhau. Khi
thì hội ẩm ở rừng trúc, khi thì vịnh

MUỐN CÓ NHIỀU SÁCH HAY
GIÁ ĐẶC - BIỆT (GIÁ 1. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

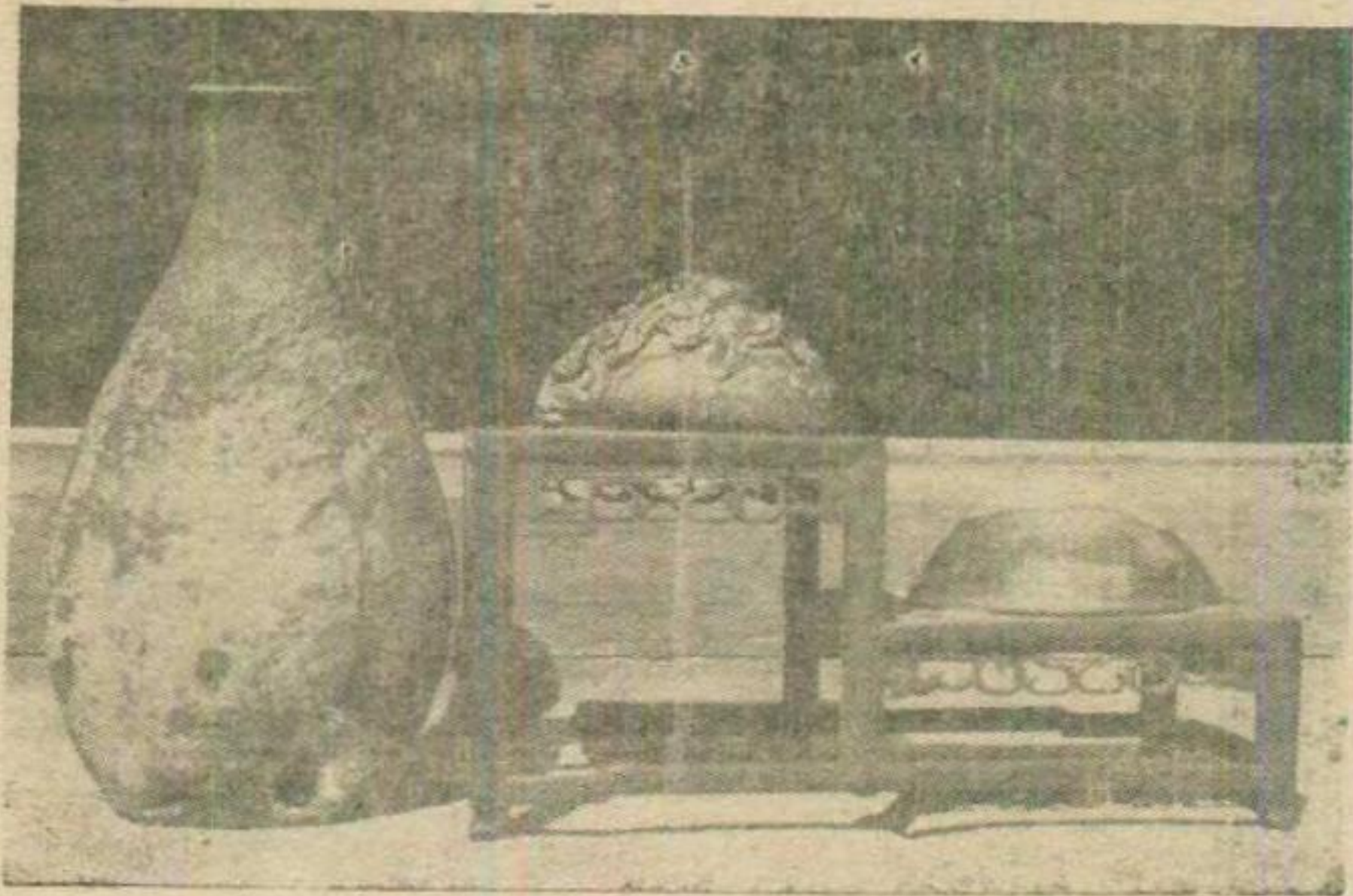
(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học,
Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

phú ở đình lan, khi thưởng nguyệt lầu Tây, khi thưởng cúc đầu núi, có khi lại đề huề có gái có rượu, thưởng ti-trúc đàn ca. Lúc nào cũng chỉ bàn những sự cao siêu thoát tục, phóng đại xuất trần, nhất thiết kể mình là thanh, bao nhiêu kẻ khác dầu không tục cũng đều trước cả. Quốc-gia chính sự đặc thất thế nào, quân thù đến gần hay còn ở xa, binh lính đầu xanh, chết nhiều hay chết ít thế nào, nhất thiết đều gác đề ngoài tai, bỏ không tưởng đến. Nếu cứ đà ấy mà tiến thì còn gì tiền đồ quốc vận mai sau? Nhưng bức tranh bi quan kể trên chỉ dùng đề tả mạnh sự phát nguyên thuyết uống trà để quên sự đời của người Nam Tống, nhứt là người dân Trung Hoa miền Nam, nơi sản xuất cây trà, nơi sản xuất chén trà Đại Tống. Riêng trong nghề đồ gốm, người Trung Hoa đã

truyền sang Triều Tiên và Nhật bản cứ tục trọng dụng những chén trà xấu xí, từ trong lò lấy ra (Pháp gọi « accidents de four »). Họ xem chén ấy không khác tượng trưng thân hế, hình thù kẻ chiến bại, bọn di thần buổi Mạt-Tống. Da nổi sần sì vì men chảy bởi sức lửa lò quá nóng, lửa đến men khốc đất mềm, đến đổ lụy ; chén có giọt lụy dưới chân (gouttes, traces de larme), chén nổi nằng nổi u, nổi cục, nổi bướu, đã không bị vứt bỏ lại được tâng tiu, vì trong mắt họ, đó là bạn đồng hành, cùng chung cảnh ngộ. Kẻ chiến bại ngoài đời và chén bại chiến thua sức nóng lửa lò !

Người tu hành không cần phải đẹp trai. Hình dung tốt xấu không đáng kể, đáng kể không là đạo đức nội tâm ; cũng như bọn di thần Mạt Tống, còn gì nữa mà



- Bēu đựng rượu. có thể dùng làm bình cắm hoa của người Nhật, hình cá chạch đầu, cắt đuôi.
- Chén rượu bằng tê-giác lật úp (thế kỷ XVIII Kiến-Long)
- Chén Đại-Tống « Temmokou » lật úp (1127 - 1276).

khoe sang khoe quý? Miễn càng già luyện, càng rèn lòng, đạo càng tinh vi, thì chánh quả mau đạt, thành công có ngày. Có thể nói, tinh thần ấy, quan niệm ấy, tất cũng do kết quả một phần nào của sự lập dị của phái chiến bại yếm thế. Càng truyền về đời sau, ý nghĩa chiến bại phai lẩn, nhưng thói lập dị càng tăng. Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, đồng học theo một đời — và một phần nào cũng do tánh tự ti mặc cảm sẵn có.

Người Á-Đông đua nhau tìm kiếm và sưu tập:

— đồ đất nung có lưu dấu chỉ tay của thợ nặn;

— cổ vật Đường triều, Tống đại, tuy kích cỡ, men dày chảy không đều, nhều nhão, vấy vá, nhưng lạ mắt; chảy men có giọt, nhiều khi ứ đọng dính khắn, đóng đùn cục dưới chân dưới đáy (gouttes de larme) càng kỳ quan;

— món đồ bị lửa tấp luốc lem, từ màu hồng dợt lẫn qua màu hường dợt (rose pâle), hoặc từ hồng sậm biến ra nhiều màu (ngũ sắc) (đỏ tam thai, ngũ thai); — hoặc đồ có dấu vết vỏ sò vỏ ốc đeo bên hông, nghiệm ra cồ nhân đã biết để chung vỏ sò ốc vào lò, một là cho các món đồ hầm, khi men chảy, sẽ không

dính chùm nhau lại; — hai là đã biết và kinh nghiệm khi sò ốc hóa ra vôi là hòa độ đã đúng sức không nên chum thêm củi nữa và thôi đốt là vừa. Đồ có vỏ sò ốc dính theo, là cồ lẩn và ngày nay các nhà khảo cổ cũng nhờ các dấu vết ấy mà độ chừng năm chế tạo của món đồ.

ooo

Từ trước đến nay, Âu-Châu vẫn khinh thường nghề làm đồ gốm. Dưới mắt họ, ấy chẳng qua là một thứ mỹ thuật ty tiêu, thuộc hạng thứ (art mineur).

Trái lại bên Á-Đông, nhất là bên Nhật, nhiều môn phái rất tôn trọng nghề làm đồ gốm, cho rằng đó là một bộ môn kỳ bí, giúp cho con người thoát ly trần tục, một phương pháp để tìm hiểu vũ trụ, một nghệ thuật không kém vẽ tranh hay viết đại tự. Thợ nào đã chế tạo được một chén trà, một món đồ kỳ dị, không giống của ai, sẽ tự hào « đã đắc đạo thành công » và trong nghề nghiệp, đã đi đến nơi đến chốn.

Thợ đồ gốm Nhật, cũng như thợ Triều Tiên, vẫn giữ tục phụ truyền tử kế, thường ở chung xóm, chung phường, luôn luôn giữ nghề, không dời chỗ ở và cũng không bao giờ xoay qua nghề khác. Họ sản xuất theo phương pháp « bất vị nghệ thuật », không vì món hàng bán chạy mà tăng giá, làm cao, chỉ dốc sản

tìm đọc

đất sổng

Nguyệt-San Nghị-Luận Văn-Học
của lớp người ý-thức hiện đại

xuất đề cung phụng hơn quần xã hội theo phạm vi và khả năng của mình, mai sau món đồ được lưu truyền qua đời khác là đã mãn nguyên. Thuở trước người nghệ sĩ và công nhân đãi nhau "đi hà nhất thê" không phân giai cấp và luật cung cầu không đàn áp nặng nề như hiện nay. Khác hơn khi trước, ngày nay nghệ thuật làm đồ gốm đã suy vi, các lò chuyên môn khắp hoàn cầu luôn cả nước Nhật, muốn đủ sống, phải xoay qua nghề hạ tiện, sản xuất chai đựng rượu, đựng nước cường toan, ống khói nhà bếp đến ống dẫn nước cầu xí.., hoặc giả nếu còn tiếp tục giữ nghề chế tạo ấm tích chén trà thì cũng không còn chuồng sự khéo léo, miễn sao đủ cung cấp cho khách đặt hàng, sản xuất số ngàn, số muôn cho kịp sự đòi hỏi và ý muốn của ngoại bang, thảo nào nghề không xuống dốc.

Người thợ đồ gốm Nhật ngày nay đã mất tự tin, không còn xem mình là nghệ sĩ thuần túy và đặt mình vào hàng công nhựt, làm thuê làm mướn cho khách ngoại bang, quên hẳn bản lĩnh đặc sắc, quốc phong, quốc túy. Thậm chí có người ham bắt chước nước ngoài, nhái món đồ theo kiểu trong sách mẫu rao hàng, và từ người xảo thủ, đã mất đặc tính, quên nhái kiểu của người mà tài nghệ sở đắc nhiều đời tựa hồ xao lãng. Thêm thế kỷ này chuồng máy móc, hặc sản chế món đồ rẻ tiền thay thế, chén đĩa bằng carton, bằng plastic (keo nhựa), nên nghệ thuật thủ công làm đồ gốm vì vậy càng lu mờ giảm suy thêm nữa.

oOo

Giữa lúc dân chúng Nhật ham mới nói cũ, thì gì i thức thời trí thức nóng mũi đua nhau tìm cách cứu nghệ thuật đồ gốm cổ thời. Các nhà sưu tập khá giả không nệ tốn tiền, thi nhau đồ ra tìm kiếm, một máy những chén trà các đời trước:

1) Chén Fajitong được quý nhứt, nhưng đến nay chén cổ chánh hiệu, làm sao kiếm ra?

2) Chén Triều Tiên loại cổ, hình thù tuy kệch cỡm, nhưng người Nhật chuộng quý lắm vì đúng với ý thức sở thích.

3) Chén Nhật chế tạo vào thế kỷ XVI, XVII, nếu còn sót cái nào thì được tăng tiu quý trọng hơn ngọc hơn vàng.

Câu chuyện nếu chỉ có bấy nhiêu thì tội chi tôi viết cho chương mắt quý độc giả. Tạp san Pháp văn (Revue « France-Asie », dịch là Pháp-Á tạp san) số 170 xuất bản tại Đông Kinh tháng 11/12 năm 1961, trang 2632-2639 có chứa một bài khảo cứu lạ; tác giả là Pierre Rambach nhắc lại tiểu sử một nghệ sĩ Nhật thật điển hình, nên tiện đây tôi xin mạn phép ông René de Berval, chủ bút tạp san kể trên, vốn là bạn thân, cho phép tôi phỏng theo và phổ biến tiểu sử hơn vật này cho đồng bào tôi được cùng chiêm nghiệm rút bài học hay:

Ông Kamiguchi xuất thân là chủ một cửa hàng may y phục lớn bậc nhứt nhì tại Đông Kinh. Ông làm ăn đương xuân xuân, đương phát tài, bỗng Kamiguchi sanh

chán đời, tự nghiệm rằng : «dầu mình tài nghệ hay, khéo đến bậc nào, dầu cắt may được bộ y phục vừa vặn cách mấy, thì bộ y phục thích hợp ấy cũng chỉ dùng được độ vài mùa là phải vứt đi, thay thế bộ khác, không như đồ gốm, đồ đất nung, chế tạo ra được món nào là để dùng đời đời, càng giữ được lâu năm càng trở nên quý ». Từ đó, anh vẫn tiếp tục cắt may giữ nghề cũ, nhưng mỗi tuần nhật anh dành riêng bốn ngày nghỉ xả hơi để tự tay vui việc nhồi đất nặn từ cái chén nhỏ, phôi khô và đặt chén vào lò hầm mình-ên, chế tạo những dụng cụ uống trà theo ý thích : nào chén trà, chén uống sake, rượu Nhật. Một điều lạ nữa là Kamiguchi sản xuất thật nhiều, nhưng làm ra rồi bày biện trong nhà chơi chớ không bán. Chặt la-liệt chặt nhà đến phải chặt ra sân, chặt cả lối đi, một đôi khi bạn hữu nào thích lắm thì Kamiguchi tặng vài món, chớ tính không bán chén nhỏ nào. Hỏi, Kamiguchi lý luận : « Nếu bán ra, khi ấy lại gặp cái nạn chịu ý người mua, đâm ra chịu thét rồi còn ý gì thích riêng tư làm theo mình muốn? Tôi chế tạo đồ gốm, Kamiguchi kể tiếp là tôi làm tôi chơi, không khác anh là nhạc sĩ dạo một bản đàn, hoặc giả như khách bộ hành, nhơn cao hứng, huýt một điệu sáo sở thích : tiếng nói tâm hồn ».

Bình sanh, Kamiguchi không thích khách đến nhà, vì những người dị tánh và gàn như vậy đều thích sự yên tĩnh, không thích ai khuấy rầy. Kamiguchi

thăm trách ai kia đã làm cho nước Nhật mất vẻ thiên-nhiên, cất nhà chõng ngồng cao mấy tầng, xem chỉ xốn mắt, nhứt là các nhà máy, điện chạy rầm rầm, các lâu đài kênh kiệu cao chọc trời, như vậy nên thơ và cổ kính chỗ nào ? Trong nước càng tân tiến, càng máy móc, thì hạng đa sầu đa bệnh câu nệ và thủ cựu kiểu Kamiguchi càng nén lòng không cởi mở. Mỗi khi ông ta nung được một chén nhiều u năng thì lấy làm đặc chí, tự ví chén nọ giống mình, cũng theo, mụn, cũng tàn nhang không khác ! Một hôm ông hầm được một cái chén có lỗ lủng bên hông, ông không vứt bỏ, láy mắt neho lỗ dòm trời, khen «chén tạc giống hình thế giới, cũng bé tí teo ! Ông thường tuyên bố .« Chén tròn vo, chén đều đặn bất cứ đàn bà trẻ con đều nắn được; miễn đặt đất trên bàn, quay cho đều tay là chén tròn như chơi, nào khó khăn gì? Làm được một chén méo mó, có vẻ tự nhiên thiên tạo, chén méo mó có nghệ thuật như vậy mới là khó làm cho chớ ? Vả lại, vạn vật vào lửa, không tan ra khói cũng tiêu ra tro. Duy đất, duy có đất sét, gặp lửa hồng nung đỏ thì biến hóa vô cùng, đã trở nên vật hữu dụng ngàn thu còn mãi, thêm vui mắt không cùng. »

Ngày nay Kamiguchi tuổi ngót sáu mươi nhưng xem rất trẻ. Ông vẫn sống giữa Đông-Kinh náo nhiệt và tuy ở chốn phồn hoa đô hội, ông vẫn giữ phong độ bình thản một sư hữu « Trà Đạo » của thế kỷ XVI, sống ung dung tự tại giữa lâm sơn. Hoa viên của nhà ông là cả một

bài thơ hàm súc. Trước kia, Kamiguchi từng theo chân đạo binh viên-chính Nhật đi xây mộng Đại-Đông Á. Mộng bất thành ông trở về nước, tạo một hoa viên nhái lại những phong cảnh đã thấy. Vẫn là cảnh cổ điển: kiềng uốn lùn, bề cạn có hòn đá cuội cồ quái, giả sơn như thiết có suối reo, có cá nhảy, lan đình hoa lạ không thiếu món nào, nhưng đặc biệt nhứt là giữa hoa viên, ông tạo lập một lều tranh nóc lá vách tre phen giống như lều cỏ của dân quần đảo Polynésie, trước lều treo lủng lẳng một hình nộm gỗ kiểu Polynésien, ông gọi lều ấy là *«trà thất của ông buổi tạm thời này»*. Sân hoa viên có lát đá nhẵn nhụi, trong hồ hoa sen mọc chen với dật thảo, có cá vảy vàng bơi lội khoe vì cánh dưới nước xem rất nên thơ. Cạnh hồ có mấy cụm bồ bồ mọc lan tràn xen với cỏ lác, che khuất một súc gỗ thật lớn nằm trườn dài giữa sân như cá sấu phơi mình ngoài sương nắng. Kamiguchi bày la liệt chung quanh gỗ súc những chén của mình chế tạo gọi đề chén hòa mình cùng vũ trụ và có bao nhiêu cổ vật ngoạn phẩm quý giá, giá thử lột tay khác đã tăng tiu lộng tử kính chưng bày giữa nhà thì đây Kamiguchi lại bỏ càn nhét đại dưới gốc cỏ dại, có khi lại thả ngấm dưới nước hồ, mặc cho rong bám, cá cọ mài. Các lương hữu quen mắt với am trà cổ điển đều lắc đầu trước cái gàn của chủ nhân và kết luận rằng có lẽ vì xung khắc với nước dật bang nên tinh thần lão Kamiguchi mới xáo trộn đến thế và sau một thời gian để dung hòa và tìm

hiếu, thế nào rồi nước Nhật cũng thấy lại thăng bằng và truyền thống tổ tiên, thế nào rồi con cháu xứ mặt trời cũng phản ứng kịp thời và bồi bổ nghệ thuật cổ truyền cho kịp đà tiến hóa vô biên vô tận của thế giới.

Bản tánh của Kamiguchi lại ưa chọc phá điều cợt, ưa nói xóc ý đề chờ xem phản ứng của người đối diện. Và đó cũng là một đặc tánh của tử-đệ đạo Zen. Một hôm có một vị quý nhân thượng-khách, cũng hàng bộ-trưởng thượng thư chi đó, ngỏ ý muốn gặp mặt Kamiguchi tại lò làm chén đất của ông. Đến bữa hẹn chủ không mời khách vào nhà và giữa mùa đông rét giá. Kamiguchi tiếp khách tại hoa-viên, đặt khách thượng-tọa trên gỗ súc xù xì. Một lát sau, chủ pha trà rồi tự tay dâng lên vị tân khách một chén nóng hổi mùi phưng phức ngọt ngào. Đặc biệt là bên hông chén có chạm đại tự chữ *«Ngốc»* rất dễ thấy. Khách điềm nhiên không tỏ vẻ bực tức chút nào, vẫn hòa nhã ung dung như vô sự. Khi ấy Kamiguchi mới chịu thi lễ, tạ lỗi đường hoàng và khởi nói khách và chủ từ lúc ấy đối xử đúng nghi thức Trà-đạo cổ truyền đã dạy.

Nói đến Kamiguchi, khi đọc trong bài Pháp-văn, tôi đã đi từ cái đột ngột này đến cái kinh hồn khác. Chẳngặng đừng, tôi xin trích lục nguyên văn một đoạn : *« Il s'est amusé à exprimer sa théorie de la manière brute, en faisant des poteries en forme d'excrément. »* (Chàng thích tổ lập trường của mình một cách sỗ sàng tỷ như lấy phân, lấy cứt làm

làm kiêu, coi theo đó mà nắn đồ đất đồ gốm).

Khi đọc đến hàng này, tôi tưởng đầu mắt lòa, xem lộn chữ. Nhưng trang sách viết tiếp :

«Pour revenir aux poteries d'inspiration scatologique, il est utile de rappeler le rôle important que joue la défécation chez l'enfant en bas âge. Il veut démontrer que l'art a commencé à se dégrader au moment où les notions sanitaires sont apparues, créant une distinction entre le propre et le sale. Les artistes, par souci de plaire, ont peu à peu réduit leurs sentiments à une expression édulcorée. (tr. 2637 của bài ông Rambach nói trên).

Đại khái, tôi xin dịch là :

«Trở lại vấn đề lấy «cứt» lấy «phần» làm kiêu-mẫu làm hình thức cho món đồ gốm : cái chén, cái bát, tưởng cần nhớ đến vai tuồng quan-trọng của sự bài tiết (ỉa) của đứa trẻ sơ sanh. Chung qui, người nghĩ ra kiêu vỡ đường ấy, chẳng qua chỉ muốn tỏ rằng nghệ thuật đã bắt đầu suy đồi khi vấn đề dơ sạch hiện ra, khi con người biết phân biệt cái gì là tinh khiết, cái gì là bần thiêu.

Mảng lo chiều lòng khách, cho nên người nghệ sĩ đã đề cho 'giấm chua đường ngọt' gia giảm, cái phối cả cảm giác chơn chính của mình rồi.

Phần kết luận. — Đọc hết bài văn Pháp luận về nghệ thuật đồ gốm Nhật-bản tân thời, tôi bắt nhớ đến những tích cổ và dật sử đã đọc trong truyện sách Tàu thường thấy :

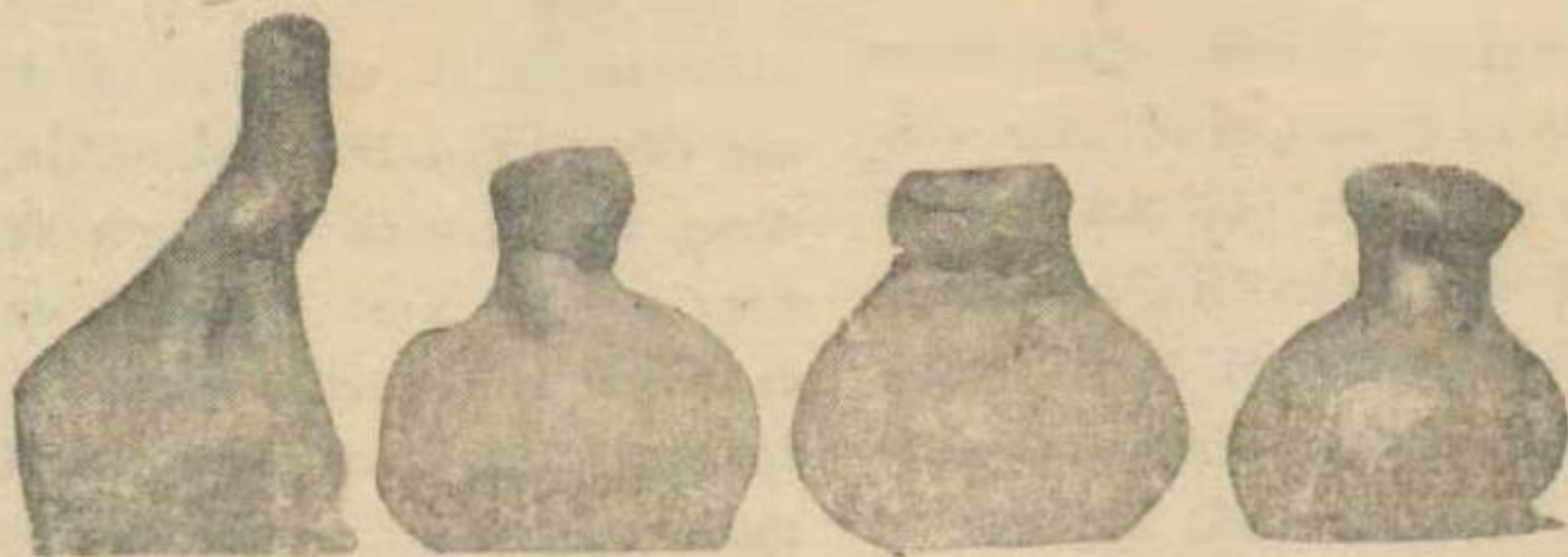
— chuyện nếm phần trong tích nhị thập tứ hiếu ;

— chuyện Việt Câu-Tiền nếm cứt ;

— chuyện một ông Tiên, ghê chốc đầy mình, ngày ngày lại xin ăn và thường ngồi trên cối giã thuốc của một hiệu buôn nọ, không dè đó cũng là một cách thử lòng nhẫn nại của chủ gia, sau ông Tiên kia biến mất, để lại cho chủ cái cối đầy m'u mủ dơ dáy nhưng có phép . . .

« bách bệnh nan trừ »,

và bao nhiêu điển-tích khác chung quanh những nhớp nhơ bề ngoài che đậy một tinh khiết bên trong : tích Lý Thiết Quài nhập hồn vào xác thặng cùi đi cà nhót, tuy xấu xí nhưng phép thuật cao cường ; chuyện đời trước thầy giáo, cha mẹ, chồng hoặc vợ, thường hay



4 hũ nhỏ đựng rượu Sake, loại scatologique hình phần.

bắt buộc học trò, con cháu, rể dâu, phải ăn giúp cơm bữa, ăn uống đồ thừa trong tô chén mình đã dùng rồi, để xem cách phản ứng và tình thương của đương sự (miễn bàn về vệ sinh)—chuyện người Á Đông có tánh thích đồ lạ mắt: cái chén da rạn, (và rạn cách nào: ồ nhện, da rắn, trứng cá, chun muối,...) cái độc bình céladon, da nước biển nặng như đá, mát như cầm thạch; và chuyện tân thời ngày nay đàn bà các nước thích kim cương, ngọc mài (nếu người đó là khách văn minh tân thời), hoặc thích món vật kỳ dị, hình thù cổ quái: con gà ba chun sừng nai ung không mọc nhánh được tự nhiên và trở hình kỳ dị cần còi (dân thượng xem đó là bùa phép tránh nạn cháy nhà, nạn bị chém lén...) hoặc cục đá nhẵn nhụi bóng ngời như «mắt mèo», hoặc cụm trúc nhật mặt trời hình «trúc hóa long», cây tùng cần còi gốc lớn như đầu con lân.

Chung qui chưa dám chắc ai tiến bộ ai thụt lùi, chẳng qua cùng một tánh của trẻ nít sót lại, và hãy khoan cười Kamiguchi gàn, trở hình chén trà giống cục phân khô!

Tóm lại, con người thường có tánh ham chuộng mới lạ hoặc khó hiểu. Và xét cho cùng, người Á Đông hấp thụ nhiều đời huyền bí của Lão Trang pha mùi Thích lẫn Da Tô, Hồi giáo, nên nay

khó mà nói còn giữ được rất nòi. Chén có hình cục phân khô ắt thì tở của nó là chén Temmokou đã có từ đời Đại Tống. Khi ta lấy chén Temmokou để lật úp lại, rõ là hình đồng phân lù lù. Nay xem thử chén trà «Tê giác», lật úp cũng lại là đồng phân, đầu nhọn chun chài bài. Uống trà trong chén Temmokou, ắt do các triết học gia đời Nam Tống truyền lại. Tự mình đi tìm khổ hạnh để nhớ mãi cái vạ nước mắt nhà tan do quân Phiên nô xâm chiếm. Cũng là một biến thể của tích «năm gai nếm mật» của đời Đông Châu truyền lại chứ gì? Và phần lần lên nữa, mỗi phái tu hành đều ép xác, ăn uống kham khổ, cứ ăn vị mùi kích thích cứ nhiều món ngọt ngon, tập không nhờm gớm, và tập làm nhiều việc thiện không kể dầy: nuôi người phung cùi, xông pha săn sóc chỗ có bệnh truyền nhiễm, người Miên có tục đêm tối đi đến gò mả hoang đọc kinh cầu siêu cho oan hồn uổng tử, những việc như vậy mà làm được, thì uống trà trong chén lủng lỗ của lão gàn Kamiguchi là một chuyện hết sức tầm thường.

Nước Nhựt Bản là một nước đầy hứa hẹn. Dân Nhựt là một giống dân đầy nhựa sống. Sau trận đệ nhị chiến tranh, tâm hồn họ bị đảo lộn, nội cái chén uống trà họ đã bóp dẹp vo tròn thế nào. Chúng ta hãy chờ xem và không nên vội kết luận.

VƯƠNG HỒNG-SẼN

Nhà xuất bản Sáng - Tạo

ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

quỳnh hương

của DOÃN - QUỐC - SỸ

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6^e

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. : A) ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Quan - niệm ứng - dụng trong kiến - trúc hiện - đại

Sự tìm đẹp ở kiến-trúc, ngoại-trừ đối với những lâu đài lịch-sử hoặc miếu đền cổ-kính, ít khi có tính-cách thuần-túy như khi xem tranh hay đọc thơ.

Đứng trước một ngôi nhà thời nay, dù xét về mỹ-thuật, vẫn khó lòng quên khía cạnh thực dụng : nếu các phòng chật hẹp, cho cảm-tưởng khó chịu là thiếu khí trời, thì mặt tiền có dễ coi, cũng không được thưởng ngoạn ; vào một rạp hát bóng, thấy ưa, nhưng nếu chẳng dụng trí phân tích, thì sao biết nguyên do, vì bề thế màu sắc hợp ý, hay tại ngồi êm dễ thở để coi phim dài không mỏi ?

Ở mỗi trường-hợp trên, tôi đã mặc-nhiên đòi hỏi rằng nhà đẹp phải thỏa mãn nhu-cầu của thân thể, thì mới làm tròn nhiệm-vụ và được thừa nhận là một công-trình kiến-trúc. Và nếu muốn tôi khoan khoái, tất nhiên nó phải đủ cao cho thoáng, đủ rộng để khỏi bị va chạm. Các mục-đích này chi phối cả qui mô, và hệ thích ứng, thì nhà dễ được coi là đẹp.

Ấy thế mà cuối thế-kỷ trước, nhiều nhà kiến trúc cứ thi nhau tìm mỹ-thức trước hết, và khi chẳng thấy được gì hơn của các thời trước, thì gộp nhặt của Trung-Cổ, của Phục-Hưng, của Cồ-Điền mà xáo trộn thành những kiểu cầu-kỳ, đầy hoa lá, thần tiên bồi đắp hay chạm trổ (Modern Style). Họ xa Đẹp vì quên Thích Ứng

Mái nhà dốc, đâu phải vì người xây ưa nghiêng : chỉ để cho nước mưa trôi tuột. Cần nhiều cửa sổ vì muốn sáng, không phải vì thích những bức tường đục khoét hình chữ nhật. Nhà thờ phải cao cho xứng tinh-thần hướng-thượng, và rộng

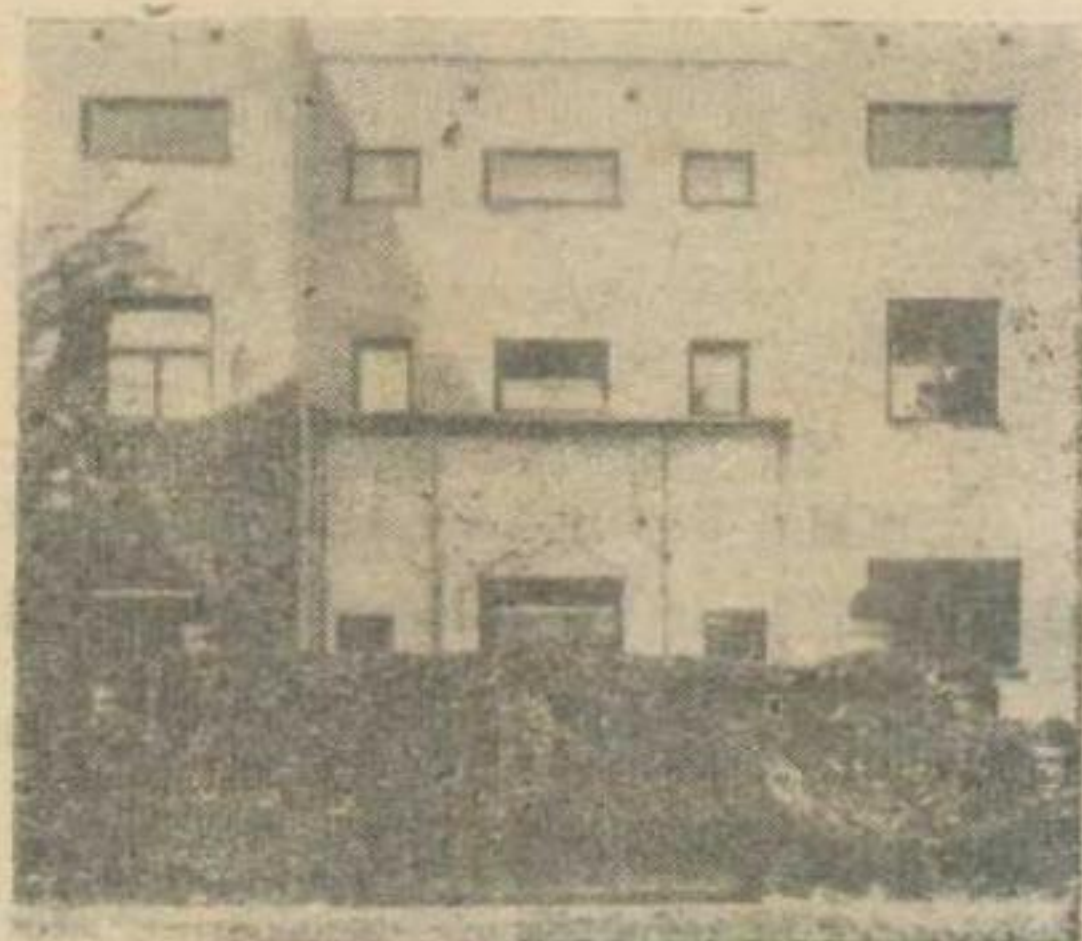
để chứa thật nhiều tía-lò, nhưng xra kia, lấy đâu ra xà dài năm bảy chục thước? và nhiều cột to tất vương và mất nhiều chỗ: bởi vậy, dù ư hay không những vòng cung, của tác giả thánh-đường đã nhờ cạy 15 kiểu tò-vò đỡ nóc (Arcs).

Chắc vì thế mà nhà kiến-trúc Sullivan, từ giữa thế-kỷ XIX, đã quả quyết bằng một câu văn tắt mà tiếng đời còn vang: Hình thể phải tùy thuộc công-dụng. (La forme suit la fonction).



HÌNH 1.— Một ngôi nhà ở Balé kiểu Modern-Style 1901

HÌNH 2.— Một ngôi nhà kiểu «hộp» ở Vienne của Adolf Loos.— Một phản ứng hơn là một sáng tạo



oOo

Ý kiến của ông càng ngày càng rạn tỏ, nhờ sự hưởng ứng và sức vận-động của nhiều đồng nghiệp có tài, như Van Der Velde và Gropius ở Đức, Adolf Loos ở Tiệp-khắc, Le Corbusier ở Pháp. Các ông này còn nhấn mạnh hơn, và phổ biến sâu rộng trên báo chí từ mấy chục năm nay, lại thể hiện bằng các ngôi nhà kiểu mới, một quan-niệm xây dựng vừa thiết-thực vừa hợp-lý (architecture fonctionnelle hay rationnelle).

Phong-trào do các ông phát động, lan tràn mau lẹ khắp thế-giới, sau Thế-Chiến I. Các chủ trương cấp tiến đã được chấp nhận do nhiều đại-hội kiến-trúc quốc tế, trong những văn kiện như Hiến-Chương Nhà-Điền (Charte d'Athènes 1943 - 1949) hoặc được cụ-thể-hóa thành những công-thức tân tạo rất thông dụng, như của giáo sư Đức Ernst Neufert (Eléments de projets de Construction).

Sau ba ngàn năm xây dựng, kiến trúc phương Tây chuyển mạnh sang hướng

đường khác, và xét lại từ đầu các ý niệm lâu đời về ngôi nhà ở, rồi tiến đến sự thành lập và chỉnh trang những khu tự-dân đông đúc.

Con người toàn-diện được coi là căn-bản, luận-cứ, và mục-dịch; vấn đề đặt ra, là tìm cách tạo tác thích hợp nhất để thoả mãn các nhu cầu chính yếu của cá-nhân và của cộng-đồng, giữa một hoàn-cảnh đổi mới mau lẹ theo khoa-học và kỹ-nghệ. (1)

Sự thực hiện triết-lý nhân-bản đó, buộc nhà kiến trúc phải đi sâu, vào nhiều góc cạnh đời sống hằng ngày mà các đồng nghiệp lớp trước không mấy chú trọng, để đáp ứng các đòi hỏi của thân-thể (như vệ-sinh) của tinh-thần (như tự-do, di-dưỡng, giải-trí).

Muốn vậy, cần sắp đặt các phần bên trong ngôi nhà cho vừa vặn, đầy đủ, ngăn nắp; cần tổ chức không gian nội-thất (organisation des volumes à l'intérieur) chứ không nhằm riêng mỹ-quan của tiền-diện (façade) mà thôi, một lỗi lầm khá lớn của nhiều người họa kiểu thời xưa.

Những vị này thường phục vụ các đế-vương, giới quyền-quý, hoặc trường-gia học làm sang, nên cần tô-diềm huy hoàng. Ngày nay, nhà kiến trúc phải làm việc cho đa-số ít tiền, cho những chính-quyền dân-chủ không thể phao phí công-ngân như các vua chúa, vậy hào-nhoáng và xa-xỉ là sự cần tránh. Tiệm-nghĩ trước hết, các bộ-phận và chi tiết thừa phải bỏ, có đơn-giản mới hợp-thời.

Hơn nữa, tô-diềm là thú nhận có những phần xấu cần che lấp dưới vàng son. Giai-nhân bây giờ không ngại phơi trần, vì đẹp không ở phần sấp và quần áo phủ ngoài, nhưng do đường nét, dáng vẻ v.v.. Ngôi nhà đẹp nhờ cốt-cách qui-mô, nên có thể trơn nhẵn, phẳng lì, hoặc để lộ cả vết chấp bê-tông (tường của Le Corbusier) hay xà dui bằng thép (xà dui của Mies Van Der Rohe).

Thép và bê-tông cần được tận dụng như các sản phẩm khác của thời-dại máy móc, theo những phép tính của kỹ-sư xây cầu đắp đập, đối với sức kiên-cố và sức co giãn của vật-liệu. Như vậy, sẽ chinh phục được chiều cao, dựng những chứng-cư nhiều tầng mà giải quyết vấn-đề nhân-mãn ở đô-thị; đồng-thời, sẽ thấy đủ chẳng tìm, những vẻ đẹp tân-kỳ là kết-quả tự-nhiên của sự áp dụng toàn-pháp và kỹ-thuật. Le Corbusier ca ngợi mỹ-thái của các cơ-sở phi-trường, hải-cảng, xa-lô,

(1) « Kiến trúc và thiết kế đô thị là những phương tiện để cho con người tự tạo cho đời mình một khung cảnh tiện ích và biểu lộ thật rõ những giá trị vật chất hay tinh thần của một xã hội ». L'architecture et l'urbanisme sont les moyens par lesquels les hommes fournissent à leur propre vie son cadre utile, exprimant au plus juste les valeurs matérielles et morales d'une société. Le Corbusier. Manière de penser l'urbanisme)

và nhiều tác-giả cũng đồng ý với ông rằng chính các kỹ-sư đã vô-tình tạo Đẹp. (1)

oOo

Những ý-niệm kể trên, nói một cách tổng-quát, đã đưa tới một đường lối chung cho kỹ-thuật tạo-tác, mà hầu hết các nhà kiến-trúc noi theo.

Dĩ-nhiên, kiểu biệt-thự của Alvar Aalto ở Phần-Lan khác của Nervi ở Ý : về phương-diện tạo-hình, mỗi nghệ-sĩ cần biểu lộ cá-tính hoặc phải chiều lòng một hạng khách hàng. Song về cách-thức xây dựng, thì ngôi nhà đáng gọi là tân-tiến ở VN ngày nay, cũng tuân những điều-kiện được chấp nhận ở Ba-Tây, và do đó, đều mang những đồng-điểm dễ nhận :

— *đầy đủ tiện-nghỉ* : ánh sáng và khí trời được tính cho vừa đủ, theo định-lệ dựa vào khoa-học ; như phòng cao 2m50, thì diện-tích tối thiểu phải là 6m24 để đủ 24m3 không-khí cho người lớn thở ; tất cả các bộ-phận được chú-trọng, không phân biệt trong với ngoài, phòng khách, hay nơi tắm rửa và cầu tiêu... Có thể nói là không một sự cần-thiết nào bị bỏ qua, và số vấn-đề lớn nhỏ mà nhà kiến-trúc tận tâm phải giải quyết, hiện nay lên tới hàng trăm (Quy-điều Ascoral của Le Corbusier, các bảng kê-khai có đánh số của Neufert)

— *chỉ nhờ các phương-pháp kỹ-thuật mà đi tới mỹ-thái thích-hợp với thời-dại* : nhẹ nhàng, trong sáng, gọn gàng và đúng mức, thành thật và ngay thẳng (légèreté, limpidité, concision et exactitude, pureté et rectitude : *Le Corbusier - Une nouvelle société machiniste*)

Nhẹ-nhàng và trong-sáng, vì các bức tường không còn phải đỡ trần đội mái (mur-portant) ; nhiệm-vụ nặng-nề đó được nhường cho cột sắt hay bê-tông. nên tường có thể là vách mỏng, là tấm nhôm, hay phiến kính trong veo (mur-rideau).

Gọn-gàng và đúng mức, vì sự phân chia sắp đặt bên trong ngôi nhà, theo những kích-thước không thừa không thiếu, tính cho sát nhu cầu và cử động của thân-thể, sao cho vừa đủ nằm, ngồi, đi lại không bị ẩm và tối ; như ở nhiều khu Bá-Linh, các phòng phải được xây thế nào cho có nắng dội sàn, ít nhất 2 giờ mỗi ngày, trong 150 ngày mỗi năm.

Thành thật và ngay thẳng : các gióng, các khung, các bộ sườn thép (ossature) không cần che dấu dưới lớp si măng, hoặc chạm trổ vô ích. Mái dốc và đầu nhà góc nhọn, nhường chỗ cho mái bằng sân thượng (toit-terrasse) để phơi đồ, hong mát hay trồng cây cảnh. Nhờ sắt và bê tông, cột cao hàng trăm thước cũng chạy

(1) Tạo-Tác Dân-Sự của các Kỹ-Sư (Génie Civil) đã khai nguyên cho kiến-trúc hiện-đại, theo những đường lối giản-dị, hướng về tiện-ích, căn cứ vào lẽ phải thông-thường và chính-sách tiết-kiệm. Le Génie Civil a instauré l'architecture des temps modernes, par les simples voies de l'utile, du bon sens et de l'économie (Le Corbusier - Les besoins collectifs et le Génie Civil).

tuốt một mạch, khỏi chấp nối ở mỗi góc trần, tránh được nhiều phần nhô ra thụt vào như ở các đầu trụ (chapiteau) gạch đệm viền tường (harpes) thước thợ hay vòng cung nâng hiên (consoles).

oOo

Lý-thuyết đã minh bạch, kỹ-thuật lại hoàn bị, nhưng thực hiện ra sao, đó mới là điểm quan-trọng.

Ở bất cứ nghệ thuật nào, ước vọng và chủ trương của những tác giả lập thuyết rất hay, nhiều khi chỉ đạt phần nào trong tác phẩm. Mấy ai diễn giảng về hội họa khúc chiết và hùng hồn như André Lhote ? Khốn thay, tranh bán-lập-thể của ông chỉ đưa ông tới bậc nghệ sĩ hạng nhì. Vậy liệu những người như Gropius hay Le Corbusier có tránh khỏi số phận đó không ?

Vào khoảng 1928-30, khi những ngôi nhà kiểu mới được xây cất ở Hà-nội (như ở đường Duvillier) nhiều khách qua đã bị sửng sốt : nhà quái gì mà như hộp vuông thế này ? Có những bức tường nhẵn quá hóa trơn, những cửa sổ thiếu khung, thiếu viền, thiếu cả mái hiên, trông như mắt thiếu lông mày...

Sự ác-cảm của công chúng chẳng cũng quá nghiệt hay sao ? Cái gì mới lạ, thường làm cho khó chịu buổi đầu, rồi quen mắt, thì không khéo lại ưa, như ở trường-hợp một số người chê vợ mới. Và căn cứ vào những kiểu phóng tác, có khi ghét oan, vì sự bất chước vụng về ở một thuộc địa, hay làm giảm giá những mẫu mực đáng khen ở các nước tiền tiến ?

Nhưng chính ở Âu Châu, trong giới kiến trúc, cũng đã bật lên nhiều tiếng chê bai. Chữ « hộp vuông, boîtes, cubes » không phải do người Việt [đặt ra mà, do nhiều nhà phê bình hay nghệ sĩ phương Tây, ngay những người không thể ngờ là bo-bo bảo thủ : J.L. Sert ở Pháp. Candela ở Y Pha Nho, Wright ở Hoa Kỳ.

Nhưng muốn cho công bằng, thiết nghĩ phải phân biệt thật rõ hai phương diện kỹ thuật và nghệ thuật, hay tiện ích và mỹ quan.

Nếu đem so sánh một ngôi biệt thự làm kiểu 1910, với một ngôi 1935 có diện tích và vị trí tương đương, chắc hẳn nhà mới đủ tiện nghi hơn nhà cũ. Về mặt tạo tác, nhà mới bằng bê-tông vững bền hơn, chẳng có sự thừa vật-hiệu và phí không-gian như tường dày nửa thước, hành-lang rộng gần bằng phòng, thang lầu choáng quá nhiều chỗ ..

Bởi vậy, tính-cách hợp lý của kiến trúc ứng-dụng phải coi là một ưu điểm và một tiến bộ không thể phủ nhận ; nên nhất định nó sẽ trường tồn và đánh dấu tất cả các công trình xây dựng, dù của tác giả nào, dù theo xu hướng nào về mặt tạo-hình mỹ-thuật.

Các nhà phê bình và sử học, với một thói quen khó chữa, đã vội chia

nhiều trường phái trong kiến trúc hiện đại, và gây cảm tưởng rằng phái Ứng Dụng đã bị vượt qua do các phái khác: như phái « Toán học Mathématique » của Mies Van Der Roae, phái « Động thể hoặc Thiên Nhiên, Organique ou Naturaliste » của F.L. Wright, phái « Cơ Cấu lộ thể Structural » của Le Ricolais...

Thực ra, phái nào cũng vẫn áp dụng những ý niệm căn bản về sự thích ứng nhu-cầu, và kỹ-thuật không tài nào thoát khỏi những qui-lệ về vật-liệu và tác-động chuyên môn.

Duy sự tìm đẹp tùy tưởng-tượng và sở-thích của mỗi nghệ sĩ, nên sự xuất hiện những kiểu lạ và thể mới chỉ là sự tiến triển dĩ-nhiên về phương diện mỹ thuật, chớ không có nghĩa là chủ-trương Ứng-Dụng đã lỗi thời và bị cáo chung.

oOo

Tuy-nhiên, những nhà kiến trúc theo phong trào Ứng Dụng, ở nhiều trường hợp buổi đầu, đã không tránh khỏi tật đi quá trớn của nhiều cuộc cách-mạng sơ khởi. Đề chống lại thói cầu kỳ, sự đơn giản thình ra khắc khổ: nhà ở có khi nom như nhà máy (của Warmer, hình số 3).

Nhưng đâu phải các tạo tác ứng dụng đều như thế cả? Nhiều nhà xây giữa hai Thế-Chiến, tới nay còn đề coi: hoặc vuông thẳng mà không cứng cỏi, vẫn nhả và thanh, như biệt thự La Savoie của Le Corbusier (hình số 4) hoặc cao lớn nhưng không nặng nề, trái lại, cho cảm tưởng nhẹ nhàng và tươi sáng (của Lecouteur, hình số 5) giản dị và điều hòa (của Gropius, hình số 6) thẳng tắp, mạnh mẽ không thô (của H. và A. Gutton, hình số 7).

Lỗi hay bị chê ở các ngôi nhà ứng dụng, là vẻ khô và tẻ, do sự phẳng lì và trơ trụi. Con mắt không bị vướng bởi những chi tiết rườm rà như khi ngắm nhà 1900, thì lại gặp những dềp tích lạnh lùng của xi-măng quyết liệt chối từ mỹ thức.

Muốn chiều ý khách hàng, một số kiến-trúc-sĩ, sau 1930, đã chịu nhân nhượng phần nào cho trang trí, đề bớt vẻ nghiêm khắc. Nên các bức tường được quét sơn hồng, hoặc tô điểm bằng những hình vẽ theo kỹ-hà-tục: tam giác, lục lăng xanh đỏ chạy quanh tường (frise) các cửa sổ, bao lơn, mang những then chắn song bắt chéo nhiều lối v.v... Từ vài năm nay, và ngay ở VN, lại có một dùng trở lại nhiều sắt uốn sơn đen với những khuy đồng đánh bóng, những nét kẻ ô vuông cho tường đỡ trơ...

Nhưng đã vô-duyên, thì điểm trang cũng vô ích, có lẽ càng dư đáng. Chi tiết có thể làm tăng vẻ đẹp sẵn có của toàn thể, khó lòng tạo ra vẻ đẹp còn thiếu ở tất cả các mặt các khối. Cái lăm của khá đông người vẽ kiểu, là cự tuyệt nguyên tắc trang điểm, dù là trang điểm thích hợp, để rồi cố cứu vớt bằng những tiểu-xảo vô hiệu và phản bội cả tinh thần Ứng-Dụng.



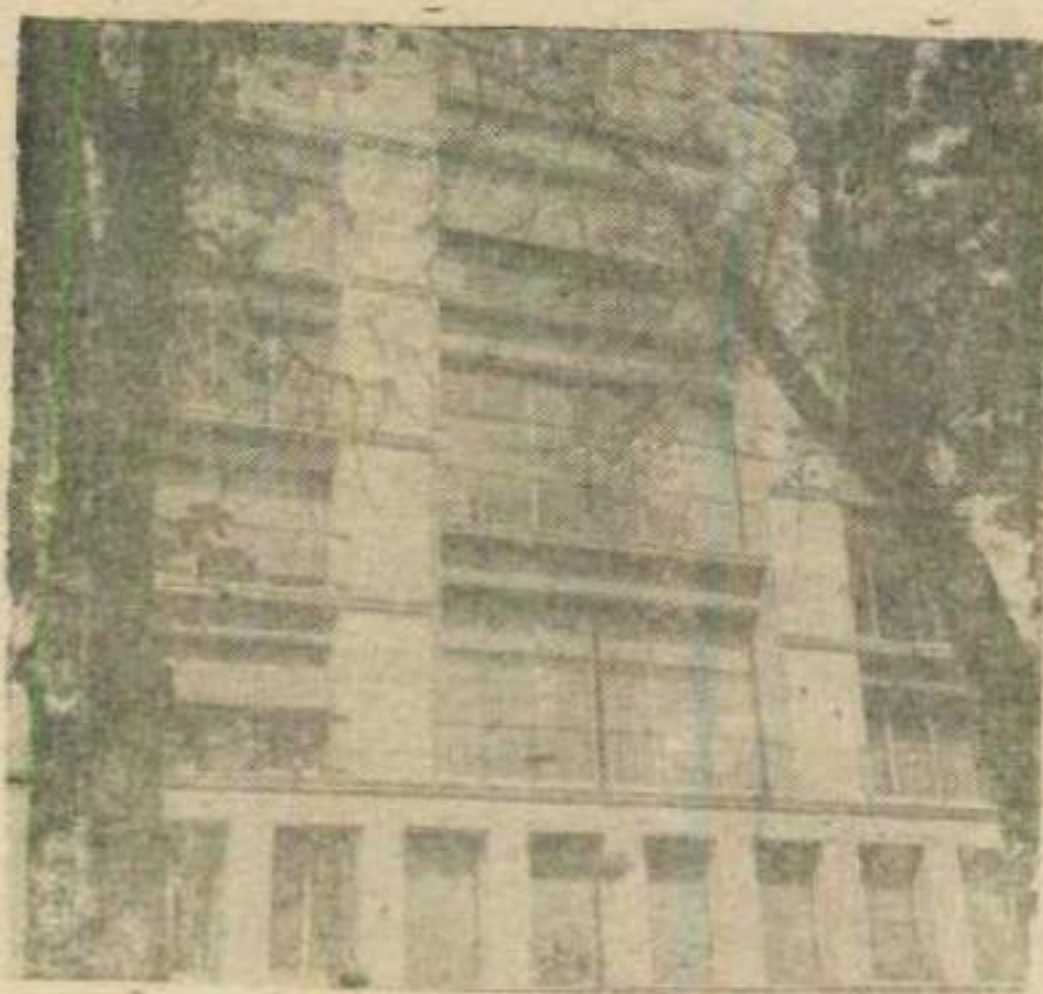
Hình 3. — Nhà của Warmer ở Budapest



Hình 6. — Nhà của Gropius ở Bá Linh



Hình 4 — Biệt-
thự Savoye 1929-
1931 của Le
Corbusier



Hình 5. — Nhà của Lecouteur



Hình 7. — Nhà của H và A.
Gutttson ở Houillse

Xét các ngôi nhà ứng-dụng đáng ưa, thì mỹ-thái ở toàn diện đều xuất phát hay hiện lộ từ qui mô, cốt cách, tổ chức, nghĩa là do sự áp dụng thệch đáng những qui lệ căn bản của kỹ thuật kiến tạo (architectonique) chứ không do những sự gia-tăng phụ thuộc.

Nhà của Lecouteur, tại sao cao lớn mà không nặng nề ? Tường ít, cửa nhiều, kính rộng, lan can nhẹ vì theo nhỏ (h số 5).

Tường và lầu của Gutton vững và khỏe, thẳng tắp nhưng không trơ : nhờ sự sắp đặt bên trong (distribution des plans à l'intérieur) tường chia ra nhiều khoảng, nhiều lớp, mỗi hàng cửa theo kích thước khác nhau, mắt ngắm kỹ cũng không phải chịu đựng sự nhất tề đồng loạt, (hình số 7).

Nếu mọi phần đều giống nhau cả, thì biệt thự La Savoie của Le Corbusier chỉ là một khối vuông sắc cạnh (hình số 4). Nhưng có sự chế-hóa vừa phải, do những ống tròn trên nóc, những cột nhỏ như then, khoảng trống ở hành-lang tầng dưới, đối lại với các khoảng kín của tầng trên, nên toàn thể điều hòa và phong-quang ; quả như lời một nhà phê bình, tác giả chỉ việc phân chia các khối, mà sự thiết trí biến thành một lối trang trí khả-quan (Du jeu des volumes, il fait un décor).

Sau 1937, và nhất là hồi gần đây, nhà ứng dụng ngay ở VN không còn là những hộp vuông, nhờ sự phối-trí thích-hợp hơn mà kết quả là vẻ nhẹ-nhàng vui mắt.

Mặt hộp, nghĩa là bức tường, thường được đẩy lui vào phía trong, dành bớt chỗ đằng trước cho hàng hiên : *kín và nặng nhường cho trống và nhẹ.*

Những khuôn mắt-cáo gạch nung phơi màu đỏ thắm, vừa làm vách thoáng góp sức chống đỡ, vừa là dèm thừa dụ ánh mặt trời : cũng tô điểm phần nào mà không hề phản ứng dụng (như nhà Alfana đường Tự-Do).

Lại nhiều khi cột trụ và tường dày, được thay bằng nhiều then song song sành nhịp dọc hay ngang ; hoặc bằng những phiến mỏng hợp thành *brise-soleil* dựng khung che nắng : như nhà Esso đường Hai Bà Trưng, trụ-sở Ngoại-Giao đường Thống-Nhất, bệnh-viện đường Công-Lý...

oOo

Dẫu sao, vẻ đẹp của Kiến-trúc ứng-dụng thỏa mãn lý-trí hơn là tình cảm của người quan sát. Các vạch thẳng góc vuông, các khối ngang-bằng-sổ-ngay biểu lộ quá rõ ràng sự tận dụng hình học của kỹ-thuật-gia, không thấy sức linh-hoạt của tưởng-tượng và cảm năng mà chúng ta thường chờ đợi ở nghệ sĩ. Những khuyết-diểm đó, liệu đã được bồi đắp hay chưa, do những nhà kiến trúc hậu-chiến ?

Đ.T.

Kỳ tới : Những xu-hướng mới và kiến-trúc tiền-phong.

Albert Einstein

và Thuyết Tương-đối

● NGỌC - VÂN

(xin xem từ B.K.T.D. 212)

THUYẾT TƯƠNG ĐỐI TỔNG QUÁT

Ta đã thấy các nguyên tắc và định luật của thuyết tương đối đặc biệt chỉ áp dụng cho các chuyển động đều. Einstein cho ta thấy rằng trong vũ trụ không bao giờ có chuyển động tuyệt đối. Chuyển động của một hệ thống chỉ có tính cách tương đối với hệ thống khác. Thí dụ như mặt trăng chuyển động tương đối với trái đất; trái đất chuyển động tương đối mặt trời; thái dương-hệ chuyển động tương đối với các thiên hệ khác, vân vân... Nếu bây giờ trong tất cả vũ trụ chỉ còn lại có trái đất thì dù trái đất có đứng yên hay chuyển động rất nhanh ta cũng không thể nào biết được. Đây không phải là một giả định vô-lý. Từ khi khai thiên lập địa, trái đất vẫn di

chuyển xung quanh mặt trời với tốc độ 116.000 km/giờ và đồng thời còn xoay tít như con quay với tốc độ 1600 km/giờ. Vậy mà ta vẫn tưởng là trái đất đứng yên, và mặt trời cùng các vì sao thì chạy chung quanh trái đất.

Các định luật của thuyết tương đối đặc biệt áp dụng rất đúng cho các chuyển động đều. Nhưng khi áp dụng vào trường hợp các vật chuyển động khi nhanh khi chậm, khi tới khi lùi, khi đi về hướng này, khi chạy về hướng nọ thì không đúng nữa. Những chuyển động không đều này có thể có tính cách tuyệt đối, nghĩa là ta không cần phải căn cứ vào những hệ thống khác mà vẫn biết là vật có chuyển động hay

không. Đứng trong một thang máy kín mít, khi thang máy chạy nhanh lên hoặc chậm đi ta có thể biết được là thang máy đang chuyển động. Khi bịt mắt lại ngồi trong xe hơi đi rất nhanh ta cũng có thể biết được là xe hơi rẽ hay đi thẳng. Như vậy thì nếu trái đất chuyển động không đều thì dù trong không gian chỉ còn lại có trái đất thôi, nhờ những chuyển động không đều ta vẫn có thể biết trái đất đứng yên hay đang chuyển động.

Kết luận này hoàn toàn trái ngược với kết luận nêu ra trong thuyết tương đối đặc biệt. Và hình như các chuyển động không đều là hệ thống độc nhất không tuân theo các định luật nêu ra trong thuyết tương đối đặc biệt. Sự trái ngược này làm cho Einstein rất thắc mắc. Vốn là người tin tưởng vào sự hòa điệu của vũ trụ ông quả quyết rằng tất cả mọi luật thiên nhiên đều đúng cho cả mọi hệ thống chuyển động, dù là chuyển động đều hay không đều. Sau khi đề xướng ra thuyết tương đối đặc biệt, ông đề hết tâm trí tìm tòi suy nghĩ. Mười năm sau, năm 1916, ông nói rộng thuyết tương đối đặc biệt ra thành thuyết tương đối tổng quát để giải nghĩa các hiện tượng chuyển động không đều. Trong thuyết tương đối tổng quát ông cũng lại đưa ra một quan niệm hoàn toàn mới về trọng lực.

Tính ì

Einstein cho rằng sở dĩ ta có thể biết được chuyển động không đều một cách tuyệt đối (nghĩa là không cần phải nhờ

vào các hệ thống bên ngoài) là vì ta, cũng như mọi vật, có tính ì hay, theo danh từ khoa học, ta có quán tính. Các bà vợ thường than phiền : « Nhà tôi lười lắm, ngồi đâu cứ ì ra đấy ». Nếu là các nhà khoa học thì các bà sẽ nói : « Nhà tôi có quán tính lớn lắm ». Trước đây hơn 300 năm Newton đã khám phá những định luật về quán tính của sự vật. Ngày nay bất cứ học sinh trung học nào cũng biết rằng : một vật sẽ đứng yên mãi mãi ở một vị trí, hoặc tiếp tục chuyển động đều trên một đường thẳng nếu không có một lực nào khác bắt buộc vật đó phải chấm dứt tình trạng đứng yên hoặc chuyển động đều trên đây. Một hòn bi để trên trên mặt đất sẽ đứng yên nếu không có ai động chạm đến. Khi hòn bi lăn trên một mặt phẳng, nếu sự cọ sát giữa hòn bi và mặt phẳng không đáng kể, hòn bi sẽ tiếp tục lăn mãi mãi, cho đến khi có một lực nào bắt nó đứng lại. Chính cái quán tính này đã giúp cho ta nhận được chuyển động không đều. Khi ở trên toa tàu đang chạy quán tính khiến cho thân thể ta có khuynh hướng chuyển động đều với tốc độ đó. Nếu bỗng nhiên tàu đi nhanh lên hoặc đi chậm lại, quán tính sẽ cưỡng lại sự thay đổi chuyển động đó và gây ra những hiện tượng sinh-lý hoặc vật-lý khiến cho ta biết tàu đổi tốc độ. Do đó Einstein kết luận là ngay cả chuyển động không đều cũng là những chuyển động tương đối vì tùy thuộc vào quán-tính của vật-thể.

Quán-tính và trọng-lực.

Một định luật nữa của Newton về quán tính nói rằng lực cần để di-chuyển một vật tùy-thuộc vào khối-lượng của vật ấy. Hay nói một cách khác khối lượng của vật càng lớn thì lại càng khó di chuyển. Đây là một điều hiển nhiên: ai cũng biết rằng ném một cục sắt cần phải dùng nhiều sức hơn là ném một cục gỗ.

Nhưng có một điều lạ là nếu cục sắt và cục gỗ cùng rơi trong khoảng chân không thì hai vật sẽ rơi nhanh bằng nhau. Như vậy, khi chịu ảnh hưởng của trọng lực (sức hút của trái đất) hình như các vật không tuân theo định-luật của quán tính. Để giải-nghĩa điều này, Newton nói rằng khối lượng của vật càng lớn, nghĩa là quán tính của vật càng lớn thì sức kéo của trọng-lực càng lớn. Các vật nặng nhẹ đều rơi xuống nhanh như nhau vì vật nặng chịu sức hút của trái đất lớn hơn là vật nhẹ. Hình như thiên-nhiên đã khéo léo tạo ra một sự cân bằng tuyệt mỹ giữa trọng lực và quán-tính.

Sau Newton hơn ba thế kỷ, người ta cũng chỉ biết thế thôi chứ không ai giải nghĩa nổi. Khi Einstein nghiên cứu về quán-tính của vật thể để lập nên thuyết tương đối tổng-quát ông nhận thấy rằng không thể phân biệt được chuyển động gây ra bởi các lực của quán-tính (như sức gia-tốc, sức giảm-tốc, sức ly-tâm, v.v...) và chuyển động gây ra bởi trọng-lực. Đó là nguyên-tắc

Tương Đương giữa quán-tính và trọng lực của Einstein.

Các phi công nghiệm rằng nhận xét của Einstein rất đúng. Họ thấy khi máy bay lao xuống (tức là chịu ảnh hưởng của trọng-lực) họ cũng có những cảm giác như khi máy bay lượn với tốc-độ rất nhanh (tức là chịu ảnh-hưởng của sức gia-tốc). Trong cả hai trường hợp, các phi công thấy mình bị ép chặt xuống ghế và máu dồn hết từ đầu xuống chân.

Người ta cũng thấy rằng ở trong khoảng chân không, các vật trong phi thuyền đều bay lơ lửng, không có trên dưới gì cả. Nhưng nếu phi thuyền thay đổi tốc-độ thì trong phi thuyền có một hiện tượng giống như hiện tượng trọng-lực. Nếu phi thuyền đi về phía trước thì các vật sẽ rơi «xuống» phía sau. Và nếu đi về tay phải thì các vật sẽ rơi «xuống» tường bên trái của phi thuyền. Dựa trên nguyên-tắc của Einstein người ta đã nghĩ ra một phương pháp rất giản dị để cho các phi-hành-gia tương lai khỏi phải sống trong tình-trạng lơ lửng suốt trong thời-gian đi trong không-trung. Người ta sẽ tạo ra một tình-trạng trọng lực giả tạo bằng cách cho phi thuyền xoay từ từ. Sức ly tâm sinh ra khi phi thuyền quay sẽ khiến cho các vật và đồ đạc trong phi-thuyền ép chặt vào vách phi thuyền như khi chịu sức hút của trọng lực.

Trọng-lực của Einstein.

Không những Einstein giải nghĩa được hiện tượng các vật rơi bằng nhau trong

không trung, ông lại còn đưa ra một quan niệm mới về trọng lực. Theo quan niệm mới này thì chữ « trọng lực » mà ta đang dùng hiện nay đã trở nên lỗi thời. Ta dùng chữ trọng-lực vì Newton bảo rằng có một sức hút giữa các vật ở trong vũ trụ. Quan niệm trọng-lực của Einstein không nói gì đến lực, hoặc sức cả. Quan niệm đó chỉ diễn tả sự chuyển động của một vật khi vật đó ở trong một trọng-lực-trường (Champs de gravitation).

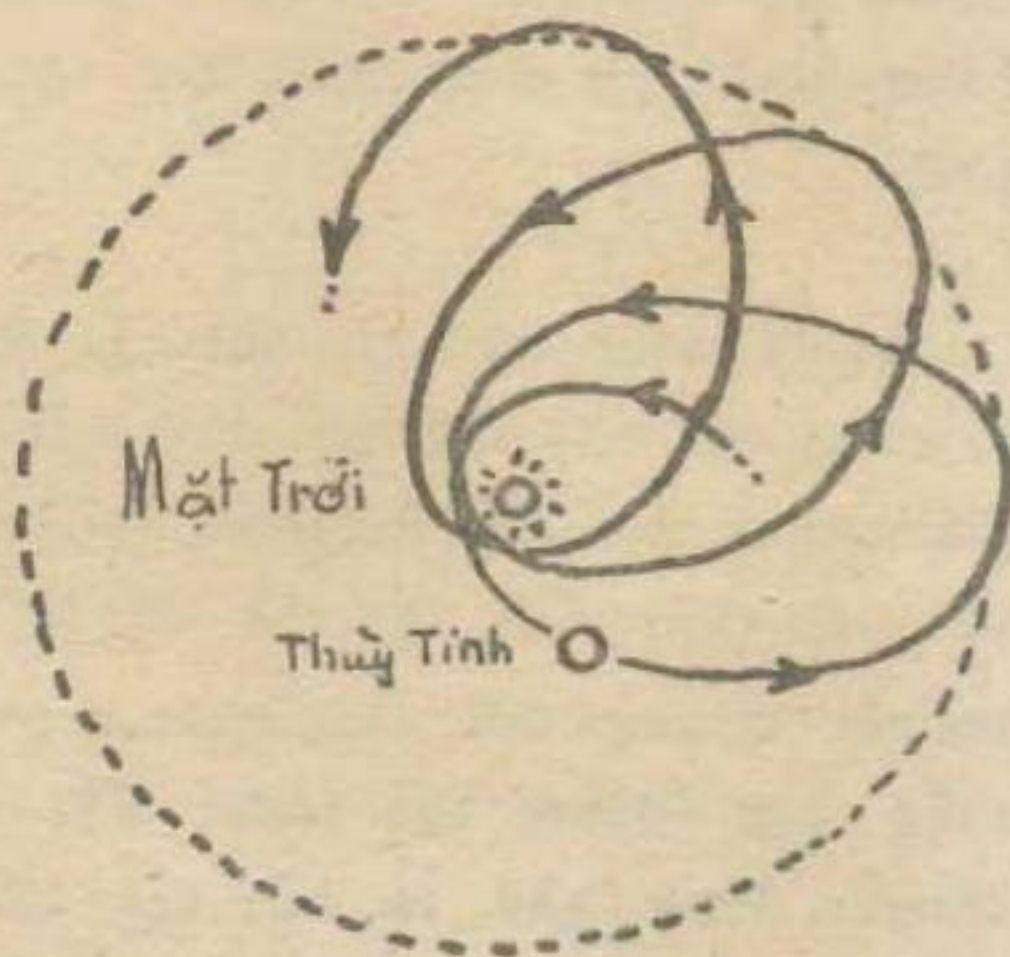
Einstein đưa ra quan niệm mới này vì ông cho rằng trọng-lực cũng có những vùng ảnh hưởng như một cực nam-châm. Vùng ảnh hưởng của một cực nam-châm gọi là từ-trường. Do đó, Einstein gọi vùng ảnh hưởng của trọng lực là trọng lực trường. Ta đã thấy cấu tạo của từ trường chi phối chuyển động của 1 miếng sắt. Dựa trên nguyên tắc tương tự, Einstein nói rằng đặc tính hình học của trọng-lực-trường chi phối sự chuyển động của các vật trong trọng-lực-trường đó.

Để thấy rõ sự khác nhau giữa quan niệm của Newton và Einstein về trọng-lực người ta thường dùng thí dụ sau đây. Có một đứa bé chơi đánh bi ở trên một khoảng đất chỗ lồi, chỗ lõm. Những hòn bi không bao giờ ở vào chỗ lồi mà luôn luôn lăn xuống chỗ lõm. Một người đứng trên tầng lầu thứ mười của một bin-dinh, không nhìn rõ chỗ lồi chỗ lõm, chỉ thấy có chỗ các hòn bi không bao giờ lăn vào lại có chỗ các hòn bi luôn luôn lăn vào. Do đó người ấy có thể cho rằng

một vài chỗ trên mặt đất có sức đẩy, hòn bi còn có vài chỗ khác thì lại có sức hút hòn bi. Nhưng, nếu có người khác đứng ngay trên mặt đất xem đứa bé đánh bi, người này sẽ thấy ngay rằng sự chuyển động của hòn bi đã bị chi phối bởi đặc tính hình học của mặt đất. Nếu ta gọi hiện tượng hòn bi tránh chỗ lồi, lọt vào chỗ lõm là « trọng-lực » thì cách giải-nghĩa của Newton là cách giải nghĩa của người đứng trên tầng lầu, còn cách giải nghĩa của Einstein là cách giải nghĩa của người đứng trên mặt đất.

Vũ trụ của Einstein

Nhờ quan niệm mới về trọng lực của Einstein, ta có thể hiểu được những hiện tượng thiên văn mới lạ. Khi thuyết tương đối của Einstein chưa xuất hiện người ta nhận thấy rằng các hành tinh trong thái-dương-hệ đều vận chuyển trên những quỹ đạo rất đúng với các định luật cơ học của Newton. Duy có Thủy-



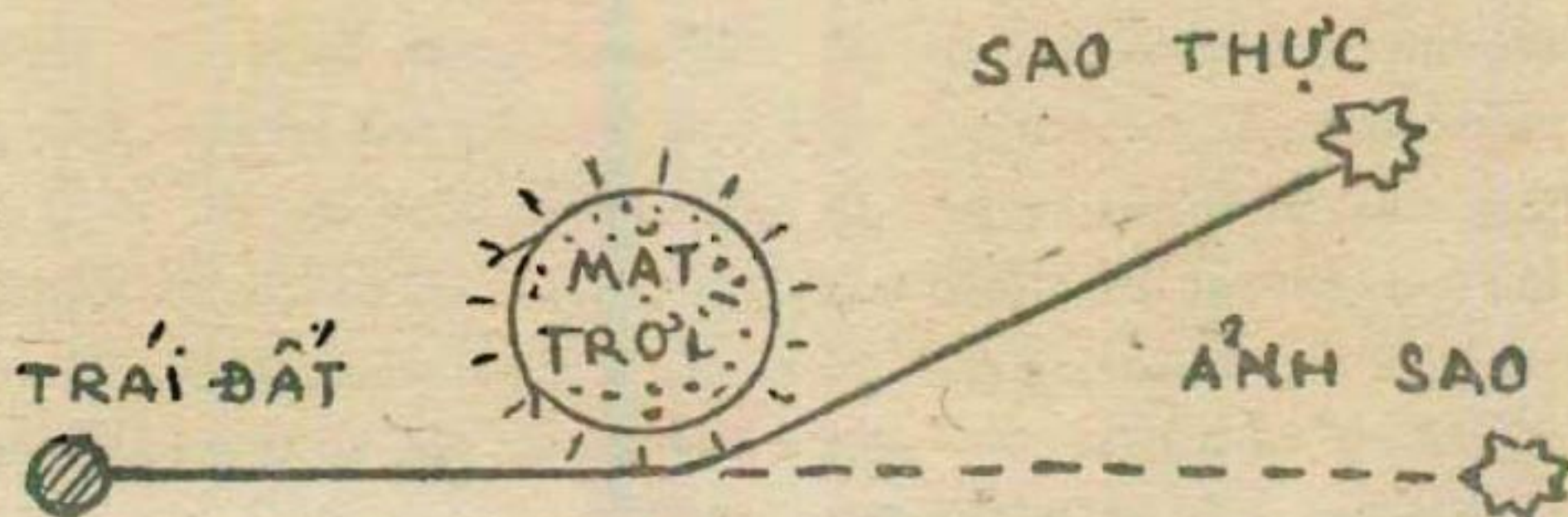
Quỹ đạo của Thủy Tinh di động chung quanh mặt trời

Tinh lại không tuân theo hẳn cái trật tự vũ trụ đó. Quỹ đạo của hành tinh này hình như dời vị trí chung quanh mặt trời: Sự di động này rất nhỏ, đối với người thường không có nghĩa lý gì, nhưng đối với các nhà khoa học thì đó quả thật là một điều bất thường không ai giải thích nổi. Nhờ định luật về trọng lực của Einstein người ta mới biết rằng vì ảnh hưởng của trọng lực mặt trời và vì tốc độ di chuyển rất lớn của Thủy-Tinh, nên quỹ đạo của hành tinh này mới xê dịch như vậy. Người ta lại còn tính được rằng với vận tốc xê-dịch như vậy, quỹ đạo của Thủy-Tinh sẽ đi hết một vòng xung quanh mặt trời trong ba triệu năm. (Xin coi hình vẽ.)

Einstein lại còn tiên đoán một hiện tượng khoa học hết sức quan trọng: đó là ảnh hưởng của trọng-lực-trường vào ánh sáng và thời gian. Dựa vào công-thức $E = mc^2$, ta đã biết rằng năng lượng cũng có khối lượng như các vật

thể khác. Nếu các vật thể bị chi phối bởi trọng-lực-trường thì ánh sáng, một hình thức của năng lượng, cũng phải bị chi phối bởi trọng-lực trường. Do đó, Einstein tiên đoán là khi qua trọng-lực trường của một thiên thể lớn, ánh sáng sẽ đi theo đường cong chứ không đi theo đường thẳng. Ông cho rằng có thể kiểm chứng được định luật này bằng cách đo độ lệch của tia sáng phát ra từ một ngôi sao, khi tia sáng đó đi qua trọng-lực-trường của mặt trời (xem hình vẽ).

Lời tiên đoán này được đem ra kiểm chứng vào dịp nhật thực năm 1919. Lợi dụng lúc có nhật thực các nhà thiên-văn chụp ảnh của một ngôi sao khi ánh sáng của ngôi sao đó đi sát mặt trời. So sánh vị trí biểu kiến này với vị trí thực của ngôi sao, các nhà thiên văn học thấy rằng hai vị trí sai nhau một khoảng cách đúng y như là Einstein đã tiên đoán bằng lý luận toán học.



Trọng lực mặt trời làm lệch đường
đi của ánh sáng

Khám phá này đã làm chấn động dư luận thế giới lúc bấy giờ và khiến cho quần chúng ý-thức được tầm quan trọng và tính chất cách mạng của thuyết Tương đối.

Bằng cách lý-luận tương tự như vậy Einstein lại cho rằng không những năng lượng chịu ảnh hưởng của trọng lực trường mà cả thời gian cũng bị chi phối bởi trọng lực nữa. Trọng lực càng lớn thì thời-gian càng chậm đi. Trọng lực của mặt trời lớn hơn trọng lực của trái đất, nên một cái đồng hồ ở mặt trời sẽ chạy chậm hơn là khi ở trái đất. Nhận xét này đã được kiểm chứng bằng cách dùng đài viễn-vọng vô tuyến để quan-sát sự phóng xạ của các nguyên tử ở các thiên-thể có một trọng lực trường mạnh gấp bội trọng-lực trường của trái đất. Người ta thấy rằng, ở các thiên thể này, nhịp thời gian đi chậm hơn nhịp thời gian ở trái đất.

Kích-thước của Vũ-trụ.

Từ những vấn đề thu hẹp trong phạm vi của trái đất, Einstein đã dùng thuyết tương-đối tổng-quát để tìm hiểu về vũ trụ. Trước Einstein, người ta cho rằng vũ-trụ là một quần đảo các vật thể đứng trơ vơ trong khoảng đại dương vô tận của không gian. Theo quan niệm này vũ trụ có thể tượng trưng bằng một mặt phẳng không giới hạn. Einstein trái lại cho rằng có thể coi vũ trụ là như một hình cầu có giới hạn. Nếu ta có thể dựa vào vài sự kiện quan sát được để tính kích thước của trái đất thì ta cũng có

thể áp dụng phương pháp này để tính kích thước của vũ-trụ Einstein cho rằng độ cong của hình cầu vũ trụ được định bởi số vật thể chứa đựng trong vũ trụ. Nếu ta biết được số trung bình của vật thể chứa đựng trong một centimet khối của vũ trụ ta có thể suy ra được kích thước của vũ-trụ.

Theo sự ước lượng của nhà thiên văn Edwvin Hubble tại Thiên văn đài Mt. Wilson (Mỹ), trung bình có độ 0,000.000.000 000.000.000.000.000.000.001 gram vật chất trong một centimet khối của vũ-trụ. Dùng các phương trình của Einstein để tính ta sẽ thấy hình cầu vũ-trụ có đường bán kính là 35 tỷ năm ánh sáng, tức là dài 336. 000. 000. 000. 000. 000. 000. 000. km. Muốn đi du lịch vòng quanh vũ-trụ bằng một hỏa tiễn đi nhanh bằng ánh sáng ta sẽ cần một thời gian là 200 tỷ năm.

000

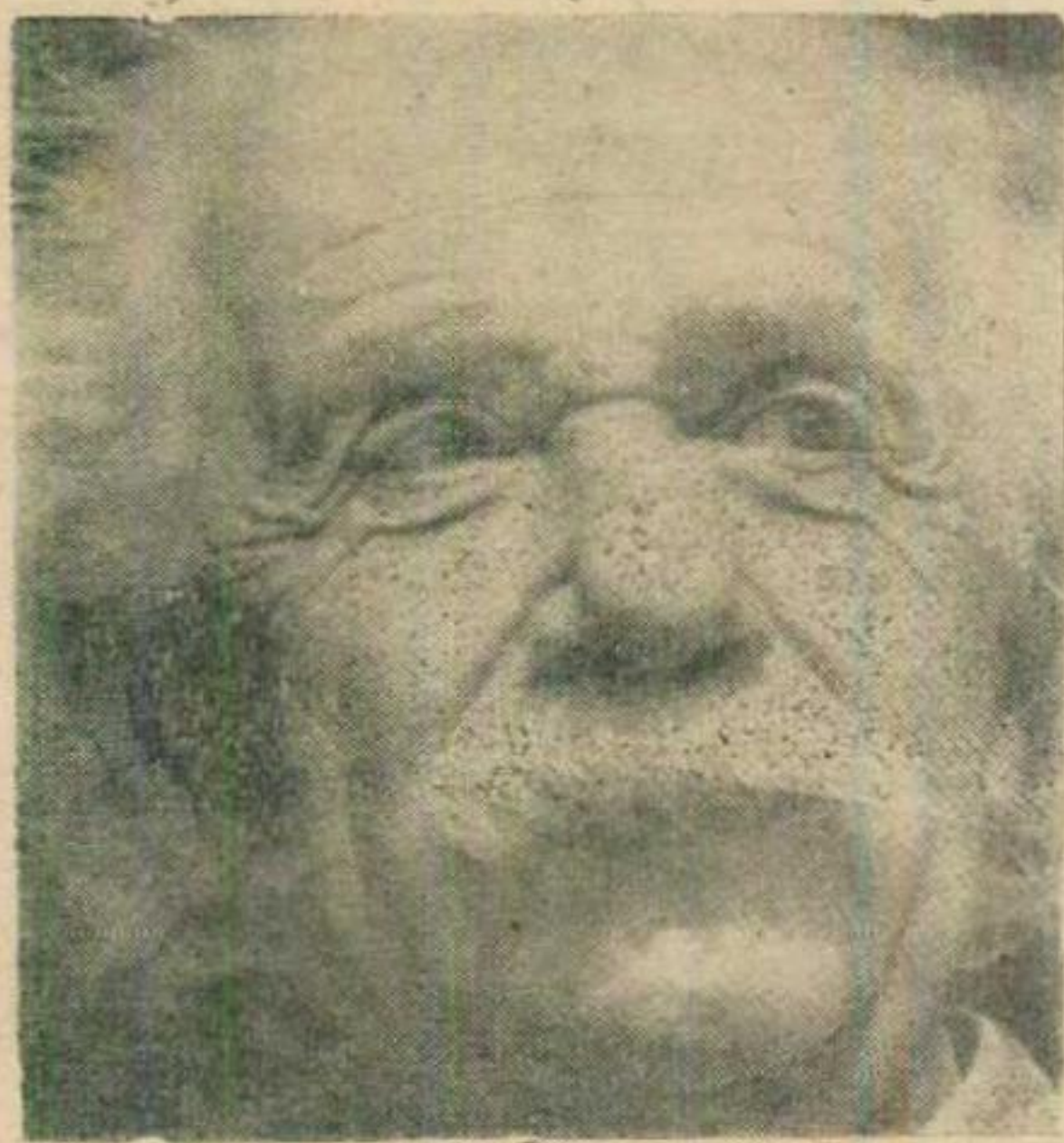
Sau khi đã đặt ra thuyết tương đối tổng quát giải nghĩa các hiện tượng của vũ trụ bao la, Einstein vẫn chưa thỏa mãn. Ông còn định tìm ra một thuyết tổng quát hơn nữa để không những có thể giải nghĩa được các chuyển động trong vũ trụ mà lại còn giải nghĩa được sự chuyển động của các vi tử trong một nguyên tử. Đã có lần ông tưởng đã thành công trong tham vọng này. Nhưng về sau ông lại tự gạt bỏ thuyết của ông đưa ra vì thấy hãy còn thiếu sót. Từ đó đến khi qua đời, công cuộc vĩ đại của ông vẫn không thực hiện được. Là cha đẻ

của thuyết Tương đối ông cũng nhận rằng chính cái thuyết của ông cũng chỉ có giá trị... tương đối ! Vẫn có nhiều hiện tượng mà thuyết của ông không giải nghĩa được. Sau này thuyết của ông sẽ trở nên lỗi thời và sẽ bị lật đổ như chính ông đã lật đổ các quan niệm cơ học của Newlon.

Có một điều ngộ nghĩnh là con người có óc bao quát cả vạn vật như Einstein

nhiều khi lại không hiểu nổi được những hiện tượng rất giản dị và tầm thường. Người ta kể chuyện rằng Einstien rất thích cho các khách đến thăm nhà xem một con chim máy có thể cúi xuống uống nước rồi lại ngừng lên như chim thật mà không cần máy móc gì cả. Không muốn phá con chim ra để xem bộ phận bên trong ra sao. Einstein cứ loay hoay suy luận mãi mà không tìm ra được cái nguyên tắc của cái trò chơi trẻ con đó

CUỘC ĐỜI CỦA A. EINSTEIN



Người thư ký khác thường

Sinh năm 1879 tại Ulm (Đức), Einstein là con của một gia đình theo đạo Do Thái. Khi còn học ở trung học, ông rất kém về các môn La tinh và Hy-lạp, nhưng lại thích làm các bài toán khó. Ông cũng lại rất ghét lối học thuộc lòng. Đã có lần ông bị "mời" ra khỏi trường vì đã có thái độ

khinh rẻ phương pháp dạy bắt học thuộc lòng của ông giáo. Khi học ở trường Bách Khoa ông đã tỏ ý nghi ngờ các định luật Newton. Theo ông những cái mà Newton gọi là định luật thật ra không phải là định luật, vì Newton chỉ bảo ta chấp nhận chứ không chứng minh.

Sau khi tốt nghiệp ở trường Bách Khoa ông vào làm thư ký tại sở Khảo sát bằng phát minh tại Berne. Nhờ công cuộc khảo cứu của ông về "sự di động của các vi tử trong môi trường lỏng", ông được trường đại học Zurich cấp bằng Tiến sĩ. Sau đó ông được mời làm giáo sư ở đại học Zurich và ở Prague. Sau khi xướng ra thuyết Tương đối đặc biệt, danh tiếng ông vang dậy khắp Âu Châu. Ông được các đại-học danh tiếng ở Âu Châu mời đến diễn thuyết. Các học giả, các nhà khoa học và ngay cả các người thường trên thế giới cũng gửi thư đến ông đề hỏi ý kiến về các vấn đề khoa học hoặc toán học, hay nhiều khi chỉ để xin chữ ký. Ông được nhiều người biết đến nổi

có nhiều bức thư ở ngoài phong bì chỉ đề: «Giáo sư Einstein, Âu châu» mà cũng đến tay ông.

Năm 1913, ông được mời làm giám đốc viện khảo cứu Kaiser Wilhem, hội viên của Hàn lâm viện Khoa học Đức, và giáo sư tại Đại-học Berlin. Nhưng chẳng được bao lâu thì chiến tranh xảy ra. Quân đội Đức chiếm đóng nước Bỉ. Muốn cho danh chính ngôn thuận chính phủ Đức thảo sẵn một bản tuyên ngôn ủng hộ hành động của chính phủ và bắt buộc các văn sĩ, nghệ sĩ và các khoa học gia có tên tuổi ký vào bản tuyên ngôn Einstein đã từ chối không ký. Vì vậy, báo chí Đức và ngay cả các bạn đồng nghiệp đã tỏ ra có ác cảm đối với ông. Ngay đến cả thuyết Tương đối của ông cũng bị « nhúng bùn chính trị » và bị cho là tư tưởng phản động, chống Đức bênh Do Thái !

Danh nhân thế-giới

Trong khi danh tiếng và lý thuyết của ông bị bôi nhọ, chà đạp ở Đức thì cả thế giới vẫn ngưỡng mộ ông hơn bao giờ hết. Năm 1921, ông được giải Nobel về vật lý. Điều đáng chú ý là giải này đã trao cho ông không phải vì ông đã đề xướng ra thuyết Tương đối mà là vì các khám phá của ông về một hiện tượng vật lý gọi là hiện tượng quang-điện. Khám phá này đã được áp dụng để làm máy đo ánh sáng, máy thu ảnh trong vô tuyến truyền hình, và đã góp phần vào việc phát triển phim nói, máy thu thanh và kính hiển-vi điện-tử. Einstein đã dành

nửa số tiền vào công cuộc từ thiện.

Trong khoảng thời gian 1921-1933, ông viếng thăm nước Mỹ và các nơi trên thế giới. Năm 1922, trong cuộc viễn-du tại Á-Châu ông đã ghé thăm đại học Kobe ở Nhật để diễn thuyết về khoa học và hòa-bình. Nơi đây ông đã được Nhật hoàng và dân Nhật đón tiếp trọng thể. Tại Mỹ ông cũng được ngưỡng mộ không kém và cũng được đón tiếp trọng thể theo lối Mỹ. Theo với truyền thống kinh doanh của Mỹ, các « businessmen » đã tìm đủ mọi cách để triệt để khai thác danh tiếng ông. Một hãng thuốc lá cho ra một nhãn hiệu thuốc lá mới, lấy tên là « Tương Đối » để kỷ niệm cuộc viếng thăm. Lại có hãng quảng cáo hứa trả cho ông một số tiền ketch xù nếu ông chịu cầm cục phấn đứng trước bản đen và nói : « Tôi dùng xà bông hiệu X của hãng Y. »

Bước đường lưu vong

Năm 1933, trong khi đang khảo-cứu tại viện Kỹ-thuật California thì ông được tin đảng Hitler đã thắng cử. Phong trào bài Do-Thái càng ngày càng tăng cường và bành trướng tại Đức. Các sách báo của dân Do-thái, trong đó có các tác phẩm của Einstein, bị đem ra đốt. Nhà ông bị quân đội lục soát và niêm phong. Con gái ông phải lánh nạn sang Pháp. Chính phủ Nazi treo một giải thưởng 20 ngàn marks cho ai bắt hoặc giết được Einstein.

Tuy thế, Einstein vẫn lên đường trở

về Âu-Châu và tạm lánh mình ở Bỉ Sau cảnh-sát Bỉ phát gác và phá vỡ âm mưu định bắt cóc và ám sát ông, Einstein thấy rằng Âu Châu không còn là đất dung thân. Ông bèn trở lại Mỹ và được mời vào ban giáo huấn và khảo cứu tại Đại-học Princeton. Trong khi ở Mỹ, mặc dầu công việc bận rộn, ông bỏ ra rất nhiều thời giờ để diễn thuyết, viết sách, báo nhắc nhở cho dân chúng biết cái hiểm họa của chủ-nghĩa Quốc Xã và tổ chức các cuộc lạc quyên lấy tiền giúp dân tị-nạn chiến tranh.

Trái bom nguyên - tử

Tháng 7 năm 1939 vài nhà bác học danh tiếng ở Âu-Châu sang tị nạn tại Mỹ đến tìm gặp Einstein và báo cho ông biết rằng Đức-Quốc-Xã đã tìm được cách tạo ra nguyên tử năng và có lẽ có thể chế được bom nguyên tử trong một lượng lai rất gần. Nhận thấy những hậu quả tai hại cho thế giới và cho con người nếu Đức chế ra được bom nguyên tử và dùng bom đó làm khi giới thắng trận, các bạn của Einstein khuyên ông dùng uy tín của mình để thúc dục Tổng Thống Roosevelt cho xúc tiến việc chế tạo bom nguyên tử. Sau bao nhiêu lần do dự cân nhắc điều hơn lẽ thiệt, ông mới đặt bút ký vào bức thư lịch sử quyết định tính mạng của hàng mấy chục ngàn người. Và "Dự án Manhat-tan," chế tạo bom nguyên tử, được bí mật khởi công.

Sau này, chắc hẳn Einstein đã có lúc cảm thấy lương tâm cắn rứt về hành

động đó. Ngày 8-5-1945, sau khi nghe tin Đức đã đầu hàng và nhận thấy rằng trước sau thế nào Đồng Minh cũng thắng trận, Einstein vội vàng viết một lá thư khác cho Tổng Thống Roosevelt nêu ra những hậu quả tai hại của một vụ nổ nguyên tử và yêu cầu Tổng Thống đừng dùng đến bom nguyên tử nữa. Tổng Thống Roosevelt chưa kịp đọc lá thư đó thì đã đột nhiên từ trần ngày 12-4-1945. Người kế vị ông là ông Truman đã cho các tướng lãnh toàn quyền xử dụng loại vũ khí chế tạo được đó và đến tháng tám 1945, trong khi đang đi nghỉ mát, Einstein đã nhận được tin sét đánh là bom nguyên tử đã được đem ra dùng ở Hiroshima.

Con người của Hòa-bình

Từ khi đó hình ảnh tàn phá của trái bom mà ông đã gián tiếp dự phần vào việc chế tạo đã đè nặng lên tâm tư ông. Suốt 10 năm sau đó, cho đến khi nhắm mắt ông luôn luôn vận động tranh đấu chống việc chế bom nguyên tử và cổ vũ dùng nguyên-tử-năng vào các công cuộc hòa bình. Ông tin rằng với bom nguyên tử, nhân loại đã có trong tay một vũ khí ghê gớm có thể tận diệt cả nhân loại. Có lần, có người hỏi ông là trong Đại chiến thứ ba người ta sẽ dùng thứ khí giới gì. Ông đã trả lời một cách mỉa mai: « Tôi không biết. Nhưng tôi biết chắc là trong Đại chiến thứ tư họ sẽ lấy đá ném nhau như các người thượng cò ».

Nhận thấy rằng các nhà khoa học

phải có nhiệm vụ nói rõ cho quần chúng biết cái khả năng tàn phá của bom nguyên tử, Einstein đã họp các nhà bác học nguyên tử thành một ủy ban vận động do chính ông làm chủ tịch. Ông còn đề nghị thành lập một chính phủ cho toàn thế giới, có quân đội để có thể kiểm soát các hành động quân sự của các quốc gia. Vì tư tưởng này tương tự như chủ nghĩa thế giới đại đồng của Cộng-sản nên đã có nhiều người cho ông là có khuynh hướng Cộng sản và khuynh tả. Nhưng khuynh tả hay khuynh hữu đối với ông không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng hơn cả là duy trì hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại. Trong những năm cuối cùng của đời ông, ông diễn thuyết, cổ võ và hoạt động cho hòa bình nhiều đến nỗi người ta quên hẳn ông là một nhà khoa học và coi ông

như một triết gia, một nhà nhân đạo tranh đấu cho hòa bình. Có lần một chính khách Ấn độ so sánh ông với Gandhi, ông vội vàng cải chính : « Xin ông đừng so sánh tôi với Gandhi. Gandhi đã làm được bao nhiêu điều cho nhân loại. Còn tôi đã làm được cái gì đâu ? Tìm ra được vài công thức thì có gì là lạ. »

Mặc dầu suốt đời tận tụy về khoa học, ông vẫn thành thật tin tưởng là những việc của ông làm chưa đủ để phụng sự nhân loại. Lúc sinh thời ông đã sống cho khoa học, khi chết ông cũng còn muốn chết cho khoa học. Ngày 18 tháng tư năm 1955 ông từ trần tại bệnh viện Princeton. Trước khi chết ông đã hiến di hài của ông cho Viện Đại học Y Khoa để dùng làm vật thí nghiệm.

NGỌC VÂN

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
 Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
 — Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

Con đường gai

VÕ HỒNG

— Con gái mà học ban B là không hợp cách. Ban B đòi hỏi lý-luận chính-xác, áp-dụng công-thức, làm cho tâm hồn con người khô khan đi, chỉ chúí mũi vào vẽ, tính, đặt phương-trình, giả-thiết...

— Nói chuyện với một cô bạn học ban C thấy câu chuyện đàm-dà ý-vị. Còn nói với mấy chị ban B.

— Học ban B sau này đi các ngành kỹ-sư mới có lợi. Nhưng con gái làm kỹ-sư thì đâu có tiện ? Học ban A để đi dược-khoa, y-khoa.

Đại khái đó là những ý-kiến của các ông bạn của Ba tôi nói chuyện oang oang ở phòng khách. Tôi ngồi ở bàn học trước quyền Vật-lý và tự mình mò mẫm học lấy. Niên khóa bắt đầu quá chậm và chấm dứt quá sớm. Tháng 8 giáo sư còn lo đi chấm thi Tháng 9 biểu tình, xuống đường. Chính phủ độc-tài thì biểu-tình chống đối. Khi lung lay cho họ ngã được rồi thì lại biểu-tình để ủng-hộ chính-phủ mới. Nhiều môn học, giáo sư cố gắng dạy đến bốn phần năm chương-trình là cùng. Thế cũng là may. Có năm, có môn chương trình in dài đến ba tấc mà giáo sư chỉ thanh toán được chừng tám phần. Nhiều lý do xác-đáng đã đầy trách nhiệm đó về tận Saigon. Đó là cơ thiếu thầy, Bộ Giáo-dục bỏ dụng giáo sư và điều động giáo sư quá chậm chạp. Niên khóa bắt đầu vào tháng 9 mà có môn mãi đến tháng 11

mới có một cô giáo rụt rè đến, nhận lãnh môn dạy một cách miễn cưỡng bởi lẽ cô học ban Lý Hóa mà trường bắt dạy Toán hay Văn Chương. Hơn nữa, cái thành phố nhỏ này không hấp dẫn được ai hết. Nóng như thiêu như đốt. Những mặt bàn lát bằng ván ép cong lại như con tôm đất bỏ vào chảo dầu sôi. Phi căng thì còn nằm trong vòng dự án xây cất. Đường ô tô bị chặt từng đoạn, giao thông với các tỉnh lớn phải nhờ ở thuyền buồm và ghe máy. Chúng tôi bảo nhau : Hãy nhìn xuống nhìn xuống nữa đề mà tập bằng lòng. Có trường có lớp tại chỗ đề mà học vẫn còn hơn là phải đi tỉnh xa ăn ở trọ. Ba tôi thường an ủi tôi bằng cách kể lại những mẩu chuyện hồi nhỏ đi học xa phải ăn cơm trọ :

— Tao thấy một bộ răng đủ (đủ cả răng cửa, răng nanh và răng hàm), một nha thức gồm 32 cái thật vô ích đối với một học sinh đi ở trọ. Vì lẽ lữ tao có bao giờ nhai đâu ? Ít nhất là trong thời gian thanh toán bát cơm thứ nhất, lữ tao chăm chăm vor dưa thật nhanh, chọn gấp miếng ăn thật ngon rồi và lấy và đề. Khi mọi đĩa thức ăn đã hết sạch rồi thì tình hòa hiếu mới tái lập trở lại. Vừa nhai chậm chạp vừa kể chuyện và pha trò. Dưa món, nước cá kho, nước mắm... không đòi hỏi phải tranh giành, chiếm đoạt.

Em tôi nói :

— Ba nói quá. Học sinh gì mà tệ thế ? Nhất là hồi xưa, hồi thời của Ba người ta « tiên học lễ, hậu học văn... »

Ba tôi cười :

— Cổ nhiên là tao có nói quá đi. Nhưng nếu tao không dọa cho bay sợ thì bay cứ đòi đi Huế, Đà Nẵng mới học được.

Tôi chọn ban B vì thích lý luận chính xác, thích những lời giải không ai có thể nói trái lại được. Như thế kết quả đúng hay sai rõ ràng cụ thể ra đó. Không thể nói quanh co dài dòng và quan niệm linh động đến mức mâu thuẫn nhau được. Tuy nhiên, quyết định chọn ban cũng do ảnh hưởng của Ba tôi một phần. Ông kể hồi đi học giáo sư Math hay miệt thị học sinh Philo. Trong lớp Math, nếu có học sinh nào lười hoặc kém là giáo sư hay dọa bằng câu : « Nếu anh không cố gắng thì tôi cho anh xuống lớp Philo ». Sao lại xuống ? Sao không nói « qua lớp Philo ? » Sao dám chắc rằng bên Philo giáo sư sẽ nhận người học sinh này ? Descendre en Philo ! Vô lý thật.

Nếu thời bây giờ, — Ba tôi tiếp, — thì anh em học sinh ở ban Philo dám xuống đường biểu-tình phản đối lắm.

Nhưng học Toán mà không thể theo học những lớp riêng, những lớp tối thì thật là điều khổ tâm. Học ở trường không đủ. Toán tập làm không hết. Giáo sư

• hoặc dạy quá chậm hoặc dạy quá mau. Thời gian như cái khung ảnh chật mà chương trình là tấm ảnh quá lớn. Phải cắt xén mọi bề mà vẫn không thể lồng vào được. Tôi quắc quại một mình với những chương Toán, Lý Hóa còn sót lại. Hỏi bạn thì đứa nào cũng mờ mịt như nhau. Học thêm ở lớp tối thì không tiện vì nhà tôi ở mãi tận ngoại ô, đi về xa xôi. Ba tôi chữ nghĩa không còn rớt lại được bao nhiêu. Mỗi lần mớ đến định-lý, công thức thì ông loay quay như một con rùa bị lật ngửa. Những ngày gần thi, ông buồn bán lố lã nên hết châm điều thuốc này đến châm điều thuốc khác. Nếu không gặp ông ngồi bóp trán trước những dãy con số thì thấy ông nằm lẩn trở trên giường. Chiến tranh chặt đứt đường giao thông. Mười lăm chuyến xe chở đầy bắp-su, cà rốt tự Đalat xuống đành nằm chết ở Nha Trang, chịu không thuê được tàu thủy chở đi. Ngày nào cũng có điện tín màu xanh đến.

— Xuống đủ mười lăm xe. Stop. Tàu thủy thuê chưa được. Stop.

— Gởi gấp hai mươi lăm ngàn.

— Rau úng bỏ ba mươi phần trăm Stop cho biết quyết-định.

Những bức thư tay ghi rõ chi-tiết, đọc lên bi đát hơn. Rau thúi đồ từng đóng. Không có kho để chứa. Bán lố lã ở các chợ. Nhà vườn thúc tiền. Tài-xế thúc tiền. Ba tôi ăn cơm hết được. Ngồi đâu thì ngồi yên một chỗ mặt gục nhìn xuống. Có lần ông nôi cáu la tôi :

— Tao lo lắng mệt ăn hết nôi mà tụi bay không đứa nào thêm lưu-ý đến tao. Ít nhất bay cũng phải pha sữa bắt tao uống hoặc sai chị bếp nấu cháo nấu mì cho tao. Ngày nào bay cũng bắt tao ăn cơm...

Tôi đang loay hoay với định-luật Berthollet chưa biết hỏi nhờ ai giảng mà ngày thi chỉ còn cách ba bữa, nên quay lại :

Ba muốn uống sữa thì ba sai..

— Muốn, muốn cái gì ? — ông ngắt ngay lời tôi. Tao đâu phải là con nít mà muốn uống sữa ? Tao mệt không ăn được thì bày liệu săn sóc tao một chút.

— Chớ ba tưởng con không mệt sao ? Người ta học thi có má họ nấu chè hạt sen với đường phèn cho ăn. Hầm bồ câu cho ăn. Ninh chân giò cho ăn. Còn con, chẳng ai lo cho con hết. Ba còn rầy con nữa...

Ba tôi ngồi lặng im. Rồi chợt cười xòa :

— À, tao rầy oan. Tụi mình cùng một cảnh ngộ, khổ như nhau, thôi chả ai trách ai được hết.

Tôi hối hận vì câu nói của mình nhất là khi nghe Ba tôi hồn-nhiên nhận lỗi. Săn sóc cái ăn cái uống cho con, người đàn-ông đâu có lo chu-đáo được, nhất

là trong những lúc buồn thua bán lỗ. Ba tôi chỉ biết lo mua sữa, mua đường bánh ngọt, bơ, dầu cá. Thế giới mua sắm của ông là con đường vòng tròn đó. Quả tình là có một người mẹ thì sung sướng hơn nhiều. Hôm nọ đến nhà thăm cô Bảy, tôi nghe cô nói về người con của cô :

— Thằng Ngoạn hần học cả đêm. Nhiều bữa hần gục thiếp đi trên bàn. Cô phải đi rón rén nhẹ nhàng lại đặt ly chè bo bo bên cạnh đó cho hần.

Tôi nghĩ thầm : Sung sướng thay là khi học thi mà có người mẹ dịu dàng như vậy. «Gục thiếp đi», những lời đó nghe mới êm-đềm triu mến làm sao. Bảo rằng «nó ngủ gục trên bàn» thì thật là tội nghiệp cho người ngủ. Tôi nhớ ba tôi cứ khi nào thức giấc thấy phòng tôi còn mở đèn sáng là ông cất tiếng :

— Ê ! Một giờ khuya rồi. Ngủ đi. Học nhiều bệnh đó bay.

— Tụi nó học đến ba, bốn giờ sáng.

— Kệ tụi nó.

Có nhiều đêm tôi ngủ gục trên bàn nhưng có ai nói rằng tôi «đã mệt quá đến thiếp đi» ?

Cách ngày thi hai hôm, tôi đi tìm số ký danh, số phòng thi và địa chỉ điểm thi. 1892. Con số của Định-mệuh. Nó sẽ gắn liền với tên tôi, mang lại vận may hay số rủi ? 1892. Y như mua vé số kiến-thiết người ta nhìn những con số đề mà hi-vọng. Căn-cứ vào đâu đề mà hi vọng thì không ai trả lời được, tuy vậy người ta vẫn cứ ngờ ngợ đề mà hi-vọng. Địa-điểm thi và phòng thi không làm tôi an-tâm. Thi ở trên lầu thì chả trông chờ gì được ở sự viện-trợ bên ngoài. Ngày thi trung học vừa rồi, ở trung tâm Trường Nữ thí sinh tha hồ nghe ở bên ngoài người ta đọc to lời giải bài toán, bài sinh ngữ. Thi ở trường Tiểu học, ở tầng dưới có nhiều hy vọng hưởng những sự may mắn như vậy. Nhất là ở trường nào có một cái sân hẹp, có nhà đồng bào cắt sát bên tường.

Con Cảnh một con bạn hỏi tôi :

— Mà ngồi chung đũa nào ? Trai hay gái ?

— Một trai một gái. Trước tao là Lâm bá Thông và sau sao là Lê thị Thun

— Con gái thì chả trông nhờ được gì. Ít đũa giỏi toán lắm. Mà có thể nhờ ở thằng Thông.

— Sao biết nó là «thằng» ? Lỡ một ông già thì sao ?

— Ít khi gặp ông già. Ông già thường chỉ thi Ban C. Vả lại, thằng Thông tao có quen. Nó học ở bên Trần Quốc Tuấn. Giỏi toán một cây. Được phần thưởng cuối năm.

— Mà nói trước với nó, khi nào tao bí nó cho tao coi với.

— Được. Tao sẽ đi lũng tìm nó.

Tôi tự thấy xấu hổ khi nghĩ đến sự nhờ vả. Ai có kinh-nghiệm thi-cử đều trông chờ những người học giỏi ngồi cạnh đề nhờ vả đôi chút Hỏi đáp số bài toán để được an-tâm khỏi phải mò mẫm thử lại. Hỏi một chữ bí. Nếu gặp giám-thị tử tế, có thể liếc nhìn cả bài công-dân giáo dục, bài sử-địa. Có bà con với nhân viên lập danh-sách thí-sinh không phải là điều vô ích. Thắng Thúc vô-tình đã lộ bí-mật ấy cho tôi biết. Đỗ trung học xong, nó đi Saigon học hai năm, đệ Tam và đệ Nhị. Kỳ thi Tú-tài nó về đây thi. Hỏi vì sao phải lận lợi gian khổ thế, nó không nói. Nhưng hôm sau tôi dặn nó hãy làm được bài thì nhớ đề cho coi nếu như tôi bí nó trả lời :

— Chắc không được đâu.

— Sao lại không ? May tên Thúc, tên Thu, thế nào cũng ngồi cạnh. Chẳng lẽ có đứa nào tên Thù tên Thú, hay tên Thua, ngồi chen ở giữa. Hay là may ích-kỷ ?

Mặt nó nhăn lại, thiếu-não. Nó ngập ngừng một hồi lâu. Tôi dẫn giọng :

— Sao ?

Và nó nói nhỏ :

— Chú tôi nhờ văn phòng xếp cho tôi ngồi giữa thằng Thanh và thằng Thuận hai thằng này giỏi toán lắm. Ba đứa ngồi chung một bàn.

— Sao lại xếp được ? Tao tưởng phải theo thứ-tự A, B, C

— Có lẽ chỉ theo ở những chữ đầu tên. Còn những chữ ở giữa thì tùy nghi :

Tùy nghi ! Tôi muốn kêu lên như bà Roland : « Hỡi chữ « Tùy nghi » ! Người ta phạm bao nhiêu tội lỗi vì may ».

Ngày đầu thi Việt-văn. Khi tôi ở phòng thi về, Ba tôi hỏi cách bố cục bài Luận. Tôi trả lời mới nửa chừng, mới được nửa phút thì ông đã giơ tay ra hiệu ngăn lại.

— Được rồi. Con làm đủ điểm trung bình. Lo coi lại Toán đi. Gọi chị bếp múc chè hạt sen cho mà ăn. Ba đã dặn chị nấu chè cho con đó.

Ba tôi cúi nhìn xuống trang giấy viết dở dang. Cạnh đó, bỏ rải rác những điện tín và thư. Ông đang ngụp lặn giữa những sóng gió tài chánh.

Tối đó, khi sắp chia tay đi nghỉ, Ba tôi búi ngủi nói :

— Con lo nhất là Toán và Lý Hóa vì hệ số lớn. Con có thể cầu nguyện để má con phù hộ cho con.

Tôi trả lời :

— Con có cầu nguyện má mấy lần nhưng má chẳng giúp gì được hết. Hồi thi vào Đệ Thất, má để con rớt chổng cẳng.

Chắc Ba tôi không tin rằng khi cầu nguyện thì linh hồn người thân sẽ về giúp đỡ phù trì mình. Chắc Ba chỉ muốn gọi lên một không khí gia đình để tôi thêm vui, thêm bạo dạn tin tưởng mà vượt chướng ngại, ngày mai.

Bài Toán và bài Lý Hóa, tôi làm không hoàn toàn. Đáp số bài Toán đáng chia 2 thì lại không chia, đáp số bài Lý Hóa đúng ra không chia thì lại chia 2. Ngồi trong phòng thi thấy không khí ở bên ngoài như loãng hơn, trong hơn, mát hơn. Thằng Thông có tiếng là giỏi Toán ngồi viết vèo vèo. Mặc kệ những người ngồi kề quay mặt sang hỏi, nó làm như không nghe không thấy. Thật là một tên làm ăn chí-thú, gương mẫu trong sự ích-kỷ. Chắc chắn nó sẽ thành một công dân có phiếu lý-lịch số 3 trong sạch, một viên-chức nhà nước mẫn-cán bởi tính rụt rè nhút nhát.

Bước ra phòng thi, nghe người ta nói bô bô đáp-số, tôi muốn rẽ người ra đầu óc cơ hồ như đang quay. Tôi làm nhầm tự cho điểm mình : Việt văn 11. Toán 9. Lý Hóa 13. Rồi hạ bút xuống : Việt-văn 10. Toán 8. Lý Hóa 11.

Ba tôi đi về thấy tôi nằm im thín thít trong giường liền hỏi :

— Sao mà xẹp đi như thế ? Bộ rớt rồi hả ?

Tôi cự-nự :

— Chắc rớt.

— Thôi, lo học lại đề thi kỳ II, — giọng nói của ông đùng đình.

— Kỳ này không đỗ thì kỳ II còn hi-vọng gì.

— Thế thì phải hi-vọng ở kỳ này. Con còn thi món nào nữa ?

Tôi kể lể :

— Còn Vạn vật, Sử Địa, Sinh ngữ.

— Hãy cầu cho thoát loạt I cái đã. Đâu, lấy cuốn Vạn vật ra đây. Bố con cùng học.

Ba tôi chọn những bài « có vẻ đáng ra » rồi đọc to từng chữ, đọc chậm rãi vừa giảng vừa lặp lại. Tôi lặp lại theo. Tối đó hai bố con thức thật khuya cùng học chung những phôi-tâm, noãn khổng, thai tào, dissaccarit, nhu-mô, chu-luân... Đã bảy năm nay rồi, ba tôi không còn học dùm cho tôi nữa. Ngày tôi còn ở lớp Nhất, lớp đệ Thất, đêm nào Ba cũng phải ngồi học chung với tôi ít nhất nửa giờ. Có Ba học thì mau nhớ. Có tình thương bàng bạc trong giọng nói, trong tia mắt nhìn, trong dáng ngồi che chở bảo vệ của Ba.

Thi xong loạt I và loạt II tôi thấy nhẹ người. Đằng nào thì sự việc cũng đã xảy qua rồi. Có hối-tiếc một chút là : nếu như cho mình bình tĩnh làm lại thì bài làm sẽ đúng hơn, hay hơn.

Hễ bố con có chút thì giờ rảnh là ngồi lại tính toán

— Bài luận đó, ba cho mặt lắm cũng 8 điểm trên 12. Cho điểm trên 12 lợi lắm. Giáo sư ở trường thường cho điểm trên 20 nên họ quen tay quen óc, cho theo thói quen. Tính sang điểm trên 12 thì thí sinh có lợi.

Tôi âm ừ, chưa tin lắm ở lý luận lạc-quan ấy. Ba nhìn sang, thấy vẻ hoài-nghi của tôi, liền hỏi :

— Thôi. Được rồi. Bài Luận cứ cho 6 điểm là ít nhất đi. Câu hỏi Giảng-văn con đúng, được 6 điểm nữa là 12. Lợi 2 điểm, nhân hệ-số 2 thành 4.

Thấy bộ dạng hăng hái dứt khoát của ông, làm như điểm số 12 là một sự có thật nên tôi cười.

— Sang đến Toán. Con nói có hi vọng được 10 điểm.

— Đâu có, — giọng tôi lừng khừng.

— Hôm qua con nói đó.

— Con hỏi lại bạn bè và thầy giáo, càng hỏi càng thấy con sai nhiều chỗ nữa.

Gương mặt Ba tôi dăm chiêu. Mấy vết nhăn ngăn cày sâu khoảng giữa hai đường chân mày.

— Thế bây giờ con đoán được mấy ?

— Chừng 6 điểm.

— Ít thế ?

— Nếu họ chấm cần-thận coi theo cái marche của bài Toán con làm thì có hy vọng được 9 điểm.

— Theo dõi cái marche thì ít giám khảo nào theo dõi lắm. Năm nào đề thi ra khó, thí sinh rớt nhiều thì họa may họ chấm cần thận đề cứu vớt. Bài thi năm nay theo dư luận chung thì có khó không ?

— Con nghe người ta nói là vừa phải.

— Con nghĩ rằng giám khảo có thể cho lên được 7 điểm.

— 7 điểm thì được.

— Nếu vậy thì tốt. Con sẽ thiếu 2 điểm. Nhân hệ số 4 thành 8.

— Thiếu đến 3 điểm chứ, Ba.

— Ba không nghĩ vậy. Chẳng lẽ Hội đồng không vớt sao ? Ít nhất cũng phải vớt 1 phần mười số điểm. Cần đủ 110 điểm mới được chấm loạt II, vớt 1 phần mười tức là còn 90 điểm. Thực ra thì đây chưa gọi hẳn là vớt được. Coi như cho thí sinh mượn 11 điểm để sang loạt II nếu họ đủ điểm thì bắt trả lại. Vớt là khi cộng điểm cuối cùng, ban cho họ dứt khoát một ân huệ.

Tôi hỏi :

— Như Hội-đồng vớt 1 phần 10 số điểm thì Ba tính xem con còn thiếu mấy?

— Lúc này mình tính Việt văn dư 4 điểm, Toán thiếu 8 điểm, thế là thiếu 4 điểm. Còn Lý Hóa con nói con hi vọng được 12.

— Có lẽ chỉ còn 9 thôi. Con làm lộn câu hỏi về bậc số oxyt hóa.

Ba tôi lại loay hoay vá víu. Điểm thi thật giống như một cái áo rách. Lấy mун vải này chụp lên lỗ thủng kia, kéo chẳng qua, nhũu hẹp lại, thật không thông thả thoải mái một chút nào cả.

— Bài Công dân giáo dục con thuộc, có thể bù qua bài Lý hóa được. Nhưng mà... (ông trầm ngâm giây lâu) điểm của bài Công dân giáo dục tùy thuộc ở trạng thái vui buồn của giám khảo nhiều lắm. Bài làm dài thườn thượt, chữ viết chi chít, đúng sai khó phân biệt rõ...

Đến đây, việc « kế-toán » bị treo lên bởi trạng thái vui buồn của giám khảo không có cách nào định rõ được. Ba tôi chột vổ tay vào trán :

— Quên !

Tôi trở mắt đợi ông tuyên bố món bảo bối cứu khò.

— Còn điểm lựt.

Tôi suýt cười to. Điểm lựt thì tôi đã nhớ từ hồi chưa thi. Đứa bạn này nói : Bộ cho thêm 5 điểm lựt. Đứa kia bảo : ít nhất cũng 10 điểm vì nạn lựt năm ngoái là một nạn lựt lịch sử, lớn nhất trong suốt 60 năm. Năm nay nghe trong kỳ thi Tú Tài II vừa rồi điểm lựt được tính là 1 phần 10 số điểm vớt.

— Con nghe rõ là 2 phần 10 điểm vớt ? Như vậy nếu vớt tối đa 11 điểm thì lựt sẽ được...

— 2 điểm rưỡi.

Ba tôi gật gật đầu :

— Cũng vừa. Thực ra thì tụi bay có bị lựt lợi gì đâu ? Trong khi ở nhiều tỉnh đồng bào chết cả xóm, trâu bò nhà cửa trôi mất tích thì tụi bay xăn quần lội nước đi chơi. Rồi lại cũng được thêm điểm lựt. Tnật tụi bay gặp may hết cỡ. Không đổ năm nay thật là uổng. Nghìn năm một thuở.

Tôi nói :

— Ba còn quên 2 điểm thể thao của con.

— À ! Nhưng lúc này con mới thấy là 1 điểm hay nửa điểm đều có khả năng cứu vớt người lựt trăm. Hồi kia ba khuyên con thi thể thao, con chê. Bây giờ có còn chê 2 điểm nữa không ?

Cố nhiên là không, tôi nghĩ. Nhưng đâu phải tôi chỉ thiếu có 2 điểm để hồng nhờ thành tích thể thao đó bù vào.

— Nhưng tao hỏi này, điểm thể thao và điểm lụt cộng vào kết quả cuối cùng chứ đâu vào kết quả loạt I ?

Tôi trả lời chậm rãi bởi vì tôi đã hỏi chắc :

— Họ cộng vào kết quả loạt I.

— Khó hiểu. Người ta bày ra chấm riêng loạt I là cốt để bắt người thí sinh phải giỏi, phải chuyên, phải xứng đáng về một ngành nhất định, hoặc là Toán, hoặc là Văn chương, hoặc là Khoa học. Tao chưa hiểu vì sao việc chạy nhảy, leo giây ném tạ lại có liên hệ với môn Toán của mày. Nhưng chả sao miễn là có lợi cho mày thoát qua loạt I.

Cứ như thế đêm nào ăn xong bố con tôi cũng ngồi bàn tính về điểm. Mỗi ngày số điểm dự tính mỗi gầy dần đi bởi tôi cứ mỗi ngày mỗi phát giác ra thêm những khiếm khuyết, những sai lầm trong bài thi của mình.

Một ông giám khảo quen cho ba tôi biết :

— Bộ có công điện bảo chấm với điểm giảng văn vì có câu hỏi thuộc chương trình ban C. Nhưng bài đã chấm rồi, điểm đã cộng rồi, chỉ còn có cách là vớt tối đa.

« Vớt tối đa ». Ba chữ này cứ hiện ra, sắp hàng ngay ngắn trong óc tôi như những khẩu hiệu « Ấp chiến lược là quốc sách » tôi gặp liên miên trước đây khi đi về nhà quê chơi.

Vừa thi xong hai ngày thì bắt đầu có tin đồn. Người này mách « Ban C vớt 6 điểm. Đỗ loạt I được 25%. Người kia than thở : « Ban B nhiều người bỏ cuộc. Vớt đến 8 điểm mà chỉ đỗ được 140/0 ». Tin đồn thì bao giờ cũng mâu thuẫn nhau. Tôi không tin mà vẫn muốn nghe. Những tin đồn chẳng chặt đan dày như mắc lưới và tôi là con cá nạn nhân vẫy trong đó. Nguyệt nó thi ban C nghe loạt I dư đến 25 điểm. Tôi cứ tự dẫn vớt mình : Giá hồi đó mình thi quách ban C như Nguyệt. Ba tôi vỗ về :

— Con gái có đồ trước một năm cũng không cần thiết như con trai bởi vì con trai thi đỗ thì được hoãn dịch để tiếp tục học. Con gái không có mới lo quân dịch.

Những luận lý đó không làm tôi an tâm hơn. Tôi chỉ muốn biết dứt khoát : Tôi có qua được loạt I không ?

Ba ngày sau, tin đồn có vẻ thống nhất hơn. Ban B được vớt tối đa. Điểm đã cộng, đã ghi vào phiếu điểm và Hội đồng đang chọn những phiếu có đủ 99 điểm.

Ba tôi xách xe ra đi. Nửa giờ sau, ông quay về. Tôi ngồi ở bàn nhìn thẳng

ra, nhướn mắt ra dấu hỏi. Ông bậm môi lặng lẽ đi vào. Đi ngang qua tôi, ông ném mạnh cái mũ xuống bàn, nói lớn :

— Đồ.

Thật hay dối ? Dối ? Chẳng có lý. Ai nỡ nói dối một kẻ thất bại ? Nếu đồ mà bảo hồng thì có thể được. Mặc dù nghĩ thế, tôi cũng không thể không hỏi :

— Ba không nói đùa ?

— Nói đùa sao được. Đây là sổ điểm.

Ông móc ở túi áo sơ mi một mảnh giấy nhỏ rồi đọc Việt văn 8 Toán 32 Lý-hóa 33 Công dân 26 Thể thao 2 Lụt 2 rưỡi. Dư điểm đồ.

Tôi không biết nên giữ một vẻ mặt như thế nào cho hợp lý, đành cười một cách vô duyên. Và nói một câu cũng vô duyên.

— Còn loạt II nữa.

Không kịp biểu lộ cái vui, vội vàng bầu vào cái lo, lúc nào cũng lo, cũng hoài nghi, cũng hồi hộp.

— Loạt II mà cũng còn sợ nữa ? Vậy mà dám bảo thi ban C thì đồ như không.

— Ở đời may rủi biết đâu. Lỡ bài của con bị mất. Phiếu điểm của con bị thất lạc. Thư ký cộng lộn...

Ba tôi nhún vai :

— Thật y như má mày ngày xưa. Đi nhà thương mồ về, cứ lo ngay ngáy là không biết ông bác sĩ có bỏ quên một cái kéo hay một cái kềm trong bụng không ? Rồi hỏi tao xem có lưu ý đếm đủ số kéo và số kềm ở trên khay mổ hay không.

Tôi tin ở hai bài Sinh-ngữ. Không thể dưới 14 điểm sur vingt. Tuy vậy, tôi vẫn cứ đòi hỏi có ba tôi ngồi hí hoáy tính toán đủ thiếu với tôi, tôi mới thấy yên lòng.

Qua ngày hôm sau thì tin đồ dứt khoát truyền lan tới tấp. Chị Trường đồ. Thắng Hắc đồ. Con Tùng đồ. Trinh, Thi, Lang, ba đứa đầy cửa nhà tôi ủa vào như một ngọn lốc :

— Mày đồ rồi. Mày đồ rồi.

— Thiệt hả ?

Thi chạy đến dăm thùm thục vào lưng tôi :

— Mày còn giả vờ hỏi nữa. Mày có đồ tao mới đánh. Hể tao sướng là tao ủa đánh lăm.

Bốn chúng tôi ngồi nói nhảm với nhau, cười to hơn mọi ngày và ăn đủ thứ quả. Tha hồ đau bụng. Có trúng thực nữa cũng được. Trong 4 ngày thi và 3 ngày trước đó, tôi ăn uống kiêng khem cẩn thận, chỉ sợ đau phải bỏ cuộc.

Tôi báo tin đổ cho Ba tôi nghe. Bữa ăn tối đặt trước mặt chúng tôi. Ba tôi nhận tin, không cười cũng không nói. Chắc lại có một tin xấu nào vừa đến với ông. Đêm qua ông thức khuya, Sáng nay thằng nhỏ ở mang bốn, năm tờ điện tín đi xuống Bưu-điện. Hồi trưa có điện-thoại của Việt-Nam Thương tín gọi. Hồi xế hăng vận-tải Nam Kiều cho tin : hàng hóa ở chành, chưa bốc xuống tàu được. Tôi tiếc sao đã báo tin vui vào một lúc ba tôi không lưu-ý đến tôi. Có lẽ ba tôi cũng chưa nghe rõ tôi vừa nói gì nữa. Ông lặng lẽ nhìn cốc bia sủi bọt đặt ngang cầm tay. Rồi thay vì đưa tay ra cầm cốc, ông chỗi hai cánh tay tựa lên mép bàn. Ông đằng hắng một tiếng nhỏ chậm rãi nói :

— Trong một ngày vui lớn như hôm nay mà thiếu mất má con, cái vui không còn trọn vẹn nữa. Đáng lẽ phải có má con hãnh-diện nhìn vào công-lao bú mớm săn sóc của mình nay có kết quả. Ba lẫn lộn với đời nhiều nên cái vui mất đi tính chất hồn-nhiên. Chắc chắn là má con mới là kẻ vui nhiều hơn hết khi nghe được tin con đỗ. Và chắc chắn là con cũng sẽ vui nhiều hơn nữa nếu có má con bên cạnh. Má con... má con chỉ nếm được cái cực nhọc của thân phận làm mẹ mà chưa nếm được niềm vui.. Từ nay trở đi, bao nhiêu thành công và bao nhiêu thất-bại trên đời chỉ có chúng ta lẻ loi chia xẻ cùng nhau.

Ba tôi ngừng nói, quay nhìn trầm ngâm ra sân. Có phải là ông đang theo dõi hình bóng của má tôi, mới ngày nào vẫn thường hay đi qua lại trước hiên, cái hình bóng dịu dàng mà sau 9 năm cách xa, mỗi lần hồi tưởng lại tôi thấy đã mờ đi những đường nét.

VÕ-HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN *Lá Bối* ĐÃ PHÁT HÀNH

vết hằn năm tháng

gồm 6 truyện ngắn đặc sắc của VÕ - HỒNG
260 trang, giá 45đ.

Sắp phát hành :

10 bài TÂM CA

tập nhạc tuyển của Phạm - Duy.



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

M. CHOLOKHOV

và văn chương hiện đại của Nga - Sô - Việt

o Chokhlov sinh năm 1905 trong một nông trại ở vùng sông Don, tức là con sông lớn ở miền Tây Nga-sô, chảy vào biển Azov, qua các thành phố lớn như Voronej và Rostov là những tên lịch-sử. Từ tuổi niên thiếu, ông đã hăng-hái dự vào cuộc Cách-mạng Sô-viết. Được nhà văn Sô viết đàn anh A.Sérafimovitch, tác-giả cuốn tiểu thuyết *Suối sắt*, hướng dẫn, Chokhlov bắt đầu được đề ý với tác-phẩm « *Chuyện sông Don* »... Xã hội nước Nga bị hoàn - toàn xáo trộn và cuộc Cách - mạng Sô-viết cũng đã xáo trộn cả nền văn-chương Nga. Các văn-sĩ của thế hệ trước, một phần bị giết chóc, có người tự tử, có kẻ đã trốn ra ngoại quốc. Một số văn sĩ khác hòa

mình với trào lưu cách mạng và văn hóa mới như thi sĩ A. Blok và A.Bielyi, trong khi cũng có nhà văn ở lại trong nước nhưng bỏ hết các hoạt-động văn-hóa và trước tác ... Sau đó, phái vị-lai Sô viết ra đời với Maiakovski, Bourliouk, Khlebnikov, Kamenski : nhóm này là nhóm tiên-phong thực sự của văn chương Sô-viết và đã được Lénine tín nhiệm. Boris Pasternak, nhà văn đã được giải thưởng Nobel năm 1958, tuy thuộc thế hệ trước) nhưng cũng chịu ảnh-hưởng của phái vị lai này.

Phong trào thơ cách-mạng thứ ba là phong trào Proletkult (Văn-hóa vô sản, với Bogdanov, rồi Gastiev, Guérassimov, Alexandrovski... thi sĩ nổi tiếng nhất

của nhóm này là *Demian Biédny*, nhưng đến 1930 danh-sĩ này đã bị thất sủng đối với Staline.

Về phương diện tân-văn, sau thời kỳ nội chiến chấm dứt các nhà văn quân-đội trở về đã gây nên phong-trào tân văn và các tiểu thuyết, truyện ngắn bắt đầu xuất bản. Lúc này giới văn-sĩ được một phần nào tự-do trước-tác và diễn tả tư-tưởng mình, miễn đừng chống đối chế độ Sô-viết.

Nhưng với sự lãnh-đạo của *A. Vorou-ski*, các nhà văn thiên hữu sẽ bị loại dần.. Nhóm « *Bạn đường* » (*Poputchiki*) chẳng bao lâu được Cộng đảng sủng ái với *Pilniak*, *Ivanov*, *Romanov* và nhất là *Alexis Tolstoi* và *Zamiatine* đã nổi tiếng từ trước.

Các tiểu-thuyết gia hồi này đã diễn-tả lại những cảnh oai-hùng cũng như những cảnh dã-man tàn-ác trong cuộc nội-chiến vừa xảy ra (*Sérafimovitch* đã nổi tiếng hơn hết với cuốn *Suối sắt*, và *Ivanov*, *Babel* v.v...). Các nhà văn khác viết về những cảnh sinh hoạt mới sau cuộc cách mạng Bôn-sơ-vích: Như hai nữ-sĩ *Seifoulina*, và *Kollontai*, nhà văn *Komanov*, *Zostchenkov*, các văn-sĩ vô-sản *Libédinaski* và nhất là *Gladkov* nổi danh với cuốn « *Xi-măng* ».

oOo

Nhưng nhóm « *Bạn đường* » rồi cũng bị loại do Cộng đảng nghi kỵ vì đã có những tư tưởng chống đối giai cấp lao động: các tư tưởng phản động và tiểu tư sản phải đào thải văn; chương xã hội, chính thức sẽ được khuyến khích và nâng đỡ.

Văn đoàn các « *Nhà văn vô-sản Liên-Nga* », được Đảng ủng hộ mạnh, chống đối với nhóm « *Bạn đường* ». *Cholokhov* thuộc về văn đoàn này với *Sérafimovitch*, *Padéiev*, *Gladkov*, *Panférov*, *Léonov*, *Kataev* v.v... Các văn sĩ này đã đề cao sức lao động và cơ-giới, nhưng các tác phẩm của những năm đầu phần nhiều không có giá trị, vì sự trước tác đã quá bị kiểm chế trong đường lối của đảng, chỉ trừ một số văn-phẩm của *Panférov*, *Léonov* và *Kataev*.

Sự chi-phối nặng nề và hẹp hòi của chánh-trị đã đưa ra một kết quả rõ rệt là sáng tác văn nghệ xuống dốc. Năm 1932, Đảng phải giải tán văn - đoàn « *Nhà văn vô sản Liên-nga* » để văn nghệ khỏi bế-tắc. Một phong-trào văn-chương và tư tưởng khác được nổi lên: phong-trào *Tân-nhân-văn* hoặc cũng gọi là phong-trào *Hiện thực xã hội*. Phong-trào này đã đề cao con người mới Cộng sản, vì các nhà lãnh-đạo Nga-sô bấy giờ cho rằng những thành-công của Sô-viết không phải do thời cuộc, do may rủi, mà tất cả đều do con người xây dựng nên. Con người biết thương yêu, biết đau khổ, mới biết chiến đấu. Tình cảm cá-nhân, được hòa mình với các sinh hoạt tập-thể. Phải tổng-hợp chánh-trị với nghệ-thuật, các nguồn cảm-hứng phải đi đôi với xã-hội.

Về nghệ-thuật các nhà văn đi lần về lối hiện thực: thi-sĩ *Makarenko* và tiểu-thuyết-gia *Ostrovski* đã thành công trước nhất trong sự phối hợp tư tưởng tân-nhân-văn và xã hội với nghệ thuật

hiện thực : « *Thép đã tôi* » của *Ostrovski* là một tác-phẩm giá-trị của văn-chương Xô-viết. (1)

o Do

Nhưng sự thành công lớn nhất trong phong-trào *Hiện thực xã hội* là tác-phẩm « *Sông Don yên tĩnh* » của *Cholokhov*.

Những vấn đề của cá nhân trong đời sống tập-thể (trong công trường, các cơ xưởng, các nông-trường...) là bố cục của tiểu-thuyết. Nhưng nếu cá nhân vẫn còn quan hệ trong văn-phẩm của *Gladkov* (truyện một đôi vợ chồng trong nội chiến, rồi trong sự tái-thiết xứ sở sau chiến-tranh) của *Semenov* (truyện một phụ-nữ mới, một nữ cán-bộ điều-khiển một cơ-xưởng) v.v., thì ở *Cholokhov* vấn đề chính là những sinh-hoạt tập-thể, còn tâm-tình của cá-nhân, truyện riêng của cá nhân chỉ là cái có để bố trí, để tô điểm cho bức tranh tập-thể, bức tranh diễn-tả cái xã hội mới của Xô-viết : sinh hoạt của các nông trường tập thể (*Kolkhozes*), của các cơ-xưởng v.v.; con người cá nhân ở đây chỉ là thành phần của một tổ hợp rộng lớn và chỉ dùng để chứng minh, để làm nổi bật định luật biện chứng của sự phát triển kinh tế. (2)

« *Sông Don yên tĩnh* » là bức tranh xô-viết rộng lớn và điều hòa, đồng nhất, trong ấy phương diện bố cục và phương diện kỹ thuật tiểu thuyết được kết hợp và dung hòa đến một trình độ nghệ thuật cao siêu : văn chương của *Cholo-*

khov vẫn đẹp dễ với lời văn giản-dị và bình dân, thông tục « *Sông Don yên tĩnh* » (người Pháp dịch là *Le Don paisible*) miêu tả đời sống tập thể của dân quê miền Nam nước Nga, bên bờ sông Don, đời sống chung đụng hằng ngày của tổ-hợp nông dân với những chuyện cãi vã tranh luận trong thôn ấp, những cuộc đấu khẩu gây gổ trong gia đình, những nét đẹp cũng như những lỗi lầm và thô bạo trong tình yêu. Lối tả trung-trực, bình dị, trực tiếp ít khi được tô điểm văn hoa làm xa sự thực quê mùa và chất-phác, ở đồng ruộng, thôn xóm. Trong sự đụng chạm, xúc tiếp, hòa hiệp của những cá nhân với thân phận riêng biệt của mỗi người, lần lần biểu lộ đời sống của tập thể, đời sống lịch sử của quần chúng thôn quê vùng sông Don qua thế chiến 1914 – 1918, cách mạng Bôn-sơ-vích 1917, cuộc xây-dựng tiểu-bang Cộng hòa vùng sông Don, qua cuộc chiến đấu với các phần tử « phản cách mạng, phản động » (nội-chiến 1918 – 20) để đi đến xây dựng trật tự mới của Xô-viết. Mỗi cá nhân là phản-ảnh của lịch-sử, mỗi cá nhân phản-chiếu những vấn-đề nóng cháy của thời-cuộc : « *Mélékhov* kiệt sức vì những mối mệt dằn dấp trong thời chiến tranh. Anh ta muốn rời bỏ cuộc đời sôi nổi vì căm hờn, cuộc đời thù nghịch khó hiểu. Sau anh, tất cả đều rối-beng, mâu-thuẫn. Làm sao tìm ra đúng đường để đi ? Chân anh lún bước trên đám bùn lầy dưới đồng cánh lá lật đường ; con đường mòn rẽ hai ra, biết đi về hướng nào đây ? Bọn Bôn-sơ-vích lôi cuốn anh ta, anh bước theo họ, anh lôi cuốn người khác dẫn bước sau lưng

(1) Xem « *La littérature russe soviétique* » của Goriély

(2) Valentin Kataiev.

anh, rồi sự ngờ vực lại tràn ngập lòng anh, tìm anh nguội lạnh...» (Do Albérès trích trong tác phẩm «Sông Don...»).

Bức tranh hiện-thực của một xã-hội đang biến chuyển mạnh qua bao nhiêu xương máu và mồ-hôi nước mắt đã được miêu-tả với nghệ-thuật siêu đẳng tuy là giản-dị. Tác giả đã cố gắng nhiều để giữ một thái độ khách quan, nhưng lòng trắc ẩn đối với những nạn nhân của thời-cuộc đã được biểu lộ và những vụ thanh trừng, tập sản hóa đầy máu của Staline đã được chỉ trích một cách kín đáo và khéo léo. Tác phẩm của Cholokhov đã làm nhiều người nghĩ đến «Chiến tranh và Hòa bình» của văn hào Tolstoi và cũng chứa đựng nhiều nhân vật, nhiều tâm-lý phức-tạp, đau khổ và nhiều tình thương như giai-phẩm của Tolstoi.

oOo

«Sông Don yên-tĩnh» đã được ra đời lần lượt từ 1928 (cuốn I ; 1929 : cuốn II; 1933 : III) đến 1940 (cuốn IV và chót). Năm 1939, Cholokhov đã được giải thưởng Staline về cuốn III của bộ tiểu-thuyết tràng-thiên đó, và tác-phẩm này đã được dịch ra 40 thứ tiếng.

Ngoài ra, Cholokhov cũng đã viết cuốn «Đất khàn-hoang» (1933) đề tả những cảnh tập-sản-hóa ở các nông-trường, và từ 1940 đã cho ra lần tác phẩm «Chúng đã chiến-dấu vì Tổ-quốc», nhưng tiểu-thuyết này vẫn còn dở-dang như cuốn «Đất khàn-hoang» mà chỉ vài đoạn của các cuốn tiếp được đăng tải trong năm 1956.

Cuốn «Đất khàn hoang» này cũng là một văn phẩm nổi tiếng và chứa đựng nhiều đoạn cười ra nước mắt về những cảnh gây ra bởi chính sách tập-sản-hóa :

... «Mấy người đàn bà khịt mũi, cố nín khóc và đưa chéo khăn lên khoe mắt... Bà già Lapchinov nhảy ra khỏi nhà bếp, một tay xách cái giỏ đựng trứng ngỗng, một tay ôm con ngỗng. Con ngỗng chói mắt vì tuyết và mặt trời, cố ráng chịu. Outchakov giật lại cái giỏ không khó khăn gì; bà già nắm con ngỗng cả hai tay.

— Đừng mó tay mày vào đây thẳng đều, đừng mó tay mày vào.

— Con ngỗng bây giờ là của nông trường tập-thể ! Ouchakov vừa hét vừa tóm cổ con vật.

— Trả lại đây, thẳng lác mắt !

— Bà không giữ nó được đâu !

— Tao bảo mày buông tay ra !

— Con ngỗng thuộc về nông trường!...

Bà già, tóc tai rũ rượi, môi sủi bọt, chân chống bám vào thềm cửa, hơi thở hồng hộc, nấc cụt, lôi kéo con vật về mình.

«Con ngỗng bắt đầu kêu lên một giọng rên rĩ, rồi nín mất, Ouchakov đã làm nó hết thở, nhưng nó vẫn đập cánh dữ dội Ouchakov sắp thẳng đến nơi và sắp giật được con vật sắp chết ra khỏi bàn tay xương xẩu của bà già Lapchinov, bỗng cái cổ mảnh mai của con ngỗng đứt hai với một tiếng «cắc» nhỏ. Bà già, váy lật lên trên mũi, té ngửa và nhào ầm-ầm trên bậc cầu thang. Ouchakov, chỉ còn cái đầu ngỗng trên tay, kêu «à !» một tiếng ngạc nhiên, rồi té ngồi lên cái giỏ sau lưng anh ta, đè bẹp nát đồng trứng»

oOo

Năm nay, văn-hào Cholokhov đã 60 tuổi, ông được xem như nhà văn hiện-đại ưu-tú nhất của Nga xô-viết và đã nổi tiếng khắp hoàn cầu. Hàn-lâm-Viện Thụy-Điền đem tặng ông giải thưởng Nobel năm nay quả rất xứng-đáng.

ĐÀO ĐĂNG VỸ

NOBEL KHOA HỌC 1965

VÕ - QUANG - YẾN

Giải Vật-lý-học

: Giáo sư Richard P. Feynman (Mỹ)

Giáo sư Julius Schwinger (Mỹ)

Giáo sư Sin-Itiro Tomonaga (Nhật)

Giải Vật-hóa-học

: Giáo sư Robert B. Woodward (Mỹ)

Giải Sinh lý và Y-học

: Giáo sư André Lwoff (Pháp)

Giáo sư Jacques Monod (Pháp)

Giáo sư Francois Jacob (Pháp)



— Richard P. FEYNMAN



Julius SCHWINGER



Sin-Itiro TOMONAGA

R.P. Feynman sinh năm 1918 tại New-York, tốt nghiệp tại Viện kỹ thuật Massachusetts, đỗ tiến sĩ năm 1952 ở Viện đại học Princeton. Làm việc tại phòng thí nghiệm phân tử Los Alamos, ông còn là giáo sư vật lý học ở Viện đại học Cornell tại Ithaca. Chính ở đây ông bắt đầu khảo cứu về điện động học lượng tử. Năm 1961, Ông được đổi qua Viện kỹ thuật Californie ở Pasadena. Ngày nay, ông là một trong những lý thuyết

gia nổi tiếng nhất về cấu tạo nguyên tử và những vi thể sơ đẳng.

J. Schwinger cũng sinh năm 1918 tại New-York, nhưng tốt nghiệp tại Viện đại học Columbia. Ông đỗ tiến sĩ ở đây năm 1939. Ông bắt đầu làm việc ở Viện đại học Purdue ở Lafayette và năm 1945 đổi qua Viện đại học Harvard.

Giáo sư Sin-Itiro Tomonaga sinh năm 1906. Từ lâu, ông điều khiển mộ

nhóm chuyên về khảo cứu lý thuyết tại Viện đại học Tokyo.

Giáo sư R. B. Woodward sinh năm 1917 tại Boston, tổng học tại đây và được bổ làm giáo sư hóa học tại Viện tại học Harvard cũng ở Boston.

Ba nhà bác học Pháp A. Lwoff, J Monod và F. Jacob⁽¹⁾ đều là y khoa bác sĩ, tấn sĩ khoa học (vạn vật học) và giáo sư đại học. Hai giáo sư Lwoff và Monod đều có đi tu nghiệp bên California Institute of Technology. Giáo sư Jacob thì chỉ có học hỏi ở Viện Pasteur ở Paris. Lwoff được bổ làm giáo sư vi trùng học ở Sorbonne năm 55 tuổi (1959). Cũng năm ấy, Viện đại học khoa học Paris mời Monod lại dạy. Còn Jacob thì đến năm 1964 mới được bổ làm giáo sư di tinh-học tế-bào tại Collège de France.

Trong số bảy nhà bác học chia nhau các giải Nobel khoa học năm nay, người ta dễ ý thấy ngoài nhà vật lý học đất Phù-tang Tomonaga, sáu người còn lại chỉ thuộc về hai nước Mỹ và Pháp : Feynman, Schwinger và Woodward một đảng, Lwoff, Monod và Jacob một đảng. Riêng Viện đại học Harvard đã hân hạnh được lãnh luôn hai giải vật lý và vật hóa học. Nhưng còn được đáng chú ý hơn là cả ba bác sĩ chia nhau giải sinh lý và y học đều làm việc chung tại Viện Pasteur ở Paris. Một bầu không khí thân mật khác thường đã được thực hiện trong phòng

thí nghiệm của các ông và kết quả thật đã là lớn lao.

Hãy nghe giáo sư Jacob diễn tả mối liên quan giữa ông và các bạn đồng nghiệp : "... Tôi bước vào ngành khảo cứu khá trễ nhưng tôi lại may mắn được giáo sư Lwoff nhận vào làm tại phòng thí nghiệm vi sinh lý học của ông tại viện Pasteur. Chính ở đây hai giáo sư Lwoff và Monod đã cùng nhau kiếm cách phát triển một vài cục diện của ngành sinh vật học mà hai ông đã góp phần sáng lập ra. Trong số nhỏ các khảo cứu viên mà các ông điều khiển, các ông đã biết cho phát sinh một bầu không khí lẫn lộn vừa lòng nhiệt huyết, tình bằng hữu, vừa tỉnh minh mẫn, chủ nghĩa phi quốc giáo. Thật vậy, phòng thí nghiệm của các ông thật là chật hẹp. Các ông làm việc trong một căn phòng sát mái, luôn luôn đông người đi lại giữa những lò nóng, máy lạnh, máy ly tâm... Nhưng nhiệt tâm đã cổ vũ căn phòng. Trong nhà, ngoài hiên, những thí nghiệm những giả thuyết luôn luôn được bàn cãi ; dẫu đâu lúc nào cũng có lỗ tai nghe và mỗi người luôn có dịp cho cọ xát trí óc mình với trí óc kẻ khác... Những năm mà tôi ở học ở đây là những năm phong phú, đầy đủ nhất của đời tôi. "

Thật là một bài học lớn cho tất cả các khảo cứu viên nói chung, cho những khảo cứu viên các nước nghèo khổ chúng ta, nói riêng.

Hệ - thống điều hòa trong tế bào

Công trạng của ba nhà bác học Pháp

1) Hình đã đăng trên BK. T.Đ. số 212 (ngày 1-11-65) trang 87.

là đã thành công tìm được nhiều manh mối đưa đến cuộc thiết lập cơ chế cách tổng hợp các chất protein trong tế bào sống. Cuộc khám phá của các ông là một trong những khám phá căn bản quan trọng nhất trong những năm gần đây.

Để hiểu rõ tính cách quan trọng của vấn đề này, ta cần phải biết protein là then chốt của những cuộc phát dục, phân chia tế bào, tái tạo tế bào, nảy nở phôi thai,... Trong nhóm protein còn có những giếu tố (enzymne) là những chất xúc tác hữu cơ cần thiết trong mọi phản ứng sinh vật học của cơ thể, dù là những phản ứng tổng hợp hay là những phản ứng cắt giảm.

Về mặt cấu tạo hóa học, protein gồm có những phân tử rất nhỏ gọi là những axit-amin. Những axit-amin này dính lại với nhau thành những phân tử lớn polypeptit, rồi đến lượt những phân tử này hợp lại với nhau để làm thành những phân tử protein khổng lồ. Những phân tử protein khác nhau tùy số lượng và cách sắp đặt những axit-amin trong phân tử. Thêm bớt một axit-amin có thể làm thay đổi hẳn tính chất của một protein. Trong cuộc tổng hợp huyết cầu tố chẳng hạn, thay đổi axit-amin có thể xác định những chứng bệnh di truyền có khi rất nguy hại.

Cơ thể tổng hợp protein từ những axit-amin đã đặt cho những nhà sinh vật học những bài tính khó giải nhất. May nhờ những cuộc khảo cứu tài tình, chỉ trong vòng mười năm người ta đã thấy được rõ ràng. Chính ở trong lãnh vực này mà ba giáo sư Lwoff, Monod và Jacob đã đạt được những thành tích căn bản quan trọng.

Từ lâu người ta biết tế bào sinh vật

gồm có một cái nhân, xung quanh bao bọc một lớp bào chất. Trong nhân có nhiễm sắc thể (chromosome), gọi vậy là vì phải đem nhuộm mới thấy được. Thuyết di truyền theo nhiễm sắc thể cho các thể này chứa đựng hạt di truyền (gène) điều khiển toàn cuộc truyền thống. Những nhà sinh vật học cũng đã tìm được cấu tạo những nhiễm sắc thể ấy là những axit nucleit chia ra làm hai loại : AĐN (axit desoxiribonucleit) và ARN (axit ribonucleit). Cấu tạo hóa học tương tự nhau, hai axit này chỉ khác nhau ở những thành phần nhỏ gọi là bazo. Nhưng người ta lại chú ý thấy AĐN thì chỉ nằm trong nhân tế bào, còn ARN thì lại chỉ di chuyển trong một bộ phận của bào chất là ribosom. Vậy thì làm sao bảo ARN nhận lệnh của AĐN để chế tạo ra những protein được ?

Câu hỏi này đã được ba nhà bác học Viện Pasteur trả lời. Các ông khám phá ra được một loại ARN phát sinh từ trong nhân tế bào, chạy ra bào chất đến ribosom. Chính nó đã chuyển-đạt thông-diệp di-truyền từ AĐN đến những ARN. Người ta gọi là những « ARN liên lạc ». Loại ARN này chỉ hiện ra trong khoảng vài phút nên rất khó tìm ra được. Khi bắt gặp được rồi, các ông liền khảo cứu động tác của chúng. Cuộc khám phá này đã giúp người ta giải quyết được nhiều vấn đề sinh vật và sinh hóa học.

Tế bào có thể ví như một nhà máy mà giếu tố là những guồng máy. Nếu máy chạy suốt ngày đêm, hàng hóa chế ra quá nhiều, không tiêu thụ hết, bán không chạy, tất nhiên nhà máy phải giảm hạ số hàng sản xuất. Trong tế bào cũng

vậy, khi protein liệu vượt quá mức cần dùng thì tế bào dừng chậm sản xuất. Chính Monod và Jacob đã khám phá ra cơ chế cuộc điều hòa này. Theo hai ông khi phân số một protein nào trong tế bào lên quá cao, tức khắc một hạt di truyền tiết chế (gène régulateur) được khởi phát để truyền lệnh cho tế bào tổng hợp một phân tử cấm chế (répresseur) có nhiệm vụ ngăn cản cuộc chế tạo các giểu tổ cần thiết cho cuộc sản xuất protein ấy. Phân tử cấm chế này có thể ví như cái ngắt điện có phận sự cho điện chạy qua hay ngắt đi. Trái lại, khi phân số một protein sụt xuống thì một hệ thống cảm điện lại làm giảm hạ hoạt động của phân tử cấm chế và các hạt di truyền cấu tạo (gène structural) lại ra lệnh cho những ribosom tiếp tục chế tạo giểu tổ. Như vậy, cơ chế tự động này đã điều hòa cuộc sản xuất các giểu tổ cần cho đời sống của tế bào.

Giải Nobel sinh lý và y học năm nay tặng cho ba bác sĩ Lwoff, Monod và Jacob không những làm vinh dự cho Viện Pasteur Structural mà còn đánh dấu một cuộc biến chuyển trong cuộc khảo cứu sinh lý và y khoa ở Pháp.

Tổng-hợp quang-học trong cây cỏ.

Nếu đời sống tế bào là căn bản của đời sống động vật, loài thảo mộc muốn tồn tại cần phải luôn luôn chế tạo những phân tử hữu cơ phức tạp cần yếu nhờ một chất sắc xanh biếc nằm trong lá, cành gọi là lục-diệp-tổ (chlorophylle).

Ánh sáng từ mặt trời lại một phần được mặt đất thu hút biến thành nhiệt

lượng một phần được biển hồ tiếp nhận để cho nước bốc hơi lên thành mây. Còn lại một phần rất nhỏ chiếu qua cây, lá để thiết lập một phản ứng, vô cùng quan trọng cho đời sống cây cỏ, và do đấy cho tất cả các loài động vật: phản ứng tổng hợp quang học,

Cuối thế kỷ 18, Priesley đã chứng minh một cây xanh đặt dưới ánh nắng chỉ cho phát xuất dưỡng khí. Sau đấy Senebier, Ingenhousz,.. bổ khuyết thêm sự phát xuất dưỡng khí còn có kèm theo sự hấp thụ thán khí. Thán khí này từ khí quyển hay những khí tan hòa trong nước mà lại. Cuộc hấp thụ thán khí có mục đích là tổng hợp những chất đường, tinh bột, xelulot,.. những thức ăn cần thiết của cây cối.

Trong lúc chế tạo hóa chất, cây xanh vẫn tiếp tục thở. Cuộc trao đổi khí giữa cây xanh và khí quyển là kết cấu của hai chức vụ: sự hô hấp và sự đồng hóa lục điệp tổ (assimilation chlorophyllienne) Gọi như vậy là vì nếu cây khô héo không có lục điệp tổ thì phản ứng sẽ không diễn ra. Phận sự của lục điệp tổ trong cây cỏ là tiếp nhận những tia nắng mặt trời để rồi đem biến hóa và tiêu dùng năng lượng ấy. Người ta dễ ý thấy ban đêm, không có ánh sáng mặt trời, thì sự đồng hóa lục điệp tổ ngưng lại. Đương khác, những loại nấm không có lục điệp tổ thì không tự chế tạo ra được thức ăn: chúng chỉ biết sống nhờ và trên những cây khác. Tuy nhiên, cơ chế cuộc đồng hóa lục điệp tổ rất phức tạp và ngày nay người ta cũng chưa biết

được rõ ràng ngoài những giả thuyết còn cần phải được thực nghiệm chứng thực.

Lục diệp tố thường có trên tất cả những bộ phận thảo mộc nằm ngoài trời, lẫn lộn với những chất sắc khác như xanthophyl, caroten,... Tuy có nhiều cây cối như thông, dương xỉ vẫn xanh khi không có mặt trời, thường lục diệp tố chỉ được chế tạo dưới ánh nắng. Như vậy một cây sống trong đám tối có thể trắng tinh, Ngoài ra, muốn lục diệp tố được tổng hợp, trong đất cũng còn phải có nhiều hóa chất như sắt, magni, nitrat,...

Gần đây, người ta thường dùng lục diệp tố làm dầu thơm cho vào nhiều vật liệu nội trợ. Về mặt dược học, lục diệp tố có tính chất làm da non mọng và chống chứng thiếu máu. Người ta đã thử trích lục diệp tố từ lá cây ra : cứ 1000g lá thì đạt được 3 hay 4g. Vì vậy, kiếm cách nhân tạo tổng hợp được lục diệp tố là một chuyện hay. Nhưng khó ở chỗ lục diệp tố là một phân tử phức tạp gồm có những 55 nguyên tố cacbi, 70-72 nguyên tố hytri, 5-6 nguyên tố oxi, 4 nguyên tố nitri sắp đặt cân đối quanh một nguyên tố magni. Người ta để ý thấy lục diệp tố tương tự phân tử huyết cầu tố (hémoglobine), chỉ khác là ở giữa nguyên tố feri (sắt) thay thế nguyên tố magni.

Công trạng của Woodward là tổng hợp được phân tử lục diệp tố năm 1961. Ngoài ra giáo sư còn học hỏi và chế tạo ra được nhiều hóa chất khác cũng không kém phần quan trọng là quinin (từ năm 1944), cotison, colessterol, sitritnin.

Ngày nay, chẳng mấy ai mà không

nghe nói đến quinin. Được trích từ cây quinquina ra từ năm 1920 (Pelletier, Caventou), trong hơn một thế kỷ, quinin đã là chất thuốc độc nhất trị bệnh sốt rét. Nhưng quinin chỉ triệt hạ được có một loại vi trùng shizonte nên chỉ dùng được khi bệnh lên cơn mà không có tính chất phòng ngừa. Ngày nay, người ta còn dùng quinin chống lên sốt, trị bệnh dạ dày, làm cho dễ mau,...

Cotison là một kích thích tố (hormone) tìm ra được trong tuyến thận năm 1929, có tính chất chống viêm. Người ta dùng cotison trong cuộc trị liệu bệnh sưng khớp xương, kinh niên, chống phong thấp khớp xương, chống chứng thống phong,... và trị nhiều bệnh trong máu.

Colesterol là một chất rượu chỉ có trong động vật. Cholesterol có trong dầu hỏa phải chăng đã bênh vực cho thuyết dầu hỏa từ động vật mà lại ? Được trích từ năm 1769 (Poulletier de la Salle), cholesterol đã là khởi điểm cuộc tổng hợp nhiều loại vitamin và kích thích tố. Cho thêm vào thuốc bóp, cholesterol có thể làm cho thuốc thu hấp được nước và do đấy thuốc dễ vào được trong da.

Sitritnin, do Pelletier và Caventou tìm ra được năm 1818, là một chất alcaloit dùng làm thuốc bắt uồn ván (tetranisant) trong nhiều chứng bại liệt, chứng suy nhược của ống tiêu hóa và những hiện tượng do đấy mà ra.

Thưởng giải vật hóa học cho Woodward, Viện Hàn lâm Thụy điển đã quyết định dành một chỗ quan trọng cho giáo sư trong ngành tổng hợp hữu cơ. Tờ



Robert B. WOODWARD

thông cáo đã khen giáo sư biết chỉ huy kế hoạch giỏi, biết nhận xét tỉ mỉ từng chi tiết, luôn biết dùng những phương tiện lý hóa cận đại hay ho nhất để kiểm tra cũng như để phân tích những thí nghiệm. Đây là những điều kiện cần yếu cho mọi nhà khảo cứu khoa học.

Vi-thể quang-tử trong ánh sáng

Dưới ánh nắng mặt trời, trong khi động vật đặt biết bao câu hỏi về tế bào, hạt di truyền, phân tử cấm chế,... cho các nhà sinh vật học, loại thảo mộc thực hiện một cơ chế khó hiểu về sự đồng hóa lục diệp tố, thì chính ngay ánh sáng cũng đã làm bận óc không ít các nhà vật lý học.

Ánh sáng là gì? Trong suốt thế kỷ trước, các nhà bác học đã từng tự hỏi ánh sáng phải chăng là thuộc loại vi thể (corpusculaire) hay ở thể ba động (ondulatoire). Ánh sáng theo bản chất là một hình thức năng lượng bức xạ nhờ thị giác mà ta cảm được. Theo thuyết phát xạ (émission) thì những vật thể nóng cho phát xuất ra từ phía những vi thể

chuyển động với một tốc độ vô cùng lớn. Thuyết ba động trái lại cho là những luồng sóng phát ra từ một vật lỏng rung động, truyền vào các khối như âm thanh truyền vào không khí. Cuối thế kỷ 19, Maxwell, và sau này de Broglie (1924), Heisenberg (1925), Schrödinger (1926), Dirac (1928), thiết lập thực chất của ánh sáng là một bức xạ từ điện học. Như trong quang tuyến X, những tia tử ngoại, hồng ngoại hay heo xiên, trong ánh sáng thật có những vi thể chịu ảnh hưởng của một từ điện trường. Vi thể này được gọi là photon (quang tử) theo tên của Lewis (1926) đã đưa ra vi tương đồng với electron (điện tử).

Trong mọi năng lượng bức xạ, những luồng sóng từ điện học truyền ra chịu ảnh hưởng vừa một điện trường, vừa một từ trường, luôn luôn thẳng đứng với nhau và thẳng đứng đối với hướng bức xạ. Hai điện và từ trường này thay đổi theo một định luật hình sin (sinusoidal) mà tần số ν là đặc tính của mỗi một năng lượng bức xạ. Nhưng trên những luồng sóng năng lượng như tường không được trang trải điều hòa, mà tụ tập từng đám một. Từ năm 1905, để giải nghĩa hiệu ứng quang điện học, Einstein đã giả thiết những lượng tử (quanta) năng lượng ánh sáng như những viên đạn có thể đập vào nguyên tử. Giả thiết của ông sau này được hiệu ứng Compton (1923) chứng thực. Compton tìm ra được luồng sóng của những quang tuyến X được tăng lên nếu do những nguyên tử nhẹ phát ra. Muốn giải nghĩa hiện tượng này thì phải chịu nhận thuyết vi thể của ánh sáng. Vậy thì photon ha,

hạt ánh sáng là một vi thể mang trên mình một năng lượng xác định và di chuyển với tốc độ 300 000 cây số mỗi giây đồng hồ.

Để hòa hợp hai thuyết phát xạ photon và ba động, rất cần đề giải thích nhiều hiện tượng quang học, nhà bác học de Broglie đã đặt ra môn cơ học ba động : theo những nguyên lý của môn này, những luồng sóng và những vi thể đều là những hình trạng bổ khuyết của cùng một thực thể. Giả thuyết lúc ban đầu chỉ áp dụng vào ánh sáng, dần dần được chuyển qua thích ứng vào toàn vật chất.

Nhưng tương tác giữa từ điện trường và photon từ lâu vẫn chưa thấy rõ. Những năm trước cuộc đệ nhị thế chiến, người ta đã dựa vào môn điện động học lượng tử để thử tìm hiểu. Nhưng chính ngay trong thời kỳ chiến tranh mà nhà vật lý học Nhật bản Tomonaga đề nghị một phương pháp để đặt lý thuyết cho cuộc tương tác ấy. Sau này, hai vật lý gia Hoa Kỳ Feynman và Schwinger tiếp sức đề hoãn hảo cuộc tính. Qua năm 1950, người ta hoàn thành lý thuyết tương tác giữa từ điện trường và hạt photon.

Thực nghiệm sau đây lại chứng thực rõ ràng lý thuyết : theo đúng như đã tính, từ điện trường thật đã làm thay đổi điện và khối lượng vi thể. Viện Hàn lâm Thụy điển khi tặng giải Nobel vật lý học năm nay, đã nhấn mạnh lý thuyết Tomonaga-Feynman-Schwinger sẽ có kết cấu quan trọng trong ngành vật lý những vi thể sơ đẳng. Như vậy nghĩa là rồi đây những tương tác khác sẽ được học hỏi, đưa ra ánh sáng, đặc biệt tương tác giữa nhân tử trường và những vi thể trong nguyên tử, căn bản năng lượng của ngày mai.

VÕ-QUANG-YẾN

SÁCH BẢO MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

Vết hằn năm tháng tập truyện ngắn của Võ Hồng, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang gồm 6 truyện đặc sắc của Võ Hồng. Bản đặc-biệt không đề giá.

★ **Tạp bút (II)** của Võ-Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 90 trang, bản đặc biệt. Giá 34đ.

★ **Đại-Nam Nhất-Thống-Chí** quyển 14-15 (Tĩnh-Nghệ-An) tập Thượng — tập Hạ, thuộc Văn-Hóa tùng-thư số 25. Soạn-giả : Cao-Xuân-Dục, Lưu-Đức-Xứng, Trần Xán ; dịch-giả : Đặng-Chu-Kinh, do Nha Văn-Hóa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 167 trang, có phần phụ-lục bằng chữ Hán, giá 38đ.

★ **Các vấn đề trọng đại của con người** của Krishnamurti (Entretien avec Krishnamurti); bản dịch của Nguyễn-minh-Tâm và Đào-Hữu Nghĩa do dịch-giả gửi tặng. Sách dày 43 trang, có phần chữ Pháp đối chiếu, giá 20đ.

★ **Ý niệm Bạc-mệnh trong đời Thúy-Kiều** của Đàm-Quang Thiệu do Nam-Chi Tùng-thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang, tác giả đã đứng về phương diện tâm-lý mà phê bình truyện Kiêu cho rằng Mặc-cảm Bạc-mệnh đã chi phối đời thiếu niên và thanh niên của Thúy Kiêu — Giá 60đ.

khói sương

Gặp nhau trong một buổi
Nhớ nhau trong một tuần
Em như ngày nắng vội
Đem vui chiều tàn xuân

Tôi loài chim hải - đảo
Lời ca quen giọng sầu
Quê hương vàng dã thảo
Biết còn gì cho nhau

Tiếng em cười thủy-tinh
Xanh như miền tuổi đại
Tôi vẫn nghe một mình
Vòng tay xa rộng mãi

Vòng tay xa rộng mãi
Tháng năm đầy sương mù
Em một lần vụng dại
Ghé thăm vùng cuối thu

Mây nào bay cuối ngõ
Chim nào rơi giọt chiều
Nụ hôn nào mở ngõ
Cho nhau vào thương yêu

Yêu nhau từ một buổi
Quên nhau sau một tuần
Giấc hồ - ly mỗi tối
Chết khó thành cỏ xuân

Em xa rồi mãi mãi
Một mình tôi một mình
Bây giờ buồn ở lại
Khói sương nào vây quanh.

THANH - THUYỀN

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LÂY

PHẦN THỨ HAI

— Tại sao lại làm như vậy ?

— Làm gì ? Em đâu làm gì ?

— Chị Thuận...

Bàn tay Diệp lạnh se, không còn của đau ốm, cái giá ngắt của khí trời trên độ cao bao tầm. Con đường dài hút vắng, một bên thấp ngang là bãi cỏ không, một bên là dốc đồi với những cây thông xum xuê che kín màu trời. Trên cao lẫn giữa các gốc thông, có lẽ có một con đường nhưng không thấy bóng người và xe. Trên sườn dốc một con bò thả giữa các gốc cây. Trước mặt cũng như sau lưng im lặng trải dài trong trong tiếng gió chạy qua các trang thông. Xa hơn nữa ở khoảng cao hơn đã từ đó đi xuống, tiếng máy xe lòi nỏ inh trong một bầu không khí như rỗng.

— Con đường này đi tới đâu ?

— Cũng không biết. Cứ đi rồi biết.

— Lạc đường về à. Coi chừng.

— Lạc. Em sợ lạc? Tới giờ em lại sợ lạc. Kỳ cục. .

Tôi cười riêu thành tiếng. Lạc? Thành phố này là thành phố lạ chúng tôi chưa hề đặt chân tới trong tưởng tượng của tôi cũng chưa hề một lần xuất hiện. Vậy mà chúng tôi đã lên. Ở nơi này tôi hoàn toàn là khỏi cảnh vật thân quen, ở nơi này mỗi bước chúng tôi lạc trong cảnh lạ và trong tình yêu của chúng tôi.

— Em biết mà em không cản. Như thế ..

— Chị ấy muốn chết, em làm sao cản được

— Em không cản, em còn...

— Lỗi tại anh Hiệp. Trước sao chị ấy cũng bần như vậy..

— Nhưng có em ở đó. Em làm gì?

— Em làm gì? Em làm gì, anh dư biết. Đừng giả bộ...

Diệp hung dữ, vùng vằng vật cánh tay tôi. Đừng giả bộ. Bên đường hai người thương đeo sau lưng hai bó củi miệng ngậm điếu, cầm cúi đi ngược chiều.

— Ừ, em đã mua thuốc về cho chị ấy. Em rót nước, em khóa cửa. Và em có dặn chị ấy đừng làm bậy. Anh đã biết mà, anh còn giả bộ ngu ngơ hoài. . Em làm như vậy đó. Rồi anh tới ngồi gác đó suốt đêm nghe chị ấy chết. Chính anh ngồi chờ cho chị ấy chết mà ..

— Anh không hay biết gì hết.

— Không hay biết gì hết? Nói dễ nghe chưa. Anh cũng không hay biết gì hết rằng anh yêu chị Thuận... Anh yêu. Đừng qua mặt em mà. Anh cũng không hay có tấm hình đề ở bàn sách. Anh cũng không hay là em yêu anh... Phải không? Đúng vậy không?

— Em đừng nói vòng vo qua chuyện khác.

— Không có chuyện nào khác. Chỉ có một chuyện thôi. Bây giờ thì anh hay chưa? Anh Hiệp với anh biết rõ những chuyện đó mà...

Chúng tôi đứng trước một đầu bờ hồ, mặt nước phẳng im như gương. Hai bên bờ hồ là những khoảng đồi trọc chạy dài, cuối hồ rừng thông xanh tít tắp. Nơi chỗ chúng tôi đứng nước len vào trong những đám cỏ. Con đường còn chạy tới leo lên dốc giữa một khoảng đồi bị cắt ngang. Ở đây chúng tôi cách biệt

hoàn toàn với mọi người và xa biết mấy cái thành phố nhỏ bé rực nắng hoặc sùi sụt ở một vùng thấp.

— Cả em nữa, rồi em cũng như chị Thuận cho anh vừa lòng mà. Anh tàn nhẫn và hèn nhất lắm. Anh cũng như anh Hiệp.

Những lời của Diệp nghe như chính tôi đang nói. Trong một vài phút nào, Diệp hiểu hết, trông rõ hết. Còn những lúc khác.. Tại sao Diệp không phải con người này nhưng ng y cũ, những ngày đã tan vào trong màu trời không còn thay đổi của buổi chiều sâu hút bất động ? Tại sao Diệp ?

— Anh sẽ chết cùng với em.

— Nếu anh muốn. Nhưng em không tin

— Tại sao Diệp ?

— Hồi đầu em nghĩ anh muốn chết trước em. Nhưng bây giờ em biết là không phải. Em cảm biết như thế nhưng không giải thích được.

Diệp không giải thích được. Nhưng tôi giải thích được. Tôi ngồi xuống vệ đường nhặt những hòn gạch nhỏ liệng xuống hồ. Diệp đứng, chiếc áo len màu đỏ như màu đất lở trên đồi. Tuy vậy tôi tự bảo tôi phải chết. Trí, mày phải chết, mày phải chết vì cơn điên thực sự không đến được, không đến với mày mà chuyển nhập vào người khác. Mặt Diệp ngược thẳng trông ra hồ và ướt đầm nước mắt lúc nào.

— Thực sự anh muốn gì ?

Tôi cúi nhìn mu bàn tay tái mét của tôi đang quơ trên đám cỏ quanh chân. Không một tiếng động nào trong khắp vùng cây cỏ, trời nước. Tôi bị hút trống đi như một bầu chân không lơ lửng. Tôi không thể nghĩ lại cũng không thể nghĩ tới. Chỉ thấy mắt tối dần theo màu cỏ vô tình.

— Tại sao em lại làm như vậy ? Anh có biết không ? Có phải em ghen tức với chị ấy không ? Không. Không. Em thương chị Thuận. Chị ấy đáng thương, nhưng tại sao em lại làm như vậy ? Lúc em chạy đi mua thuốc cho chị, em nghĩ chị cần ngủ, chị cần ngủ say để khỏi lo thao thức ngóng chờ anh Hiệp. Chờ làm gì ? Cả cuộc đời mình là tự chờ đợi những ý muốn tắt ngang. Em biết anh Hiệp không về, em không muốn chị ấy phải chờ đợi. Khi em gặp anh, em nghĩ chính anh là thủ phạm. Anh đã xúi bẩy, đã khuyến khích, đã liên lạc giúp anh Hiệp để anh Hiệp đi khỏi để anh được đến gần chị Thuận... Anh biết anh Hiệp đi đâu ? nhưng anh không nói. Anh Hiệp sẽ không về, một ngày nào anh ấy sẽ không về

nữa. Em nghĩ chị ấy sẽ chết, tốt hơn hết, chị ấy chết bây giờ, chết như thế còn khoẻ hơn. Anh Hiệp về nhìn thấy đó, nhìn thấy sự tàn nhẫn của mình nằm phơi ra đó không chối nổi chính tay em rót nước cho chị Thuận, miệng em nói : chị đừng làm vậy, nhưng bụng em nghĩ : chị làm theo ý chị đi. Đó cũng là ý muốn của nhiều người. Cả ý muốn của em trong đó nữa. Chị chết và Trí sẽ tỉnh giấc. Chỉ còn em, em yêu Trí. Lúc em liệng chiếc chìa khóa vô khe cửa em còn đứng lắng nghe, em vừa sợ hãi vừa sung sướng. Chị Thuận chắc chắn sẽ chết, chết như những ảo tưởng của anh, nhưng em không ngờ thật em không ngờ...Chị Thuận chết, chết thật phải không anh ? Ảo tưởng của anh cũng chết phải không anh ? Tự ý chị muốn chết, không phải tự em ? Em chỉ làm theo ý của chị ấy nhưng em vẫn là... sát nhân. Mọi người đều biết chị ấy tự tử nhưng em biết là chính em đã phụ lực giết chị ấy. Em làm sao quên được điều ấy. Và chính em, em muốn giết mỗi ảo tưởng của anh, nhưng anh không còn ảo tưởng thì anh chỉ còn là hình dáng thảm hại mà thôi. Lúc đêm mà em chạy tới thấy anh ngồi gục trước cửa, em hiền như vậy... Tại sao em làm vậy ?... Có phải chỉ vì anh yêu em không? Em chỉ còn có thể nghĩ như vậy. Em yêu anh và em muốn giết chết những ảo tưởng của anh...

Chúng tôi đã trở về đến thành phố với những ngọn đèn khuất trong các lùm cây. Đường vẫn tối đầy những bóng cây và bụi cỏ hai bên lề. Sự mệt nhọc rời rã đầy chúng tôi đi xa hơn trong cơn mê muội của thần trí. Tôi bảo Diệp : không nên nói nữa, lời nói chỉ phá hủy đi những sự thật chưa kịp thành hình. Thuận đã chết thực. Thuận không phải là một ảo tưởng. Cái chết ấy là của chị, của Hiệp; của Diệp và của tôi. Nhưng trước hết, đó là sự chôn dấu vĩnh viễn một đời riêng của chị mà tôi không còn muốn dùng tưởng tượng để tìm kiếm nữa. Trước mắt chúng tôi vẫn mở ra những lối dốc hoang vu đi mãi không hết, không tới được phòng trọ của chúng tôi. Diệp thu hai tay trong áo và hỏi : mình đang ở đâu ? Ở chốn lạ này, chỗ nào đối với chúng tôi cũng giống chỗ nào, người nào cũng giống người nào. Chỉ riêng chúng tôi là phân biệt trơ trọi Diệp nói : gia đình em chắc đang sơn sác đồ đi kiếm. Tôi nói : gia đình anh thì không.

— Chúng ta còn bao nhiêu ngày. Anh tính coi ?...

— Không biết

— Người nhà em có thể lên tới đâu. Nhưng lúc ấy...

Diệp cất tiếng cười, tiếng cười thứ nhất tìm lại; cười xong chừng như Diệp lạnh nên im hẳn, nhưng tôi còn nghe được mãi âm vang của tiếng cười ấy. Tiếng

cười dẫn tôi vào một chỗ vô tư bát ngát của một vùng thời khắc quay vòng nhịp nhàng, rồi kéo dài như một hành lang sáng vô tận. Ở đâu đó trong hành lang, sàn trải thảm cói trên gỗ, giữa những cánh cửa đóng giống hệt, có một cánh cửa của chúng tôi mở vào trong một gian phòng trắng trần trụi với đồ vật không mang dấu vết của một người nào. Những cánh cửa kín đóng chặt không còn nghe gió lộng bên ngoài. Chúng tôi ở trong gian phòng sáng trôi lênh đênh giữa trời đêm tối mịt mù được che chở hoàn toàn bằng những nỗi cô đơn quán quýt.

— Mọi người sẽ nghĩ mình chết trong hạnh phúc. Phải không Trí ?

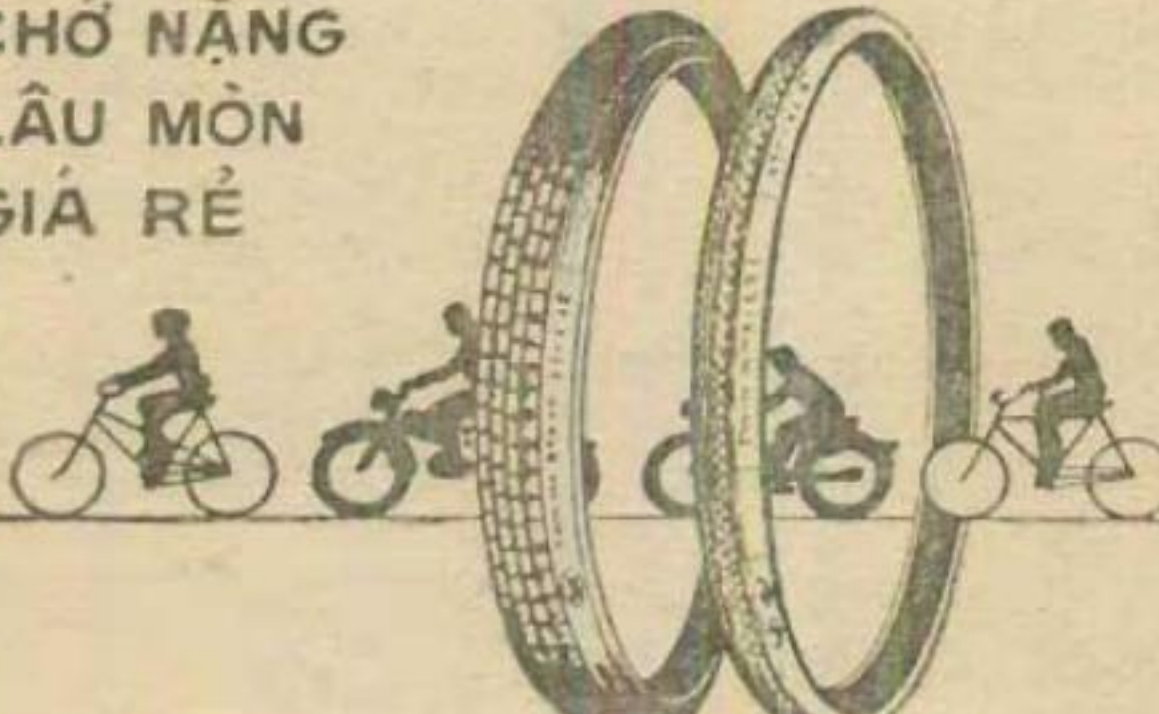
Bóng điện treo cao trên trần làm lóa mắt như ánh sáng đêm trong nhà giam. Khuôn mặt Diệp nằm nghiêng cũng rực rỡ xa vời thấp thoáng. Tôi không còn nhìn thấy ở đó cái thế giới mơ ước không tới được. Tôi chỉ thấy tận cùng ý thức bóng dáng của nỗi chết hoan lạc nhận chìm mọi khắc khoải. Diệp cũng nắm lấy bàn tay tôi như trưa nắng nào ngoài miếu hoang giữa đồng dặt lên ngực nàng bảo : Anh nghe coi... Tôi lắng nghe Diệp và hỏi : Em có hối hận không ? Diệp mỉm cười, môi hơi xanh như màu cỏ úa, mắt ướt lấp lánh như gió đang thổi qua.

(Còn nữa)

THANH TÂM TUYỀN

VỎ RUỘT XE ĐẠP, XE GẮN MÁY.

- CHỖ NẶNG
- LÂU MÒN
- GIÁ RẺ



TAM MÃ



HIỆU WHALES



DUTACO

MYLIEM

CẢI CHỈNH CHỮ VIẾT SAI VÀ IN SAI

Ở bài **Đọc cuốn « Hiệu-chú Bích-câu Kỳ-ngộ » của Ô. Hoàng-Xuân-Hân** của Tạ-Trọng-Hiệp, đăng trong bốn kỳ BK 2 5 (15-7-65), 2 6 (1-8-65), 207 (15-8-65) và 208 (1-9-65).

Bảng này dùng cách viết tả để trở nơi cần cải chính như sau :

A : cột bên trái

B : cột bên phải

Số ghi sau A/ hay B/ số dòng **đếm từ trên**. Nếu là **đếm từ dưới**, có gh thêm **dấu trừ (-)**. Ví-dụ : A/-12 là dòng 12 **đếm từ dưới** ở cột bên trái. Nếu có cước chú, tôi cũ g kê cả cước chú khi **đếm số dòng từ dưới**.

C : cước chú.

Nơi cần cải chính	Thoại BK	Thoại cải - chính
Nhan đề cả bài BK 205	Đọc cuốn « Hiệu-chú Bích-câu Kỳ-ngộ của Ô. Hoàng xuân Hân	Đọc cuốn hiệu-chú « Bích-câu kỳ ngộ » của Ô. Hoàng Xuân Hân
— trang 20 : A/-2	hoặcsách	oặc sách
— trang 21 : A/-12 và 13 -9 và 10 B/2 8 c (1) c (3)	Dương Từ — Hà Mậu - (Huỳnh Thúc Kháng) nội-dụng — mà tự xét giản (lược luận lí chỉ (còn công-dụng — một số thư-văn nôm	Dương-từ — Hà-Mậu (Phan Châu Trinh) nội dung mà tôi tự xét giản-lược luận-lí chỉ còn công dụng một số thơ-văn nôm (Bổ-chích cước chú này : về cố gắng của ông Hầu, nay đã thấy kết quả lớn, với cuốn Chí-sĩ Nguyễn Quang Diêu , Sg 1654, nhà Xây-dựng, 419 trang.
— trang 22 : A/-6 -3 và -2 B/ 7 và 18 c (1) — trang 23 : A/-4 và -3 B/-9 và -8 — trang 24 : A/-11 và -10 -10 và -9 — trang 25 : A/ 5 -11 và -10 B/c (1) — trang 26 : A/1 2 6 B/-7	— của nhiều văn học-sử nay nay rất hiếm — một di-diểm có thể cắt nghĩa — Không phải cao-hứng — Ô. HXH vẫn nghĩ rằng — trong các bản môn in Ông có khả-năng chấp giá ngữ phiên mạch-lạc câu văn, bình-luận một tro g những người quên đề ý đến nội-dung Saigon 1993 giống như lối thể khí sách Thi tập truyện minh-mãn có có một số chữ	của nhiều nhà văn-học-sử nay rất hiếm một loại di-diểm có thể cắt nghĩa Không phải tôi cao-hứng g Ô. HXH vẫn muốn nghĩ rằng trong các bản nôm in Ông có khả-năng « chấp giản ngữ phiên » mạch-ạc câu văn bình-luận một trong những người quên đề ý đến nội-dung Saigon 1963 giống như lối thề-chú sách Thi tập truyện minh-mãn có một số chữ

(còn tiếp)

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Thi sĩ máy

Ai nầy còn nhớ thiên truyện khôi hài "Thi sĩ máy", đăng ở một tạp chí ngoài Hà Nội trước đây, trong lúc nhóm "Nhân Văn" chống lãnh đạo văn nghệ.

Câu chuyện hài hước ấy, bây giờ đã thành sự thật. Tại viện đại học Tallahassee (ở Floride), người ta vừa thí nghiệm, cho các thứ nguyên liệu như danh từ, động từ, một mớ liên từ, dăm ba đại danh từ v.v... vào một máy điện tử. Xong rồi, bấm nút một cái...

Kết quả, được bài thơ, ý nghĩa đại khái như sau :

NGUYỄN - VĂN - CHÂU

ĐÓNG SÁCH VÀ MẠ CHỮ VÀNG

SẢN XUẤT ;

Giấy Bông, Giấy Da và Giấy Cầm Thạch v. v. . . Làm Đèn Giấy đủ kiểu.

50, Lê-văn-Duyệt

SAIGON

*« Âm thầm, cây cối yên lặng
Chìm vào ánh nắng yên lành
Trong khi quả tim lắng nghe
Vòng nguyệt nhanh nhẹn đứng lại lặng lẽ. »*

Thành công thật khích lệ, người ta bèn hứng chí cho vào máy một mớ nguyên liệu nữa, bấm nút nữa. Và tác phẩm thứ hai là :

*« Im lìm, những cánh đồng trong veo
Phất phơ giữa sườn núi vắng vẻ
Trong khi mặt trăng vừa mọc
Quang cảnh trang nghiêm bỗng sáng lò mờ »*

Trông qua có vài chỗ lập ý. Tuy nhiên kết quả không thể chối cãi, và vấn đề lãnh đạo văn nghệ trong trường hợp này được giải quyết khá giản dị. Muốn có thơ lạc quan, ta cho thật nhiều :

*« chuỗi cười, tiền vọt, vinh quang v.v...
vào ; muốn có thơ buồn lại trộn vào
nguyên liệu một mớ : lá rụng, u sầu »
tiếng than não nuột ; muốn có thơ hiện
sinh hôm nay thì cho vô : buồn nôn, dâm
vật, suy tư, đứa con gái, merde, salaud,
v.v...*

Bốn bề một nhà

Chữ « nhà » đây hiểu theo nghĩa đen. Nó cao năm tầng lầu, nằm ở số 8, đường Hôtel de Ville, tại Paris. Đó là Quốc tế nghệ thuật xá (Cité Internationale des Arts), vừa hoàn tất đợt đầu, đang được tiếp tục xây cất thêm.

Văn nghệ sĩ bất cứ ở xứ nào đến, có chính phủ giới thiệu, đều được vào ở có tiện nghi đầy đủ, có phương tiện để sáng tác (dàn cho nhạc sĩ, đồ vẽ cho họa sĩ, sách báo cho văn sĩ v. v...), Điều khắc gia được ở tầng dưới cùng bởi vì họ phải khiêng những khối đá, những mớ đồng, thạch cao v.v... nặng nề, kèn càng. Nhạc sĩ ở tầng cao chót vót, trên đó họ tha hồ làm ồn. Mấy tầng giữa thì các bộ môn khác chia nhau. Nghệ sĩ giang hồ tứ chiếng tha hồ mà tới đây đoàn kết nhau. Những nghệ sĩ có vợ hay có chồng cũng được mang theo.

Một sáng kiến như vậy, nghe nói đến ai cũng mê tơi. Nước Pháp nỗ lực dẫn đầu là vì họ muốn khôi phục lại địa vị của mình trong giới văn nghệ. Trước đây đã có một thời huy hoàng mà văn nghệ sĩ Âu Á đua nhau tìm tới Paris. Văn hào Nga I. Erhenbourg trong cuốn hồi ký mới in đã nhắc lại với giọng cảm động thuở thiếu thời của mình lang thang tại Paris, la cà trong quán La Rotonde. Gần đây, Paris có mùi bị sút thế. Nghệ sĩ bốn phương đa số tìm tới hoặc New York, hoặc La mã, hoặc Luân đôn. Họ chê

sinh hoạt Paris đắt đỏ, đi sống ở Paris khó khăn.

Paris bèn buồn giận. Vì vậy mà «Quốc tế nghệ thuật xá» ra đời.

Ông Văn-sĩ có vấn

Mỗi nước có một lối cưng riêng đối với văn nghệ. Nước Pháp xây nghệ thuật xá nước Việt Nam cũng yêu văn hóa không kém ai nên hiến ngay cho văn hóa một tòa nhà, để cho văn hóa tha hồ hoạt động hơn một năm nay.

Nước Mỹ thì khác. Hành diện quốc gia của họ là mũi Kennedy, nơi họ phóng những hỏa tiễn, vệ tinh, lên mặt trăng, lên hỏa tinh v.v... Bí mật quốc gia của họ được bảo vệ hết sức kỹ lưỡng, « như bảo vệ tròng con mắt » của mỗi người. Vậy mà họ mời vào đó một nhà văn, cho phép nhà văn đó sục sạo khắp mọi nơi, theo gót các phi hành gia vào các phòng thí nghiệm, vào mọi chỗ thực tập, cho phép nhà văn đó chất vấn các chuyên viên, các nhà bác học, muốn hỏi gì thì hỏi... Nhà văn đó là ai mà ghê gớm vậy? John Steinbeck, giải Nobel văn chương chẳng? Một giải Pulitzer nào đó chẳng? — Không! Đó chỉ là văn sĩ Martin Caidin, chuyên viết loại truyện khoa học giả tưởng.

Người ta thấy ông ta có tài bịa ra những chuyện khủng khiếp, căn cứ vào ít nhiều kiến thức khoa học, cho nên người ta bèn mời ông vào mũi Kennedy, cho ông quan sát việc phóng người lên không gian, rồi mời ông hãy tưởng tượng

ra các tai nạn thật khủng khiếp. Chỉ nhờ ông có mỗi một việc như thế. Các nhà bác học các chuyên viên tại đây thua ông cái trí tưởng tượng. óc tưởng tượng thêu dệt của ông sẽ gọi cho các chuyên viên này ra ý kiến tiên liệu và đề phòng mọi bất trắc có thể xảy ra.

Trong lịch sử, đây có lẽ là lần đầu tiên văn nghệ làm cổ vấn cho kỹ thuật.

Báo Pháp đăng cáo phó

Tờ *Mercure de France*, tờ *Lettres nouvelles* đã chết. Tờ *France-Asie* (trước ở Sài Gòn, sau dời qua Đông-Kinh) cũng chết. Tờ *Les temps modernes* vừa bị một chuyển lao đao, gượng sống được. Nhưng nó thở bằng hai lỗ mũi của J. P. Sartre. Ngày nào J.P. Sartre qua đời, tờ tạp chí này chắc chắn cũng qui tiên.

Sáng tác và lý luận của Robbe-Grillet

... Một anh chàng Johnson nào đó tính toán một chuyện làm ăn gian manh với một anh chàng Edouard Manneret nào đó. Manneret chẳng may bị ám sát, làm cho Johnson bắt buộc phải bỏ Hương-cảng ra đi. Johnson ra đi, muốn đem theo một cô gái chơi bời; muốn đem cô gái chơi bời đi phải bỏ tiền ra chuộc, muốn có tiền để chuộc gái, Johnson phải hỏi mượn Manneret, Manneret từ chối khiến Johnson nổi giận, giết ngay ông bạn. Ông bạn Manneret bị ám sát làm cho Johnson bắt buộc phải rời

Hương-cảng ra đi. Muốn ra đi Johnson phải có tiền, muốn có tiền anh ta hỏi mượn bạn là Manneret. Manneret từ chối, Johnson giết phăng bạn và bị bắt buộc phải ra đi..

Đó là một đoạn trong cuốn tiểu thuyết mới *La maison de rendez-vous* của Alain Robbe-Grillet, chọn lựa và tóm tắt đại khái, theo lối Robbe-Grillet.

Tiểu-thuyết-mới cực mới đó hao hao giống một sáng tác cổ truyền của dân gian Việt Nam :

Con chim se sẻ,
Nó để mái tranh,
Tôi lượm mẽ sành
Tôi lia chết dẫy,
Làm thịt bảy mâm,
Dâng ông một mâm,
Ông hỏi thịt gì ?
Thịt chim se sẻ,
Nó để mái tranh,
Tôi lượm mẽ sành...

Alain Robbe-Grillet kể truyện cho Madeleine Chapsal nghe, thỉnh thoảng ngừng lại hỏi xem người nữ phóng viên xấu số này có theo kịp câu truyện không. Rốt cuộc, ông bảo cho biết rằng truyện quanh co tròn tréo như thế là để cho độc giả thấy rõ nó nhằm nhí, vô lý và đừng để ý đến nó nữa. Đừng để ý đến nó, đến câu chuyện, đến nhân vật v.v...

Vậy thì ông sáng tác để làm gì ? Một trò đùa không mục đích sao ? — Ồ,

không ! Alain Robbe Grillet tha thiết muốn truyền đạt đến kẻ khác một cái gì .

« Nói ra thì kỳ quặc, nhưng tôi rất muốn truyền đạt. Có điều, tôi muốn truyền đạt một cái gì mà chính tôi cũng chưa biết. Tôi không phải là một nhà văn có sẵn một sứ điệp để truyền đi. Tôi là một kỹ sư bắt tay viết văn bởi vì tự thấy có điều để nói ra. Điều gì ? Đó là cái tôi đang tìm kiếm, không phải cho tôi mà cho tất cả mọi người. Và tôi không thể nói được đó là cái gì, bởi vì tôi đang còn tìm kiếm ! Hãy để ý cái mà một nhà văn tìm cách truyền

đạt và cái mà người ấy nói ra, là hai chuyện khác nhau. Céline là một nhà văn cách mạng tả phái nhưng những điều đã thốt ra lại bảo rằng tác giả là chống Do thái. Gide nghĩ rằng Proust kể những chuyện đồng tính luyến ái, nhưng không phải người ta đọc Proust vì những cái ấy. Sartre nghĩ rằng các nhà văn có điều gì đó để nói ra và họ phải cố gắng để nói cho hay. Nhưng đối với tôi, cái cố gắng đó không thể có được, bởi vì những gì cần để nói ra chính là những gì tôi đang nói ! »

TRẦN THIÊN

Văn-nghệ và Thể-thao với Ngoại-giao

(21-10-65)

Tối thứ năm 21-10-65 Bộ Thanh Niên có tổ chức một buổi nói chuyện tại trường Quốc Gia Âm Nhạc, với đề tài « Tác dụng ngoại giao của Văn-Nghệ và Thể Thao. » Diễn giả là nhà văn và nhà ngoại-giao quen thuộc của độc-giả Bách-Khoa : ông Phạm-Trọng-Nhân Đại-sứ Việt-Nam tại Lào.

Y-kiến ông Phạm-Trọng-Nhân đưa ra đã bàng bạc trong những bài báo đăng tải trên Bách Khoa : Thể Thao, Văn nghệ là một lợi khí ngoại-giao mà các quốc gia Cộng-sản triệt để khai thác, và Việt-Nam Cộng-Hòa cũng có thể áp dụng chính sách đối ngoại tương tự, bằng cơ là Đoàn Văn-nghệ của Nha Chiến-Tranh Tâm-Lý Bộ Quốc Phòng sang Lào kỳ vừa rồi, do sự tổ chức của Bộ Thanh-Niên và lời đề-nghị của Tòa Đại-sứ Việt-Nam tại Vạn-Tượng, đã thành công mỹ mãn. Phạm quân đã cho biết là những buổi trình diễn từ Vạn Tượng xuống Hạ Lào vào tận Hoàng Cung đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Và theo lời yêu cầu của Việt kiều, đoàn văn-nghệ đã ở nán lại ba tuần. Diễn giả cho rằng thành quả tốt đẹp như thế là một khích lệ cho chính phủ trong việc phác họa một chương trình văn nghệ, thể thao di vận động ở hải ngoại, để nâng cao uy tín nước nhà và tranh thủ kiều bào. Buổi nói chuyện của ông Phạm-Trọng-Nhân được thính giả hoan nghênh nhiều lần nhờ lối nói ý nhị duyên dáng của diễn giả. Sau buổi diễn thuyết có phần văn nghệ hấp dẫn do Tiểu Đoàn Nha CTTL trình diễn.

Đ. T.

Phạm Duy – Tâm Ca – Tuổi Trẻ

22 - 10 - 1965

Phạm-Duy tiền chiến với *Nhạc Tuổi Xanh, Đường Về Quê, tuổi trẻ* còn phơi phới. Phạm Duy kháng chiến với *Bà Mẹ Gio Linh, Tiếng Hát Sông Lô..* của những ngày lặn lội ngược xuôi. Phạm-Duy ở miền Nam với *Con đường cái quan* trong nỗi ước mơ một quê hương thống nhất. Phạm Duy sau Cách Mạng với *Mẹ Việt Nam* trong niềm tin dân tộc lớn mạnh. Phạm Duy hôm nay với 10 bài tâm ca, bản khoán, nghi ngợ, tỏ thái độ với cuộc đời.

Với mười bài Tâm ca vừa hoàn thành, Phạm Duy đến với tuổi trẻ trong Buổi Sinh Hoạt Văn Nghệ của Chương-Trình Công Tác Hè 65 đêm 22 tháng 10-1965.

Trên dưới bốn trăm thanh niên đã có mặt trong đêm nghe nhạc ở sân cỏ phía sau Trụ sở 41 Phan đình Phùng. Các thanh niên không những chỉ đến nghe Phạm Duy hát mà còn hát cùng Phạm Duy. Bốn trăm thanh niên cả nam, cả nữ, ngồi la liệt trên ghế, trên chiếu, và cả dưới cỏ, dưới đất. Khung cảnh trở nên hào hứng ngay từ phút đầu.

Một đoạn băng nhựa ghi vài bài hát cũ được phát thanh để «hâm nóng» không khí văn nghệ. Sau đó, Đỗ-Ngọc-Yến, Tổng Thư Ký Chương trình Hè, cũng là người tổ chức đêm nghe nhạc, đứng lên giới thiệu nhạc sĩ Phạm Duy và mười bài Tâm ca của anh. «Tâm ca là ca khúc soạn ra để mình hát cho mình nghe, mình suy ngẫm, mình thưởng thức. Không cần phải có đám đông. Đó là bài hát của chính lòng mình ..»

Phạm Duy cảm ơn. Anh cho rằng Đêm Sinh Hoạt này là một dịp để anh được gặp gỡ các bạn trẻ. Theo anh, thì anh đã già, sắp «xuống lỗ» rồi. Mà người ta vẫn nghi giữa tuổi 20 và tuổi 40 ngày nay đã bị chặt cầu. Hai lứa tuổi trở thành khác biệt, xa lạ. Phạm Duy coi đêm này như một cái cầu nối anh với Tuổi Trẻ.

Trong đêm đó, các thanh niên đã tham dự, đã tiếp thu thật sự cái công trình văn nghệ của một người anh. Những nỗi ưu tư của Phạm Duy, không còn là nỗi ưu tư của riêng anh nữa mà là nỗi ưu tư của tất cả mọi người. Trong ưu tư đã có thái độ, trong thái độ biểu tỏ sự bao dung, tha thứ và tin tưởng như lời bài tâm ca số 8 :

Kẻ thù ta đâu có phải là người

Giết người đi thù ta ở với ai

Điều trước tiên là chúng ta hãy suy nghĩ về mình để tự dọn mình :

Kẻ thù ta đều có ở người ngoài

Nó nằm đây nằm ngay ở mỗi ai

Và từ sự suy ngẫm thu hẹp ấy, mở rộng ra ngoài, để hòa mình vào cuộc sống. Sống với nhau trong thân yêu, cùng nhau nhập cuộc :

Hát với tôi trong lúc vui hay trong cơn buồn

Dù vui, dù buồn, chúng ta vẫn còn thấy mặt nhau, vẫn còn ở bên nhau, trong tình thương nhân loại, không thù hận, phân lìa. Đó là ý nghĩa của những bài tâm ca Phạm Duy vừa hoàn thành.

Đêm Sinh Hoạt Văn Nghệ chấm dứt trong nỗi băng khuâng của mọi người. Đây cũng là đêm họp mặt đánh dấu sự kết thúc của Công Tác mùa Hè.

V. D.

Thiếu nhi lâm nguy

25 - 10 - 1965

Chắc bạn đọc còn nhớ cách đây vài tháng, một phong trào chống lại tình trạng sa đọa của thanh thiếu nhi và những ấn loát phẩm đồi trụy, do hội bạn trẻ Việt Nam khởi xướng đã đưa đến sự thành lập một *Hội đồng tinh thần thanh thiếu nhi*, gồm một số nhà văn, nhà báo, nhà giáo và một số hội đoàn thiết tha đến sự tồn vong của dân tộc.

Nay hội đồng này cùng hội Bạn trẻ em Việt-Nam có tổ chức năm buổi nói chuyện có thảo luận, tại trụ sở hội Văn hóa Bình dân số 7, đường Phan-Kế-Bính, Đa-Cao, lúc 20 giờ nằm trong khuôn khổ cuộc vận động bảo vệ tinh thần thanh thiếu nhi chống làn sóng sa đọa và ấn loát phẩm đồi trụy.

Lịch trình các đề tài như sau :

Tối 25-10-65 : *Thiếu nhi lâm nguy*

Tối 1-11-65 : *Phát huy văn hóa dân tộc chống văn hóa đồi trụy.*

Tối 22-11-65 : *Nhu cầu một đường lối giáo dục mới.*

Tối 6-12-65 : *Đường hướng sáng tác văn nghệ phục thiếu nhi*

Tối 20-12-65 : *Vai trò gia đình và xã hội trong việc giáo dục thanh thiếu nhi.*

Thuyết trình viên được giao cho nhiệm vụ mở màn cho năm buổi nói chuyện liên tiếp là ông *Trần-Thúc-Linh*, một người chẳng xa lạ gì với tòa án, với văn hóa và độc giả Bách-Khoa. Ông vốn là thẩm phán tòa án thiếu nhi Sài-Gòn có chân trong Quản trị các hội phụ huynh học sinh đôi trường trung học đô thành, và là hội viên Liên hiệp quốc tế các thẩm phán những Tòa án thiếu nhi. Ông lại là tác giả nhiều bài khảo luận về thanh thiếu nhi đăng trên các tạp chí có giá trị.

Bằng một giọng rõ ràng, tự nhiên ông đã thuyết trình một cách lưu loát về đề tài : *«Thiếu nhi lâm nguy»*

Căn bản pháp lý của trẻ em được luật gia này xét đến trước tiên.

« Trẻ em không còn là một đối tượng quyền lợi, mà là một chủ thể quyền lợi », nghĩa là trẻ em trong phạm vi luật pháp có năng lực hưởng thọ quyền lợi và các quyền lợi của trẻ em đã nằm trong một bản tuyên ngôn được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc biểu quyết chấp nhận ngày 20 11-1959.

Cho nên khi thiếu nhi lâm nguy, các toàn thể đạo đức lên tiếng, đã đành, mà luật pháp cũng không thể làm ngơ.

Nhưng lâm nguy là sao ? Bị gia đình bỏ rơi ? Bị pháp luật trừng trị ? Thuyết trình viên xin gạt qua bên các trường hợp vừa nêu mà đưa ra định nghĩa như sau :

« Trẻ em lâm nguy là những trẻ em, nếu không được giúp đỡ ngay, sẽ sa vào vòng phạm pháp »...

Định nghĩa xong, diễn giả tìm nguyên nhân. Ông bác chủ trương của Lombroso và học phái này, và cho rằng số trẻ con sanh ra đã mang trong người những mầm hư đốn, số này rất ít. Vậy nên tìm những nguyên nhân do ở ngoài đưa đến, tức là ảnh hưởng ngoại lai, của xã hội và của gia đình.

Về xã hội, ông bắt đầu xét đến học đường mà ông nêu ra hai khuyết điểm nổi bật : lớp học đã quá đông, lại học có một buổi ; chương trình giáo dục không thích nghi. Sự bành trướng quá mau của đô thị khiến ở nơi đây, cuộc sống quá dồn dập, quay cuồng, không ai biết đến ai. Đời sống thời nay cho ta ta thấy cái hố xa cách giữa thành thị và thôn quê, giữa già và trẻ ngày thêm sâu ; ảnh hưởng ca nhạc, điện ảnh, sách báo cũng được thuyết trình viên xét đến ; một hiện tượng đặc biệt của hai mươi năm khói lửa kéo dài : một số thanh niên sanh ra và lớn trong loạn lạc, sống ở đô thị mà không biết đến làng mạc thôn xóm. Ảnh hưởng không hay của chiến tranh được ông nhấn mạnh : nào mạng sống con người mất giá, nào nhân phẩm bị hạ, nào triết lý sức mạnh ra oai, đều được thuyết trình viên đề cập.

Xã hội đã "tang thương" như thế, gia đình cũng chẳng hơn gì.

Nhìn chung thì thấy thiếu sót đủ mặt. Nào thiếu sót về kinh tế (nhà thờ ồ chuột, cha mẹ vì sinh kế thường vắng nhà..) Nào thiếu sót về trình độ học thức (không biết cách săn sóc, dạy dỗ con cái), đặc biệt là thiếu sót về tư cách: hoặc cha mẹ ích kỉ, nêu gương xấu, hoặc cha mẹ bạc nhược hay thương con không phải lẽ, hoặc gia đình thiếu sự thuận hòa.

Kết quả là trẻ em không tìm thấy ở cha mẹ sự che chở, tình âu yếm, nên sống ngoài đường, rồi kết bè, kết đảng. Đề tự dối mình, chúng tuyên bố đời phi lí, phản đối các giá trị cổ truyền chống đối xã hội, thật ra là đề che lấp sự dao động tâm hồn của chúng.

Thiếu nhi nước ta đang ở vào tình trạng lâm nguy rõ rệt. Công cuộc cứu nguy cần phải xúc tiến mau, sâu, và mạnh. Thuyết trình viên đưa ra những biện pháp phòng ngừa, cả về ba phương diện : xã-hội, giáo-dục và pháp-lí.

Về xã hội, cần đến sự thành lập : các tổ chức thanh niên các « câu lạc bộ theo kinh nghiệm ở Pháp. ở Mi, do các nhân viên cảnh sát đảm nhận, các cơ cấu xã hội với việc đào luyện các trợ tá xã hội, và tìm cách sớm đưa các thanh thiếu nhi dần thân vào công cuộc sản xuất.

Về giáo dục, một mặt nhờ đến chánh quyền, một mặt củng cố gia đình. Củng cố gia đình bằng phương pháp giáo dục các phụ huynh; nhờ đến chính quyền để lập chương trình giáo dục thích nghi cho từng loại trẻ; lấy việc làm để đào tạo lớp người tương lai; bài trừ các ấn loát phẩm có hại, xuất bản các sách báo cho thanh thiếu nhi.

Đặc biệt, là ông không đồng ý với một số các nhà tân giáo dục Âu Mi, chủ trương cho trẻ con *vừa chơi vừa học*, để chúng thấy thích thú trong việc học hỏi. Ông cho rằng cuộc sống ngày một khó khăn, gay gắt, thì ta có bốn phận chuẩn b lần trẻ vào đời bằng cách lập một chương trình *vừa làm vừa học*.

Về pháp lý ông đưa ra những tương chính cho một ưu chế pháp lý: như bảo vệ thanh thiếu nhi, không căn cứ trên lỗi cha mẹ mà lấy quyền lợi của trẻ em làm việc tiêu chuẩn, như kiểm soát ấn loát phẩm dành cho các thanh thiếu nhi, như mở rộng cho các đại diện thanh niên tham gia mọi công việc lập pháp.

Đề kết luận, thuyết trình viên hô hào việc phát động một phong trào để mọi người nhận chân vai trò giáo dục của mình và nhận lãnh trách nhiệm đối với trẻ em.

Sau đó, là phần thảo luận, do bác sĩ Nguyễn-Hữu-Phiến chủ tọa.

Thì giờ để thảo luận không được nhiều, ban tổ chức xin các thánh giả góp

kiến nên văn tắt. Vị nào thấy cần bày tỏ cặn kẽ ý kiến của mình, xin viết ra giấy, gửi đến Hội đồng bảo vệ tinh thần thanh thiếu nhi, để sau in vào tập « Thiếu nhi lâm nguy », hầu người đọc có một ý niệm chung đầy đủ và chân xác về vấn đề thời sự cấp bách này.

Có tám người đứng tên phát biểu ý kiến, trong đó có vị chủ tọa cuộc thảo luận. Người ta đề ý đến ý kiến của ba vị sau đây : Ông Thiên Giang, bác sĩ Nguyễn-Hữu-Phiếm và ông Phan-Ngô.

Ông Thiên-Giang đã tỏ ra rất sốt sắng với thanh thiếu nhi. Ông có chân trong ban sáng lập hội Bạn trẻ em Việt-Nam, ông chủ trương tờ Hồn Trẻ, nhưng hội ra đời đã bảy năm nay, mà ít người được biết, hội viên đã ít mà lại ít chịu hội họp, tờ Hồn Trẻ viết cho bạn trẻ và thiên về giáo dục dân tộc, lại bán rất khó khăn. Hẳn thỉnh giả cũng đồng ý với thuyết trình viên rằng thiếu nhi mà lâm nguy là do lỗi ở người lớn ; đó là cha mẹ, đó là nhà giáo, đó là nhà cầm quyền. Trẻ em chỉ là nạn nhân đáng thương. Trước hiểm họa ấy, ta không thể khoanh tay mà ngồi. Phải làm cái gì đây. Ông mong người nghe ra về ai cũng quyết tâm làm một việc gì cho trẻ em được nhờ.

Bác sĩ Nguyễn-Hữu Phiếm trả lời thuyết trình viên và một bạn già (vừa phát biểu ý kiến) về nguyên nhân chiến tranh. Ông cho rằng lên án chiến tranh trong việc làm hư hỏng thanh thiếu nhi, là điều phải, nhưng không phải là điều đúng. Vì ở Nam Tư, ở Do-Thái chẳng hạn, hai dân tộc bị điều đứng vì chiến tranh, mà chẳng có vấn đề thiếu nhi sa đọa. Vậy, không phải chỉ vì chiến tranh mà gây nên nông nổi, mà đó là một hiện tượng có cùng cả thế giới, sau thế chiến thứ hai. Nước ta, tuy vậy, chưa có những cuộc phá phách đông đảo, những hành động li kì như ở các nước Âu, Mĩ. Ông nhận xét rằng trẻ cần uy quyền ở gia đình để nương tựa và cần tình thương yêu của cha mẹ để mà vững bước trên đường đời.

Ông Phan-Ngô nêu lên nhận xét : nguyên nhân sự lâm nguy của thiếu nhi nó đa phương và phức tạp. Biện pháp ta đưa ra bây giờ, chưa phải là liều thuốc tiên, mà là một lối cấp cứu cho con bệnh quá ngặt nghèo trong khi chờ bác sĩ đến mà thôi, mà vị vị bác sĩ ông nói đây là một cuộc cách mạng toàn diện thực sự. Là một nghị sĩ đô thành, ông đã từng đưa ra năm biện pháp về vấn đề này, nhưng ở đây, ông chỉ đưa ra một và xin cử tọa cho biết ý kiến : đó là giảm bớt hoặc cấm hẳn những buổi chiếu bóng thường trực. Vì rạp chớp bóng thường trực là nơi thu hút thanh thiếu nhi trên đường sa đọa là một lời chửi rủa vào dân tộc đang sống trong cảnh thiếu thốn, đau thương một mất một còn này.

NGÊ - BÀ - LÍ thuật

Phát-huy văn-hóa dân-tộc chống văn-hóa đồi-trụy

1 - 11 - 1965

Trong khuôn khổ năm cuộc nói chuyện do Hội-Đồng Bảo-vệ Thanh-Thiếu Nhi tổ chức, nhà văn Vũ-Hạnh đã đại diện Hội Đồng thuyết trình về đề tài thứ hai : *Phát huy văn hóa dân tộc chống văn hóa đồi trụy*, tại thính đường Hội Văn Hóa Bình Dân ở số 7 Phan Kế Bính DaKao, lúc 20 giờ ngày 1-11-65.

Số ng ~~ười~~ tham dự là một thành phần chọn lọc gồm các phụ huynh, đại diện của Hội Bảo vệ luân lý, nhà báo, bác sĩ, luật sư, giáo sư tư thực, một số sinh viên và học sinh.

Đề dành thì giờ cho cuộc thảo luận về sau, nên bài thuyết trình được rút gọn gồm hai điểm lớn : a) *Thực-trạng văn-hóa đồi trụy* và b) *Phát huy văn-hóa dân tộc*.

Về điểm thứ nhất, thuyết trình viên nhấn mạnh ở tình trạng sách báo nhảm nhí, lai căng đầu độc trẻ em, phim ảnh đồi bại khiêu động thú tính, âm nhạc lãng mạn... đang còn phồn-biến lan tràn, chưa có biện pháp chặn đứng hữu hiệu. « *Những thứ gọi là văn hóa cỡ ấy dễ cao bản năng, xóa bỏ lý trí, phát huy con người tính ác, loại trừ con người tính thiện làm tiêu diệt cả tình yêu để thay thế bằng dục vọng, tiêu diệt cả những chút gì còn được gọi là tích cực ở trong nhà trường.* »

Nhưng nếu ngăn chặn tất cả những « văn hóa » ấy, chúng ta sẽ lấy gì để bù đắp vào chỗ trống kia ? Phải có nền văn hóa tốt, lành mạnh, cao đẹp. Muốn thế, chúng ta phải tìm chỗ dựa vững chắc, hợp lý, để xây dựng văn hóa mới. Chỗ dựa duy nhất, ấy là dân tộc. Phát huy những gì vốn có của dân tộc mình, những gì nói lên thể diện cảm nghĩ của đại đa số người Việt, những gì làm nên truyền thống cao quý của giống nòi mình, để dựa vào đấy mà tạo nên những tác phẩm. Như thế văn hóa dân tộc không dung nạp những tư tưởng thoái bộ, lỗi thời và không từ chối tinh-túy văn-hóa nước ngoài.

Thuyết trình viên kết luận : « *Chỉ có khi nào chúng ta biết kiêu hãnh về dân tộc của mình, chúng ta thực sự là người Việt Nam thì ta mới có đủ niềm tự-tin để tự phát huy và mới tiếp nhận một cách bình đẳng, hợp lý, văn hóa của dân tộc khác.* »

Sau phần thuyết trình một chủ tọa đoàn cho cuộc thảo luận đã được thành lập do bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm làm chủ tịch... Các ý kiến được trao đổi với nhiều nhiệt-tình nhưng vì thời giờ có hạn nên chưa thật làm sáng tỏ vấn đề trọng-tâm. Người ta lưu ý đến sự nhiệt tâm góp ý của các ông Thiên-Giang, Than-Ngô, Trương-Lê, Lê văn-Hào, Nguyễn-hữu-Ba, Bùi-chánh-Thời...

Tuy vậy cuộc thảo luận đã đạt được kết quả là kêu gọi được sự chú ý đối với vấn đề văn hóa dân tộc và tranh thủ được đa-số tuyệt đối về hai biểu quyết : Thứ nhất, là sự cần thiết phát huy văn hóa dân tộc để chống lại văn hóa đồi trụy ; thứ hai, là cần tiến đến một cuộc hội-thảo sâu rộng hơn nữa về vấn đề này.

P. T.

Sáng lập : HUỖNH VĂN LANG

Chủ-nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Kiểm-duyet số 2243/BTLC ngày 11-11-65